



# Hướng dẫn sử dụng trực tuyến

**DCP-B7500D**  
**DCP-B7535DW**  
**MFC-B7715DW**

## Mục lục

<b>Trước khi bạn sử dụng máy Brother</b> .....	<b>1</b>
Định nghĩa các mục lưu ý .....	2
Các nhãn hiệu .....	3
Lưu ý quan trọng .....	4
<b>Giới thiệu về máy Brother của bạn</b> .....	<b>5</b>
Tổng quan về bảng điều khiển .....	6
Truy cập Brother Utilities (Windows) .....	11
Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Brother (Windows) .....	13
<b>Xử lý giấy</b> .....	<b>14</b>
Nạp giấy .....	15
Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy .....	16
Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay .....	19
Thiết đặt giấy .....	26
Thay đổi khổ giấy và loại giấy .....	27
Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy .....	28
Nạp tài liệu .....	29
Nạp tài liệu vào Bộ nạp tài liệu tự động (ADF) .....	30
Nạp tài liệu trên kính máy quét .....	31
Vùng không thể quét và vùng không thể in .....	32
Sử dụng giấy đặc biệt .....	33
<b>Xử lý sự cố</b> .....	<b>34</b>
Thông báo lỗi và bảo trì .....	35
Kẹt tài liệu .....	39
Tài liệu bị kẹt ở đầu bộ ADF .....	40
Tài liệu bị kẹt dưới nắp tài liệu .....	41
Lấy các mảnh giấy nhỏ bị kẹt ra khỏi ADF .....	42
Kẹt giấy .....	43
Giấy bị kẹt trong khay giấy .....	44
Giấy bị kẹt ở khay giấy đầu ra .....	46
Giấy bị kẹt ở phía sau máy .....	47
Giấy bị kẹt bên trong máy .....	49
Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt .....	51
Vấn đề khi in .....	53
Cải thiện chất lượng in .....	56
Vấn đề về điện thoại và fax .....	61
Thiết đặt Phát hiện âm quay số .....	65
Thiết đặt tương thích đường dây điện thoại cho hệ thống can nhiễu và VoIP .....	66
Vấn đề về mạng .....	67
Thông báo lỗi cho Sự cố mạng .....	68
Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Brother ở đâu? .....	69
Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây .....	70
Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows) .....	72
Máy Brother của tôi không thể in, quét hoặc nhận PC-FAX qua mạng .....	73
Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không. ....	75
Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google .....	76

Các vấn đề về AirPrint .....	77
Các vấn đề khác .....	78
Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn .....	80
Truyền Fax đến máy Fax khác .....	81
Truyền fax đến máy tính của bạn .....	82
Truyền báo cáo nhật ký fax đến máy fax khác .....	83
Thông tin về máy .....	84
Kiểm tra số sê-ri .....	85
Kiểm tra phiên bản firmware .....	86
Tổng quan về Chức năng Đặt lại .....	87
Đặt lại máy Brother của bạn .....	89
<b>Bảo trì thường lệ .....</b>	<b>90</b>
Thay thế vật tư .....	91
Thay Hộp mực .....	93
Thay Bộ trống mực .....	96
Vệ sinh máy .....	99
Vệ sinh máy quét .....	100
Vệ sinh Dây Corona .....	101
Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đếm mực của trống mực .....	102
Vệ sinh trục cuộn lấy giấy .....	105
Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận .....	106
Đóng gói và vận chuyển máy Brother của bạn .....	107
<b>Thiết đặt máy .....</b>	<b>109</b>
Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển .....	110
Trong trường hợp mất điện (Lưu trữ bộ nhớ) .....	111
Thiết đặt chung .....	112
In báo cáo .....	129
Bảng thiết đặt và tính năng .....	132
Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn .....	147
Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web .....	148
Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa .....	153
<b>Phụ lục .....</b>	<b>164</b>
Thông số kỹ thuật .....	165
Cách nhập văn bản trên máy Brother của bạn .....	172
Vật tư .....	174
Số điện thoại Brother .....	175

## Trước khi bạn sử dụng máy Brother

- Định nghĩa các mục lưu ý
- Các nhãn hiệu
- Lưu ý quan trọng

## Định nghĩa các mục lưu ý

Chúng tôi sử dụng các ký hiệu và quy ước sau xuyên suốt Hướng dẫn sử dụng này:

 <b>CẢNH BÁO</b>	CẢNH BÁO cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến chết người hoặc thương tích nghiêm trọng.
 <b>THẬN TRỌNG</b>	THẬN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thương tích nhẹ hoặc ít nghiêm trọng.
<b>QUAN TRỌNG</b>	QUAN TRỌNG cho biết tình huống có khả năng gây nguy hiểm mà, nếu không tránh được, có thể dẫn đến thiệt hại cho tài sản hoặc hỏng chức năng sản phẩm.
<b>LƯU Ý</b>	LƯU Ý quy định môi trường hoạt động, điều kiện lắp đặt hoặc điều kiện sử dụng đặc biệt.
	Các biểu tượng gợi ý sẽ chỉ ra những gợi ý hữu ích và thông tin bổ sung.
	Biểu tượng Nguy hiểm điện cảnh báo bạn về khả năng bị điện giật.
	Biểu tượng Nguy hiểm hỏa hoạn cảnh báo bạn về nguy cơ hỏa hoạn.
	Biểu tượng Bề mặt nóng cảnh báo bạn không được chạm vào bộ phận máy đang nóng.
	Biểu tượng Cấm cho biết hành động mà bạn không được thực hiện.
<b>In đậm</b>	Chữ in đậm xác định các nút trên bảng điều khiển của máy hoặc màn hình máy tính.
<i>In nghiêng</i>	Chữ in nghiêng nhấn mạnh điểm quan trọng hoặc giới thiệu với bạn chủ đề liên quan.
Courier New	Phông chữ Courier New xác định thông báo hiển thị trên màn hình LCD của máy.

### Thông tin liên quan

- [Trước khi bạn sử dụng máy Brother](#)

## Các nhãn hiệu

BROTHER là nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty Brother Industries.

Microsoft, Windows, Windows Server, SharePoint, Internet Explorer, Outlook, PowerPoint, Excel, OneNote và OneDrive là các nhãn hiệu đăng ký hoặc nhãn hiệu của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Apple, Mac, Safari, AirPrint, AirPrint logo, iPad, iPhone và iPod touch là các nhãn hiệu của Apple Inc., đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.

macOS là nhãn hiệu của Apple Inc.

App Store là nhãn dịch vụ sửa chữa của Apple Inc.

Nuance và PaperPort là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đăng ký của Nuance Communications, Inc. hoặc các công ty con của nó tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

PostScript và PostScript 3 là các nhãn hiệu đăng ký hoặc nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Wi-Fi, Wi-Fi Alliance và Wi-Fi Direct là các nhãn hiệu đăng ký của Wi-Fi Alliance®.

WPA, WPA2, Wi-Fi CERTIFIED, Wi-Fi Protected Setup và biểu tượng Wi-Fi Protected Setup là các nhãn hiệu của Wi-Fi Alliance®.

Android, Gmail, Google Cloud Print, Google Drive, Google Chrome, Chrome OS và Google Play là các nhãn hiệu của Google Inc. Việc sử dụng các nhãn hiệu này phải tuân theo Giấy phép của Google.

Mopria® và biểu tượng Mopria® là các nhãn hiệu đã được đăng ký và nhãn dịch vụ sửa chữa của Mopria Alliance, Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác. Nghiêm cấm việc sử dụng trái phép.

Mozilla và Firefox là các nhãn hiệu đăng ký của Mozilla Foundation.

Intel là nhãn hiệu của Intel Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Evernote và biểu tượng Evernote Elephant là các nhãn hiệu của Evernote Corporation và được sử dụng theo giấy phép.

Nhãn chữ Bluetooth® là nhãn hiệu đăng ký thuộc quyền sở hữu của Bluetooth SIG, Inc. và bất kỳ việc sử dụng nhãn nào như vậy bởi Brother Industries, Ltd. đều phải có giấy phép.

WordPerfect là nhãn hiệu đã được đăng ký của Corel Corporation và/hoặc các công ty con tại Canada, Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.

Mỗi công ty có tên phần mềm được đề cập trong sách hướng dẫn sử dụng này có một Thỏa thuận cấp phép phần mềm dành riêng cho các chương trình độc quyền của họ.

**Bất kỳ tên thương hiệu và tên sản phẩm nào của công ty xuất hiện trên các sản phẩm của Brother, các tài liệu có liên quan và bất kỳ tài liệu nào khác là các nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đăng ký của công ty tương ứng đó.**



### Thông tin liên quan

- [Trước khi bạn sử dụng máy Brother](#)

## Lưu ý quan trọng

- Không sử dụng sản phẩm này bên ngoài quốc gia mua máy vì điều này có thể vi phạm quy định về viễn thông và truyền điện không dây của quốc gia đó.
- Một số model không sẵn có ở một số quốc gia.
- Windows 10 trong tài liệu này đại diện cho Windows 10 Home, Windows 10 Pro, Windows 10 Education và Windows 10 Enterprise.
- Windows Server 2008 trong tài liệu này đại diện cho Windows Server 2008 và Windows Server 2008 R2.
- Các màn hình trong Hướng dẫn Sử dụng này chỉ nhằm mục đích minh họa và có thể khác với màn hình thực tế.
- Trừ khi có quy định khác, các màn hình trong hướng dẫn sử dụng này là từ Windows 7 và macOS v10.10.5. Màn hình trên máy tính của bạn có thể khác nhau tùy thuộc vào hệ điều hành của bạn.
- The contents of this guide and the specifications of this product are subject to change without notice.
- Tài liệu này dành cho model MFC và DCP.
- Không phải tất cả tính năng đều khả dụng ở các quốc gia có áp dụng hạn chế xuất dữ liệu.



### Thông tin liên quan

- [Trước khi bạn sử dụng máy Brother](#)

## **Giới thiệu về máy Brother của bạn**

- [Tổng quan về bảng điều khiển](#)
- [Truy cập Brother Utilities \(Windows\)](#)



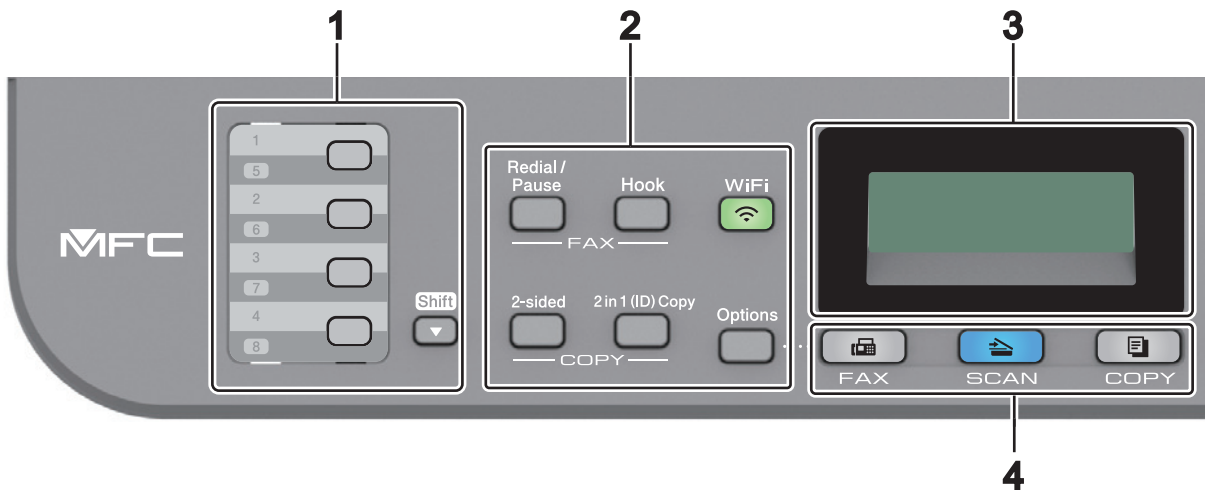
## Tổng quan về bảng điều khiển

Bảng điều khiển có thể thay đổi tùy theo model của bạn.

>> [MFC-B7715DW](#)

>> [DCP-B7500D/DCP-B7535DW](#)

### MFC-B7715DW



#### 1. Nút Một lần chạm

Lưu trữ và gọi lại lên đến tám số fax và số điện thoại.

Để truy cập số fax và số điện thoại Một lần chạm đã lưu trữ từ 1-4, bấm nút Một lần chạm được gán cho số đó. Để truy cập số fax và số điện thoại Một lần chạm đã lưu trữ từ 5-8, giữ **Shift (Chuyển)** trong khi bạn bấm nút.

#### 2. Nút chức năng

##### Redial/Pause (Quay số lại/Tạm dừng)

Bấm để quay số gần nhất bạn đã gọi. Nút này cũng chèn một khoảng tạm dừng khi lập trình quay số nhanh hoặc khi quay số bằng tay.

##### Hook (Báo nhận)

Bấm **Hook (Báo nhận)** trước khi quay số để đảm bảo là có máy fax trả lời, rồi bấm **Start (Bắt đầu)**.

Nếu máy ở Chế độ Fax/Điện thoại (F/T) và bạn nhấn ống nghe của điện thoại gắn ngoài trong khi ở chế độ F/T (đồng chuông giả kép), bấm **Hook (Báo nhận)** để nói chuyện.

##### WiFi (đối với model không dây)

Bấm nút **WiFi** rồi cho chạy trình cài đặt không dây trên máy tính của bạn. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt kết nối không dây giữa máy và mạng của bạn.

Khi đèn **WiFi** bật nghĩa là máy Brother của bạn được kết nối với điểm truy cập không dây. Khi đèn **WiFi** nhấp nháy nghĩa là kết nối không dây yếu hoặc máy của bạn đang trong quá trình kết nối với điểm truy cập không dây.

##### Resolution (Độ phân giải) (chỉ với một số model nhất định)

Bấm để thay đổi Độ phân giải fax.

##### 2 in 1 (ID) Copy (Sao chép 2 trong 1 (ID))

Bấm để sao chép cả hai mặt thẻ chứng minh thư lên một trang.

##### 2-sided (2 mặt)

Bấm để sao chép lên cả hai mặt của tờ giấy.

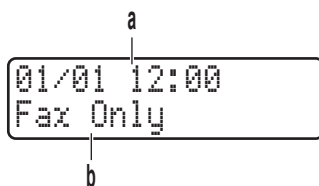
##### Options (Tùy chọn)

Nhấn để truy cập các cài đặt tạm thời để gửi fax, quét hoặc sao chép.

### 3. Màn hình tinh thể lỏng (LCD)

Hiển thị thông báo để giúp bạn cài đặt và sử dụng máy.

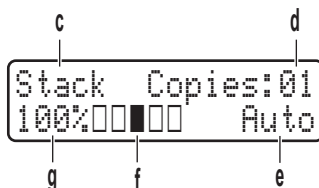
Nếu máy ở Chế độ fax, màn hình LCD hiển thị:



a. Ngày & thời gian

b. Chế độ nhận

Khi bạn bấm **COPY (SAO CHÉP)**, màn hình LCD hiển thị:



c. Loại sao chép

d. Số bản sao

e. Chất lượng

f. Độ tương phản

g. Tỷ lệ sao chép

### 4. Nút chế độ

#### FAX

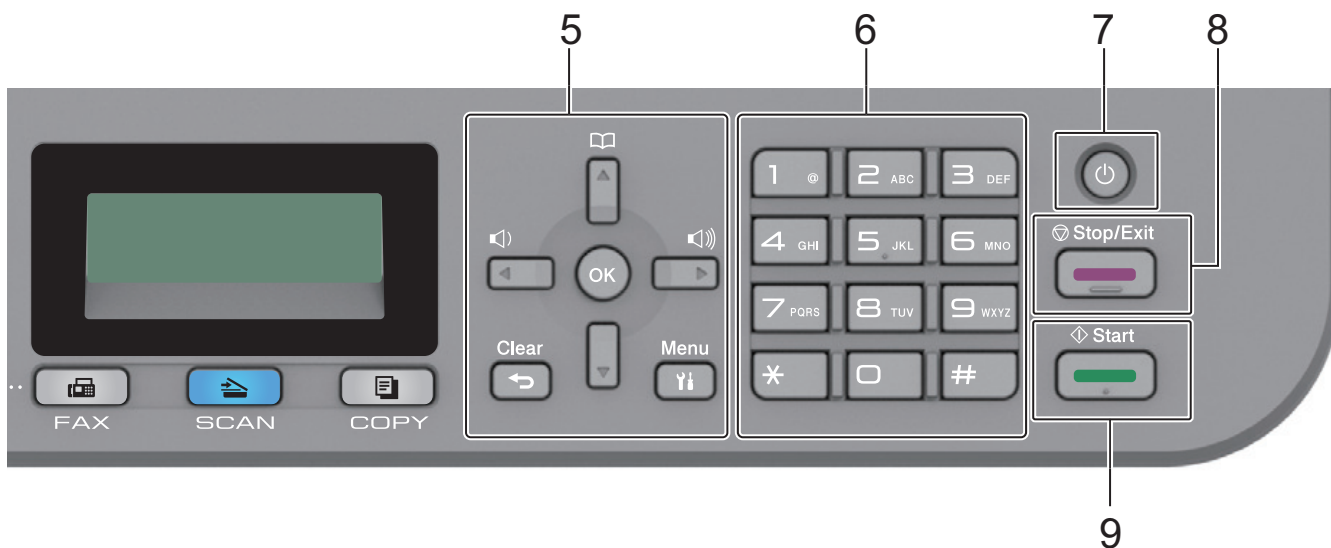
Bấm để chuyển đổi máy sang Chế độ Fax.

#### SCAN (QUÉT)

Bấm để chuyển máy sang Chế độ quét.

#### COPY (SAO CHÉP)

Bấm để chuyển đổi máy sang Chế độ Sao chép.



### 5. Nút menu

#### Clear (Xóa)

Bấm để xóa dữ liệu đã nhập hoặc hủy thiết đặt hiện tại.

## Menu

Bấm để truy cập vào Menu để lập trình thiết đặt máy của bạn.

## OK

Bấm để lưu trữ thiết đặt máy của bạn.

## ◀ hoặc ▶

Bấm để cuộn qua lại giữa các lựa chọn menu.

## ▲ hoặc ▼

- Bấm để cuộn lên xuống giữa các menu và tùy chọn.
- Bấm để thay đổi độ phân giải trong Chế độ fax.





Bấm để truy cập số quay số nhanh.

## 6. Bàn phím quay số

- Sử dụng để quay số fax và số điện thoại.
- Sử dụng làm bàn phím để nhập văn bản hoặc ký tự.

## 7. Bật/Tắt nguồn

- Bật máy bằng cách bấm .
- Tắt máy bằng cách bấm và giữ . Màn hình LCD hiển thị [Shutting Down (Đang tắt máy)] và duy trì bật trong vài giây trước khi tắt. Nếu bạn có điện thoại hoặc TAD gắn ngoài đang kết nối, các thiết bị này luôn sử dụng được.

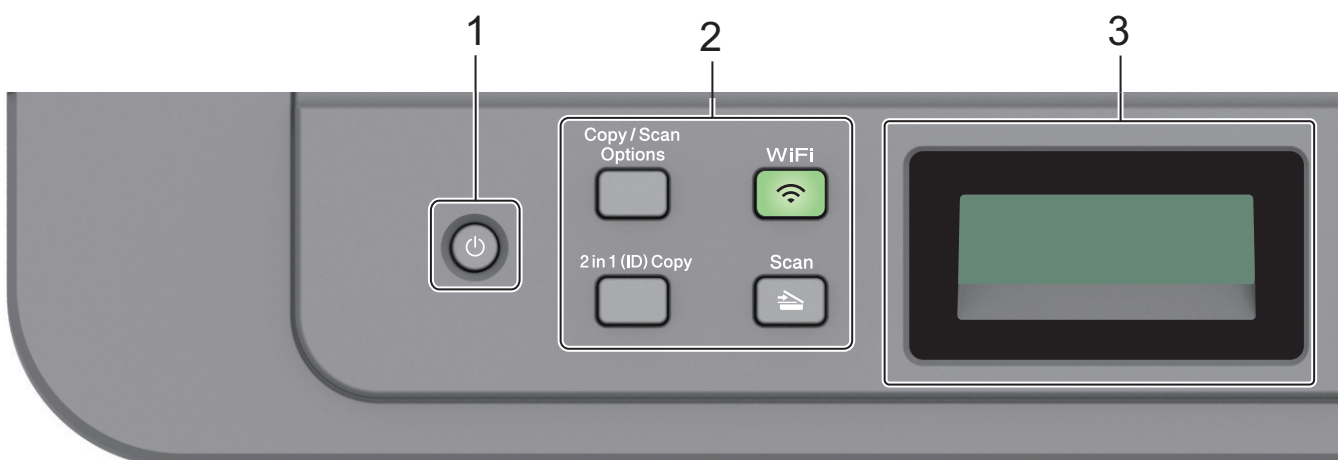
## 8. Stop/Exit (Dừng/Thoát)

- Bấm để dừng thao tác.
- Bấm để thoát menu.

## 9. Start (Bắt đầu)


- Bấm để bắt đầu gửi fax.
- Bấm để bắt đầu sao chép.
- Bấm để bắt đầu quét tài liệu.

## DCP-B7500D/DCP-B7535DW



## 1. Bật/Tắt nguồn

- Bật máy bằng cách bấm .

- Tắt máy bằng cách bấm và giữ . Màn hình LCD hiển thị [Shutting Down (Đang tắt máy)] và duy trì bật trong vài giây trước khi tắt.

## 2. Nút chức năng

### Copy/Scan Options(Sao chép/Quét Tùy chọn)

Nhấn để truy cập các cài đặt tạm thời để quét hoặc sao chép.

### WiFi (đối với model không dây)

Bấm nút **WiFi** rồi cho chạy trình cài đặt không dây trên máy tính của bạn. Làm theo hướng dẫn trên màn hình để cài đặt kết nối không dây giữa máy và mạng của bạn.

Khi đèn **WiFi** bật nghĩa là máy Brother của bạn được kết nối với điểm truy cập không dây. Khi đèn **WiFi** nhấp nháy nghĩa là kết nối không dây yếu hoặc máy của bạn đang trong quá trình kết nối với điểm truy cập không dây.

### Scan (Quét)

Bấm để chuyển máy sang Chế độ quét.

### 2 in 1 (ID) Copy (Sao chép 2 trong 1 (ID))

Bấm để sao chép cả hai mặt thẻ chứng minh thư lên một trang.

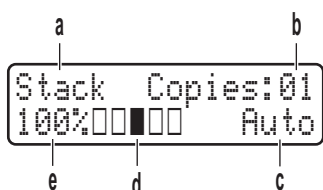
### 2-sided (2 mặt) (chỉ với một số model nhất định)

Bấm để sao chép lên cả hai mặt của tờ giấy.

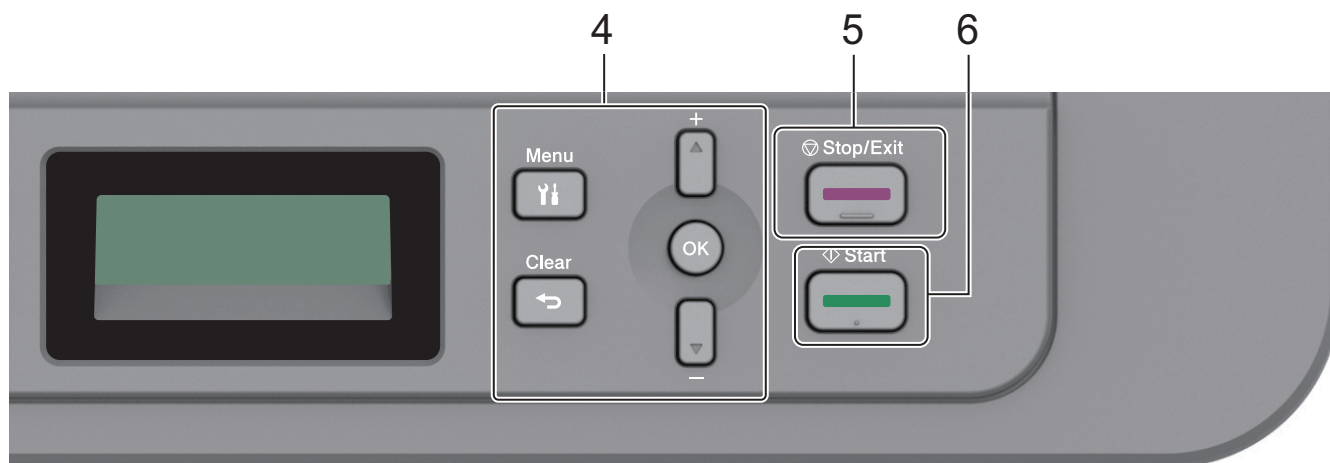
## 3. Màn hình tinh thể lỏng (LCD)

Hiển thị thông báo để giúp bạn cài đặt và sử dụng máy.

Nếu máy ở Chế độ Sẵn sàng hoặc Chế độ Sao chép, màn hình LCD sẽ hiển thị:



- Loại sao chép
- Số bản sao
- Chất lượng
- Độ tương phản
- Tỉ lệ sao chép



## 4. Nút menu

### Menu

Bấm để truy cập vào Menu để lập trình thiết đặt máy của bạn.

---

### **Clear (Xóa)**

- Bấm để xóa dữ liệu đã nhập.
- Bấm để hủy thiết đặt hiện tại.

### **OK**

Bấm để lưu trữ thiết đặt máy của bạn.

### **▲ hoặc ▼**

Bấm để cuộn lên xuống giữa các menu và tùy chọn.

### **5. Stop/Exit (Dừng/Thoát)**

- Bấm để dừng thao tác.
- Bấm để thoát menu.

### **6. Start (Bắt đầu)**

- Bấm để bắt đầu sao chép.
- Bấm để bắt đầu quét tài liệu.



## **Thông tin liên quan**

- [Giới thiệu về máy Brother của bạn](#)
-

## Truy cập Brother Utilities (Windows)


**Brother Utilities** là trình khởi chạy ứng dụng giúp bạn truy cập một cách tiện lợi vào tất cả các ứng dụng của Brother được cài đặt trên máy tính của bạn.

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:


- (Windows 7)


Bấm  (**Start**) ((**Bắt đầu**)) > **Tất cả các chương trình** > **Brother** > **Brother Utilities**.

- (Windows 8)

Chạm hoặc bấm  (**Brother Utilities**) trên màn hình **Bắt đầu** hoặc trên màn hình desktop.

- (Windows 8.1)

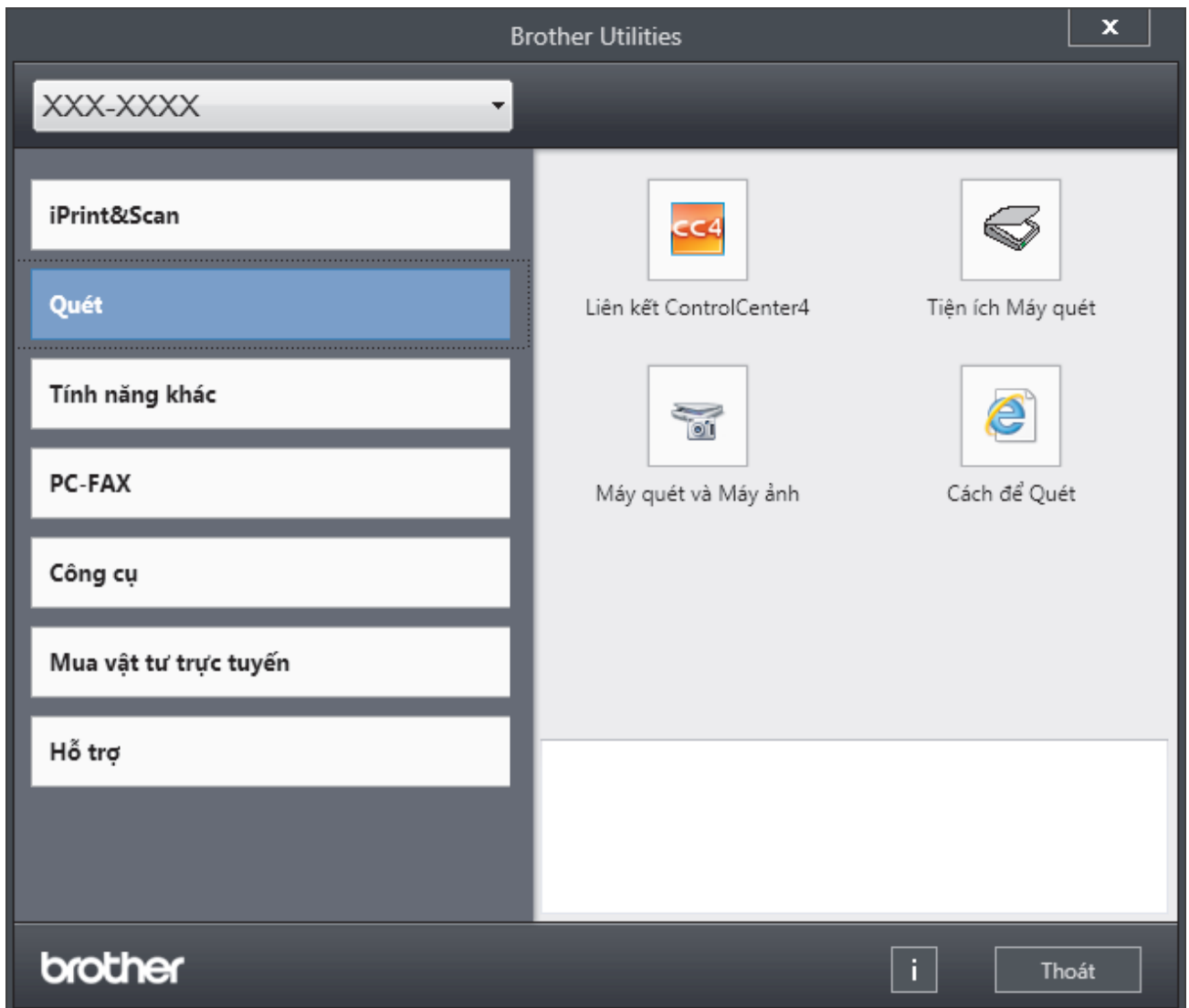
Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và nhấp vào  (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, hãy vuốt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động **Ứng dụng** màn hình).

Khi màn hình **Ứng dụng** xuất hiện, chạm hoặc bấm  (**Brother Utilities**).

- (Windows 10)

Nhấp vào  > **Brother** > **Brother Utilities**.

2. Chọn máy của bạn (trong đó XXXX là tên model của bạn).








3. Chọn thao tác bạn muốn sử dụng.



## Thông tin liên quan

- Giới thiệu về máy Brother của bạn
- Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Brother (Windows)

## Gỡ cài đặt Phần mềm và Trình điều khiển của Brother (Windows)

- Thực hiện một trong các thao tác sau:
  - (Windows 7)  
Nhấp vào  (Start) ((Bắt đầu)) > Tất cả các chương trình > Brother > Brother Utilities.
  - (Windows 8)  
Chạm hoặc nhấp vào  (Brother Utilities) trên màn hình **Bắt đầu** hoặc trên màn hình desktop.
  - (Windows 8.1)  
Di chuyển chuột đến góc dưới bên trái của màn hình **Bắt đầu** và nhấp vào  (nếu bạn đang sử dụng thiết bị cảm ứng, hãy vuốt lên từ cuối màn hình **Bắt đầu** để khởi động **Ứng dụng** màn hình).  
Khi màn hình **Ứng dụng** xuất hiện, chạm hoặc nhấp vào  (Brother Utilities).
  - (Windows 10)  
Nhấp vào  > Brother > Brother Utilities.
- Chọn model của bạn từ danh sách thả xuống (nếu chưa chọn).
- Nhấp vào **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái.
  - Nếu không nhìn thấy biểu tượng **Thông báo Cập nhật Phần mềm**, hãy chọn và nhấp vào **Kiểm tra ngay > Kiểm tra các Bản Cập nhật Phần mềm > Cập nhật**. Làm theo hướng dẫn trên màn hình.
  - Nếu không nhìn thấy biểu tượng **Thông báo Cập nhật Phần mềm**, hãy chuyển đến bước tiếp theo.
- Nhấp **Gỡ Cài đặt** vào **Công cụ** phần **Brother Utilities**.  
Thực hiện theo các hướng dẫn trong hộp thoại để gỡ cài đặt phần mềm và các trình điều khiển.



### Thông tin liên quan

- [Truy cập Brother Utilities \(Windows\)](#)



## Xử lý giấy

- Nạp giấy
- Thiết đặt giấy
- Nạp tài liệu
- Vùng không thể quét và vùng không thể in
- Sử dụng giấy đặc biệt

## **Nạp giấy**

- [Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy](#)
- [Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay](#)

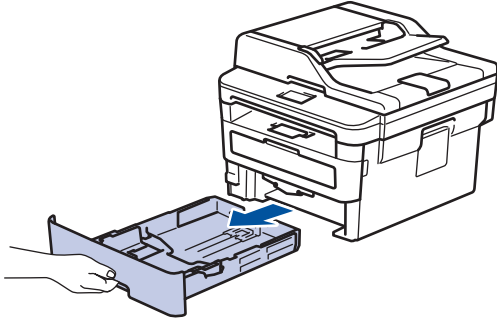
## **Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy**

- [Nạp giấy vào Khay Giấy](#)

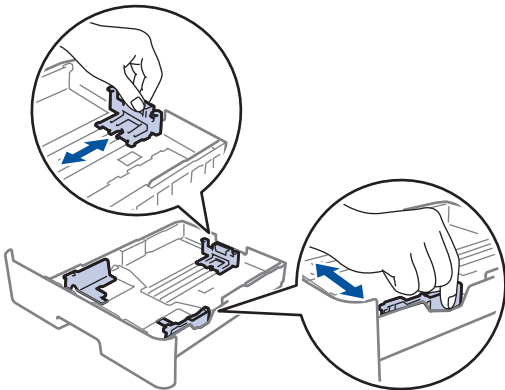
## Nạp giấy vào Khay Giấy


- Nếu thiết đặt Kiểm tra Khổ giấy được đặt thành Bật và bạn kéo khay giấy ra khỏi máy, một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình LCD hỏi xem liệu bạn có muốn thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không. Thay đổi thiết đặt khổ giấy và loại giấy nếu cần, thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình LCD.
- Khi bạn nạp khổ giấy và loại giấy khác trong khay, bạn cũng phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy trong máy hoặc trên máy tính của bạn.

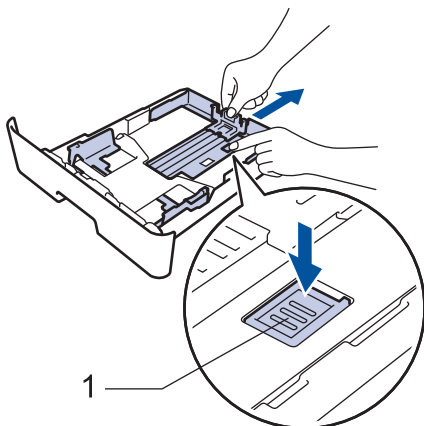
1. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.



2. Bấm và trượt thanh dẫn giấy cho vừa với giấy.  
Bấm cần nhả màu xanh lá cây để trượt thanh dẫn giấy.

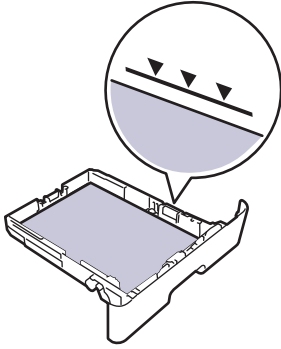


-  Đối với giấy khổ Legal hoặc Folio, bấm nút nhả (1) ở đáy khay giấy, rồi kéo mặt sau của khay giấy ra. (Giấy khổ Legal và Folio không có ở một số khu vực).

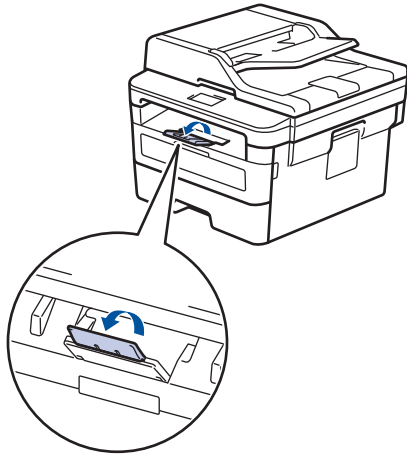


3. Tải đều chông giấy.
4. Nạp giấy vào khay giấy với bề mặt in hướng xuống.

- 
5. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).  
Nạp quá nhiều giấy vào khay giấy sẽ gây ra kẹt giấy.



6. Từ từ đẩy khay giấy hoàn toàn vào trong máy.  
7. Mở nắp lật đở ra để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra.



---

**✓ Thông tin liên quan**

- Nạp và in bằng cách sử dụng khay giấy
-

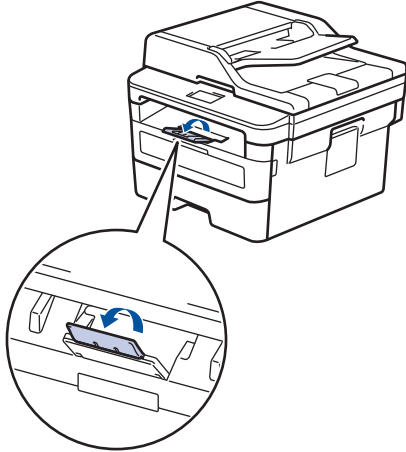
## **Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay**

- [Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay](#)
- [Nạp và in trên Giấy dày và Nhãn trong Khe nạp bằng tay](#)
- [Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay](#)

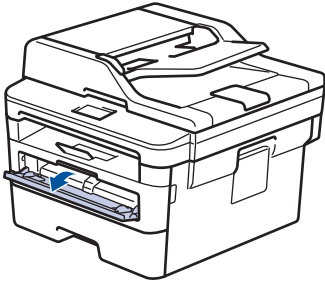
## Nạp và in Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế và Giấy bông trong Khe nạp bằng tay

Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

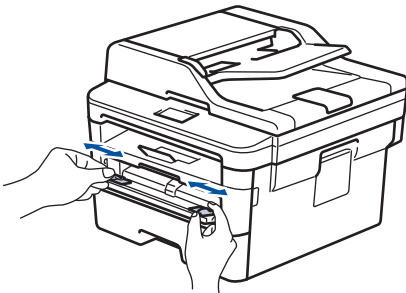
1. Nâng nắp lật đở lên để ngăn giấy không bị trượt khỏi khay đầu ra hướng xuống.



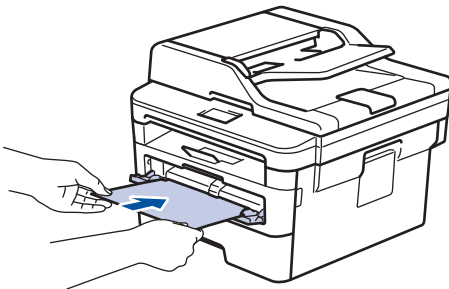
2. Mở nắp khe nạp bằng tay.



3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.

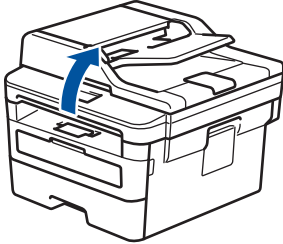


4. Dùng cả hai tay, nạp hoàn toàn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.

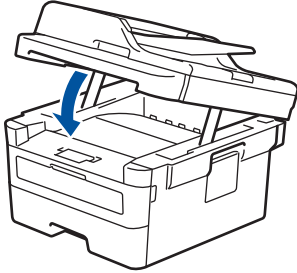




- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
- Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.
- Để lấy bản in nhỏ khỏi khay đầu ra, sử dụng cả hai tay nâng nắp máy quét lên.



- Bạn vẫn có thể sử dụng máy trong khi nắp máy quét mở lên. Để đóng nắp máy quét, kéo nắp xuống bằng cả hai tay.



5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.



Thay đổi các tùy chọn in của bạn trong màn hình In trước khi gửi lệnh in từ máy tính của bạn.

6. Sau khi trang đã in ra khỏi máy, hãy nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.



### Thông tin liên quan

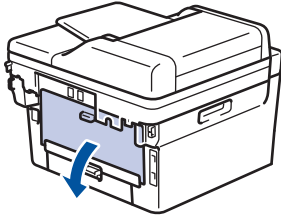
- [Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay](#)




## Nạp và in trên Giấy dày và Nhãn trong Khe nạp bằng tay

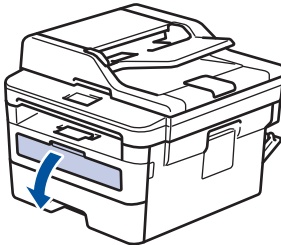
Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

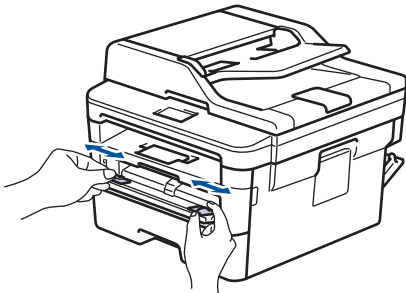


 Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

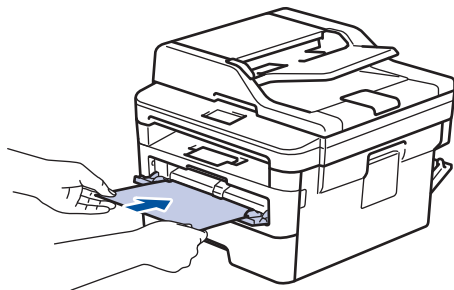
2. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.




3. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



4. Dùng cả hai tay, nạp hoàn toàn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- 
- Nạp giấy vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
  - Kéo giấy ra hoàn toàn khi bạn phải nạp lại giấy vào khe nạp bằng tay.
  - Không đặt nhiều hơn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
  - Đảm bảo rằng giấy nằm thẳng và đúng vị trí trong khe nạp bằng tay. Nếu không, giấy có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

---

5. Gửi lệnh in của bạn đến máy.



Thay đổi các tùy chọn in của bạn trong màn hình In trước khi gửi lệnh in từ máy tính của bạn.

6. Sau khi trang đã in ra khỏi mặt sau của máy, nạp trang giấy tiếp theo vào khe nạp bằng tay. Lặp lại đối với mỗi trang bạn muốn in.
7. Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.



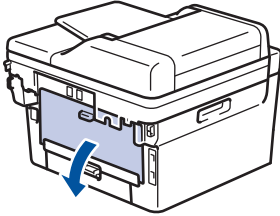
### Thông tin liên quan


- [Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay](#)
-

## Nạp và in lên phong bì trong khe nạp bằng tay

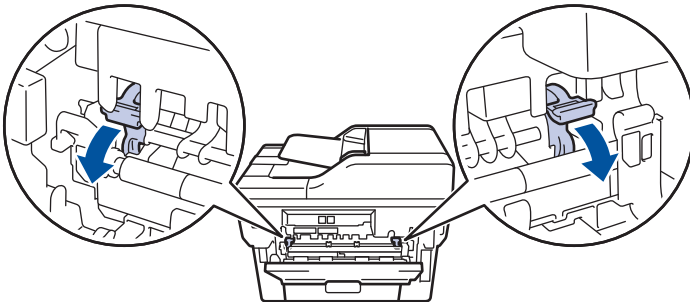
Trước khi nạp giấy, hãy ấn các góc và cạnh của phong bì xuống để làm cho chúng phẳng nhất có thể. Khi bạn nạp khổ giấy khác vào khay, bạn phải thay đổi thiết đặt Khổ giấy trong máy hoặc trên máy tính của mình cùng lúc.

1. Mở nắp lưng của máy (khay đầu ra hướng lên).

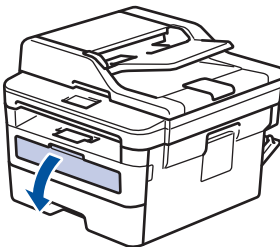


 Máy tự động bật chế độ Nạp bằng tay khi bạn nạp giấy vào khe nạp bằng tay.

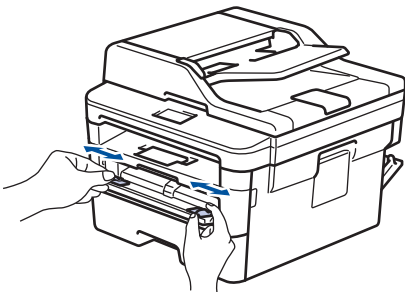
2. Kéo hai cần màu xanh lá cây xuống, một cần bên trái và một cần bên phải như trong hình minh họa.



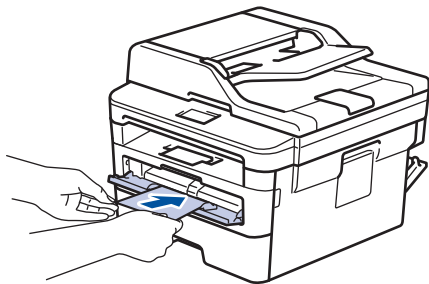
3. Trên mặt trước của máy, mở nắp khe nạp bằng tay.



4. Sử dụng cả hai tay để trượt thanh dẫn giấy của khe nạp bằng tay cho vừa với độ rộng của giấy bạn đang sử dụng.



5. Dùng cả hai tay, đưa một phong bì vào khe nạp bằng tay cho đến khi cạnh trước chạm vào trục lăn nạp giấy. Khi cảm thấy máy kéo giấy vào trong, hãy thả ra.



- Nạp phong bì vào khe nạp bằng tay với bề mặt in ngửa lên.
- Kéo phong bì ra hoàn toàn khi bạn nạp lại phong bì vào khe nạp bằng tay.
- Không đặt nhiều hơn một phong bì vào khe nạp bằng tay cùng một lúc vì điều này có thể gây kẹt giấy.
- Đảm bảo rằng phong bì nằm thẳng và đúng vị trí trên khe nạp bằng tay. Nếu không, phong bì có thể không được nạp đúng, dẫn đến bản in bị lệch hoặc kẹt giấy.

6. Gửi công việc in của bạn đến máy.

Thay đổi tùy chọn in của bạn trong hộp thoại In trước khi gửi công việc in từ máy tính của bạn.

Thiết đặt	Tùy chọn cho phong bì
Khổ giấy	Com-10
	DL
	C5
	Monarch
Loại vật liệu in	Bao thư
	Bao thư Dày
	Bao thư Mỏng

7. Sau khi phong bì đã in xuất ra khỏi máy, hãy đặt phong bì kế tiếp vào. Lặp lại với mỗi phong bì mà bạn muốn in.
8. Khi bạn đã in xong, hãy đưa hai cần màu xanh lá mà bạn đã điều chỉnh ở bước trước đó về vị trí ban đầu.
9. Đóng nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) đến khi nắp khóa vào vị trí đã đóng.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Nạp và in giấy trong Khe nạp bằng tay](#)

## Thiết đặt giấy

- Thay đổi khổ giấy và loại giấy
- Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy

## Thay đổi khổ giấy và loại giấy

Khi bạn thay đổi khổ giấy và loại giấy mà bạn nạp vào khay, bạn đồng thời phải thay đổi thiết đặt khổ giấy và loại giấy trên màn hình LCD.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Tray Setting (Thiết đặt khay)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Paper Type (Loại giấy)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Thin (Mỏng)], [Plain (Trơn)], [Thick (Dày)], hoặc [Recycled Paper (Giấy tái chế)], rồi bấm **OK**.
6. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Paper Size (Khổ giấy)], rồi bấm **OK**.
7. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [A4], [Letter], [Legal], [Executive], [A5], [A5 L], [A6], [Mexico Legal], [India Legal], hoặc [Folio (Khổ hai)], rồi bấm **OK**.
8. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt giấy](#)

## Thay đổi thiết đặt kiểm tra khổ giấy

Khi bạn bật thiết đặt Kiểm tra Khổ giấy của máy, máy sẽ hiển thị một thông báo khi bạn lấy khay giấy ra để hỏi xem bạn có thay đổi khổ giấy và loại giấy hay không.

Thiết đặt mặc định là **Bật**.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Tray Setting (Thiết đặt khay)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Check Size (Kiểm tra cỡ)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt giấy](#)

## Nạp tài liệu

Bạn có thể gửi fax, tạo bản sao và quét từ Bộ nạp tài liệu tự động (ADF) và từ kính máy quét.

- [Nạp tài liệu vào Bộ nạp tài liệu tự động \(ADF\)](#)
- [Nạp tài liệu trên kính máy quét](#)



## Nạp tài liệu vào Bộ nạp tài liệu tự động (ADF)

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

Sử dụng ADF khi sao chép hoặc quét tài liệu nhiều trang, có khổ chuẩn.

- ADF có thể chứa tối đa 50 trang và nạp từng tờ.
- Sử dụng giấy chuẩn 80 g/m<sup>2</sup>.
- Đảm bảo tài liệu có bút tẩy xóa hoặc các chữ viết bằng mực đều được khô hoàn toàn.

### QUAN TRỌNG

- KHÔNG đặt tài liệu dày trên kính máy quét. Nếu làm vậy, ADF có thể bị kẹt.
- KHÔNG sử dụng giấy bị quấn, nhăn, xếp gập, đứt rách, dập ghim, gắn kẹp giấy, dán dính bằng keo hoặc băng dán.
- KHÔNG sử dụng bìa cứng, giấy báo hoặc vải.
- Để tránh làm hỏng máy của bạn trong khi sử dụng ADF, KHÔNG kéo tài liệu trong khi tài liệu đang nạp.

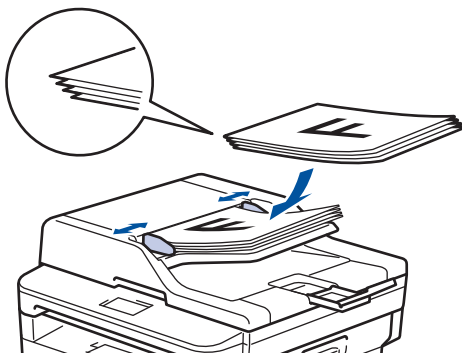
### Khổ tài liệu được hỗ trợ

Chiều dài:	147,3 đến 355,6 mm
Chiều rộng:	105 đến 215,9 mm
Trọng lượng:	60 đến 105 g/m <sup>2</sup>

1. Lật nắp lật đỡ đầu ra tài liệu ADF.



2. Tải đều giấy
3. Xếp các trang tài liệu và nạp tài liệu *ngửa lên* và *cạnh trên cùng* vào trước vào bộ nạp ADF như trong hình minh họa.



4. Điều chỉnh thanh dẫn hướng giấy để vừa với chiều rộng của tài liệu.



### Thông tin liên quan

- [Nạp tài liệu](#)

## Nạp tài liệu trên kính máy quét

Sử dụng kính máy quét để gửi fax, sao chép hoặc quét lần lượt từng trang.

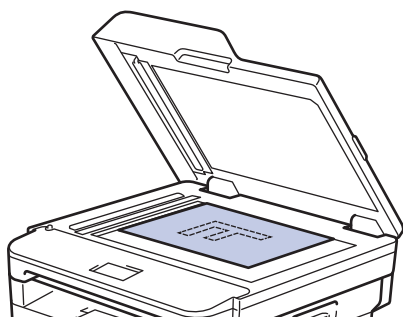
### Khổ tài liệu được hỗ trợ

Chiều dài:	Lên đến 300 mm
Chiều rộng:	Lên đến 215,9 mm
Trọng lượng:	Lên đến 2 kg

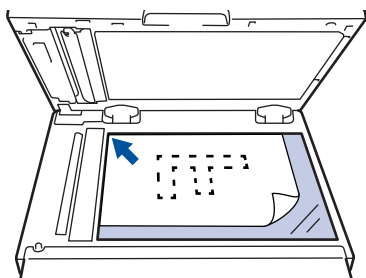


Để sử dụng kính máy quét, ADF phải để không.

1. Nâng nắp tài liệu lên.
2. Đặt tài liệu *úp xuống* trên kính máy quét.



3. Đặt góc của trang ở góc trái trên của kính máy quét.



4. Đóng nắp tài liệu.  
Nếu tài liệu là quyển sách hoặc tài liệu dày, ấn nhẹ lên nắp tài liệu.

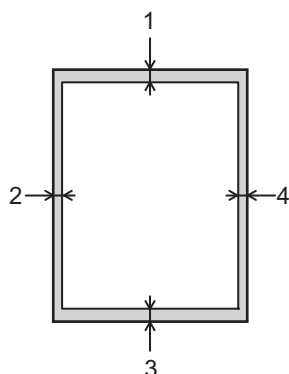


### Thông tin liên quan

- [Nạp tài liệu](#)

## Vùng không thể quét và vùng không thể in

Các giá trị đo trong bảng bên dưới cho thấy số vùng không thể in và không thể quét tối đa từ các cạnh của khổ giấy thường dùng nhất. Các kích thước này có thể khác nhau tùy thuộc vào khổ giấy hoặc thiết đặt trong ứng dụng bạn đang sử dụng.



Không cố quét, sao chép hoặc in vào các vùng này; bản in ra sẽ không hiển thị gì ở vùng này.

Sử dụng	Khổ tài liệu	Trên cùng (1) Dưới cùng (3)	Trái (2) Phải (4)
Fax (gửi)	Letter, Legal	3 mm	4 mm
	A4	3 mm	(ADF) 1 mm (Kính máy quét) 3 mm
Sao chép <sup>1</sup>	Letter, Legal	3 mm	4 mm
	A4	3 mm	3 mm
Quét	Letter	3 mm	3 mm
	A4	3 mm	3 mm
	Legal	3 mm	3 mm
In	Letter, Legal	4,2 mm	4,2 mm
	A4	4,2 mm	4,2 mm

<sup>1</sup> a 1 trong 1 bản sao và bản sao có cùng kích thước tài liệu (100%)



### Thông tin liên quan

- [Xử lý giấy](#)

## Sử dụng giấy đặc biệt

Luôn kiểm tra mẫu giấy trước khi mua để đảm bảo hiệu quả mong muốn.

- KHÔNG sử dụng giấy in phun; giấy này có thể gây kẹt giấy hoặc làm hỏng máy của bạn.
- Nếu bạn sử dụng giấy bông, giấy có bề mặt thô nhám hoặc giấy nhẵn hoặc nhàu, giấy này có thể làm giảm hiệu suất in.

Bảo quản giấy trong bao bì ban đầu và đóng kín. Giữ giấy phẳng và tránh xa độ ẩm, ánh nắng mặt trời trực tiếp và nguồn nhiệt.

### QUAN TRỌNG

Một số loại giấy có thể không hoạt động tốt hoặc có thể làm hỏng máy của bạn.

**KHÔNG** dùng giấy:

- có họa tiết dày đặc
- rất trơn hoặc bóng
- quăn hoặc cong
- được bao phủ hoặc có lớp phủ hóa học
- bị hỏng, nhàu hoặc bị gập
- vượt quá thông số kỹ thuật về trọng lượng được khuyến nghị trong hướng dẫn này
- có móc và ghim
- có tiêu đề ghi bằng phương pháp nhuộm nhiệt độ thấp hoặc in nhiệt
- có nhiều lớp hoặc không lót giấy than
- được thiết kế để in phun

Nếu bạn sử dụng bất kỳ loại giấy nào được liệt kê phía trên thì giấy đó có thể làm hỏng máy. Hỏng hóc này không nằm trong phạm vi của bất kỳ thỏa thuận bảo hành hoặc dịch vụ nào của Brother.



### Thông tin liên quan

- [Xử lý giấy](#)

## Xử lý sự cố

Sử dụng phần này để giải quyết các vấn đề thông thường mà bạn có thể gặp phải khi sử dụng máy Brother. Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các vấn đề.

### QUAN TRỌNG

Để được trợ giúp kỹ thuật, bạn phải gọi cho bộ phận dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng Brother ở địa phương.

Sử dụng vật tư không phải của Brother có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy.

(MFC-B7715DW)

Để giúp bạn không bị mất dữ liệu fax đã nhận trong bộ nhớ của máy, truyền dữ liệu đến Máy fax khác hoặc đến máy tính của bạn trước khi tắt máy.



Nếu bạn cần trợ giúp thêm, hãy truy cập Brother Solutions Center tại [support.brother.com](http://support.brother.com).

Trước hết, hãy kiểm tra những điều sau đây:

- Dây nguồn của máy được kết nối đúng và nguồn máy đang bật. >> *Hướng dẫn cài đặt nhanh*
- Tất cả các vật liệu bảo vệ đã được tháo. >> *Hướng dẫn cài đặt nhanh*
- Giấy được nạp đúng vào khay giấy.
- Cáp giao diện được kết nối chắc chắn với máy và máy tính hoặc kết nối không dây được cài đặt trên cả máy và máy tính của bạn.
- Thông báo lỗi và bảo trì

Nếu bạn không giải quyết được vấn đề bằng các lần kiểm tra, hãy xác định vấn đề rồi >> *Thông tin liên quan*



### Thông tin liên quan

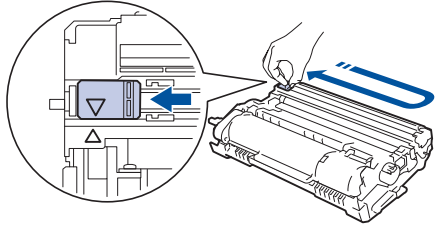
- Thông báo lỗi và bảo trì
- Kẹt tài liệu
- Kẹt giấy
- Vấn đề khi in
- Cải thiện chất lượng in
- Vấn đề về điện thoại và fax
- Vấn đề về mạng
- Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google
- Các vấn đề về AirPrint
- Các vấn đề khác
- Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn
- Thông tin về máy




## Thông báo lỗi và bảo trì

Như với bất kỳ sản phẩm văn phòng phức tạp nào, lỗi có thể xảy ra và vật tư có thể phải thay thế. Nếu điều này xảy ra, máy của bạn sẽ xác định lỗi hoặc bảo trì thường lệ bắt buộc và hiển thị thông báo thích hợp. Các thông báo lỗi và bảo trì thường gặp nhất được trình bày trong bảng sau.

Bạn có thể tự giải quyết hầu hết các lỗi và thực hiện bảo trì thường lệ. Nếu bạn cần thêm lời khuyên: Hãy ghé thăm chúng tôi tại [support.brother.com](http://support.brother.com), và nhấp vào **FAQs & Troubleshooting (Các câu hỏi thường gặp & Cách giải quyết)**.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
2-sided Disabled (Đã vô hiệu 2 mặt)	Nắp lưng của máy không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp lưng của máy cho đến khi nắp khớp vào vị trí đóng.
	Khay in 2 mặt không được lắp đặt hoàn toàn.	Lắp đặt chắc chắn khay in 2 mặt vào máy.
Cartridge Error (Lỗi hộp mực) Put the Toner Cartridge back in (Lắp lại Hộp mực)	Hộp mực không được lắp đúng.	Kéo cụm bộ trống mực và hộp mực ra, lấy hộp mực ra, rồi lắp lại vào bộ trống mực. Đặt lại cụm bộ trống mực và hộp mực vào máy.  Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng của Brother ở địa phương bạn.
Comm. Error (Lỗi liên lạc)	Chất lượng đường dây điện thoại không tốt do lỗi liên lạc.	Gửi fax lại hoặc kết nối máy với đường dây điện thoại khác. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ công ty điện thoại và yêu cầu họ kiểm tra đường dây điện thoại của bạn.
Cooling Down (Làm nguội)	Nhiệt độ bên trong máy quá nóng. Máy sẽ tạm dừng công việc in hiện tại của máy và đi vào chế độ làm nguội. Trong khi ở chế độ làm nguội, bạn sẽ nghe tiếng quạt làm nguội đang chạy trong khi màn hình LCD hiển thị Cooling Down (Làm nguội).	Hãy chờ cho đến khi máy đã hoàn thành làm nguội. Đảm bảo tất cả các cửa thông gió trên máy không có vật cản.  Khi máy đã nguội, máy sẽ khôi phục lại công tác in.  Nếu quạt không quay, ngắt kết nối máy khỏi nguồn điện trong vài phút, rồi kết nối lại.
Cover is Open. (Nắp đang Mở.)	Nắp phía trước không được đóng hoàn toàn.	Mở, rồi đóng chặt nắp phía trước của máy.
	Nắp bộ sấy mực không được đóng hoàn toàn hoặc giấy bị kẹt ở phía sau máy khi bạn bật nguồn.	Đóng nắp bộ sấy mực bên trong nắp lưng của máy.
	Nắp ADF không được đóng hoàn toàn.	Đóng nắp ADF. Nếu vẫn còn thông báo lỗi, bấm <b>Stop/Exit (Dừng/Thoát)</b> .
Disconnected (Đã ngắt kết nối)	Người hoặc máy fax đầu dây bên kia dừng cuộc gọi.	Thử gửi hoặc nhận lại.  Nếu cuộc gọi bị dừng nhiều lần và bạn đang sử dụng hệ thống VoIP (Truyền giọng nói trên giao thức IP), thử thay đổi Tương thích sang Cơ bản (đối với VoIP).
Document Jam (Kẹt tài liệu)	Tài liệu không được đưa vào hoặc nạp đúng cách hoặc tài liệu đã quét từ ADF quá dài.	Loại bỏ giấy bị kẹt khỏi bộ ADF. Lấy mọi mảnh nhỏ hoặc mảnh giấy vụn ra khỏi đường dẫn giấy của bộ ADF.  Bấm <b>Stop/Exit (Dừng/Thoát)</b> .

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
DR Mode in Use (Đang sử dụng chế độ DR) (Ngoại trừ New Zealand)	Máy được thiết đặt thành chế độ Nhạc chuông riêng. Bạn không thể thay đổi Chế độ nhận từ Bằng tay sang chế độ khác.	Thiết đặt Nhạc chuông riêng thành Off (Tắt).
Drum ! (Trống ! )	Dây corona trên bộ trống mực phải được vệ sinh.	Làm sạch dây corona trên bộ trống mực. 
	Bộ trống mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Lắp hộp mực vào bộ trống mực. Sau đó lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.
Drum End Soon (Trống sắp hỏng)	Bộ trống mực gần hết tuổi thọ.	Đặt mua bộ trống mực mới trước khi bạn nhận được thông báo Replace Drum (Thay trống).
Jam 2-sided (Kẹt 2 mặt)	Giấy bị kẹt trong khay giấy 2 mặt.	Kéo khay giấy và khay in 2 mặt ra hẳn, mở nắp lưng, rồi lấy toàn bộ giấy bị kẹt ra. Đóng nắp lưng và lắp chắc chắn khay giấy và khay 2 mặt trở lại máy.
Jam Inside (Kẹt giấy trong máy)	Giấy bị kẹt bên trong máy.	Mở nắp phía trước và tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Kéo toàn bộ giấy bị kẹt ra. Đóng nắp phía trước. Nếu vẫn còn thông báo lỗi, bấm <b>Start (Bắt đầu)</b> .
Jam Rear (Kẹt phía sau máy)	Giấy bị kẹt trong bộ phận phía sau của máy.	Mở nắp khối sấy và lấy toàn bộ giấy kẹt ra. Đóng nắp khối sấy. Nếu vẫn còn thông báo lỗi, bấm <b>Start (Bắt đầu)</b> .
Jam Tray (Kẹt giấy trong khay)	Giấy bị kẹt trong khay giấy được chỉ báo.	Kéo hẳn khay giấy ra và loại bỏ toàn bộ giấy kẹt. Lắp chắc chắn khay giấy trở lại vào máy.
Manual Feed (Nạp bằng tay)	<b>Bằng tay</b> được chọn làm nguồn giấy trong trình điều khiển máy in, nhưng không có giấy trong khe nạp bằng tay.	Đưa giấy vào khe nạp bằng tay.
No Paper (Không có giấy)	Máy hết giấy hoặc giấy không được nạp đúng vào khay giấy.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nạp lại giấy lại vào khay giấy. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> <li>Nếu giấy nằm trong khay, hãy lấy ra và nạp lại. Đảm bảo thanh dẫn giấy được đặt về đúng khổ giấy.</li> <li>Không nạp quá nhiều giấy vào khay.</li> </ul>
No Response/Busy (Không có phản hồi/Bận)	Số bạn đã quay không trả lời hoặc bận.	Xác nhận số và thử lại.
No Toner (Không có hộp mực)	Hộp mực hoặc cụm hộp mực và bộ trống mực không được lắp đúng.	Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực. Tháo hộp mực khỏi bộ trống mực, rồi lắp lại hộp mực vào bộ trống mực. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy thay hộp mực mới vào.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Out of Memory (Hết bộ nhớ)	Bộ nhớ của máy đầy.	<p><b>Nếu hoạt động gửi fax hoặc sao chép đang diễn ra</b></p> <p>Thực hiện một trong các thao tác sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bấm <b>Start (Bắt đầu)</b> để gửi hoặc sao chép các trang đã quét.</li> <li>• Bấm <b>Stop/Exit (Dừng/Thoát)</b> và chờ đến khi các thao tác đang thực hiện khác hoàn tất, rồi thử lại.</li> <li>• In fax trong bộ nhớ.</li> <li>• Xoá dữ liệu trong bộ nhớ. Để có thêm bộ nhớ, bạn có thể tắt chức năng Nhận Bộ nhớ.</li> </ul> <p><b>Nếu hoạt động in đang diễn ra</b></p> <p>Thực hiện một trong các thao tác sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giảm Độ phân giải.</li> <li>• Xóa các bản fax khỏi bộ nhớ.</li> </ul>
Print Unable (Không thể in) XX	Máy có vấn đề về cơ khí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• (MFC-B7715DW)</li> </ul> <p>Để giúp bạn không bị mất dữ liệu fax đã nhận trong bộ nhớ của máy, truyền dữ liệu đến Máy fax khác hoặc đến máy tính của bạn trước khi tắt máy.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài phút, rồi bật lại máy.</li> <li>• Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng của Brother.</li> </ul>
Replace Drum (Thay trống)	Đã đến lúc thay bộ trống mực.	Thay bộ trống mực.
Replace Toner (Thay hộp mực)	Hộp mực hết tuổi thọ. Máy dừng tất cả các thao tác in. Khi bộ nhớ còn dung lượng thì fax được lưu trữ trong bộ nhớ.	Thay hộp mực mới vào.
Scan Unable (Không thể quét) XX	Máy có vấn đề về cơ khí.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• (MFC-B7715DW)</li> </ul> <p>Để giúp bạn không bị mất dữ liệu fax đã nhận trong bộ nhớ của máy, truyền dữ liệu đến Máy fax khác hoặc đến máy tính của bạn trước khi tắt máy.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bấm và giữ  để tắt máy, rồi bật lại máy.</li> <li>• Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ dịch vụ khách hàng của Brother.</li> </ul>
Self-Diagnostic (Tự chẩn đoán)	<p>Nhiệt độ của bộ sấy mực không tăng đến nhiệt độ đã quy định trong thời gian quy định.</p> <p>Bộ sấy mực quá nóng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• (MFC-B7715DW)</li> </ul> <p>Để giúp bạn không bị mất dữ liệu fax đã nhận trong bộ nhớ của máy, truyền dữ liệu đến Máy fax khác hoặc đến máy tính của bạn trước khi tắt máy.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bấm và giữ  để tắt máy, chờ vài giây, rồi bật lại máy. Vẫn để nguồn bật, để máy ở chế độ nghỉ trong 15 phút.</li> </ul>



Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Size Error DX (Lỗi kích thước DX)	Khổ giấy được chỉ định trong trình điều khiển máy in và cài đặt khổ giấy của máy không sử dụng được với in 2 mặt tự động.	Bấm <b>Stop/Exit (Dừng/Thoát)</b> . Chọn khổ giấy được hỗ trợ cho in 2 mặt. Khổ giấy sử dụng được với in 2 mặt tự động là A4.
	Khổ giấy trong khay không đúng và không sử dụng được với in 2 mặt tự động.	Nạp khổ giấy đúng vào khay và thiết đặt khay phù hợp với khổ giấy đó. Khổ giấy sử dụng được với in 2 mặt tự động là A4.
Size mismatch (Kích thước không trùng khớp)	Khổ giấy trong khay không đúng.	Nạp khổ giấy đúng vào khay và thiết đặt khổ giấy đó phù hợp với khay.
Toner Low (Hộp mực gần hết tuổi thọ)	Nếu màn hình LCD hiển thị thông báo này, bạn vẫn có thể in. Hộp mực gần hết tuổi thọ.	Đặt hàng hộp mực mới ngay để hộp mực thay thế sẽ sẵn có khi màn hình LCD hiển thị <b>Replace Toner</b> (Thay hộp mực).



### Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Thay thế vật tư.](#)
- [Thay Bộ trống mực](#)
- [Vệ sinh Dây Corona](#)

## Kẹt tài liệu

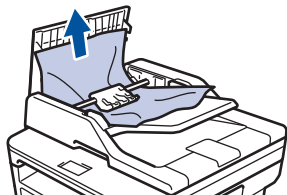
Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

- Tài liệu bị kẹt ở đầu bộ ADF
- Tài liệu bị kẹt dưới nắp tài liệu
- Lấy các mảnh giấy nhỏ bị kẹt ra khỏi ADF

## Tài liệu bị kẹt ở đầu bộ ADF

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

1. Lấy hết giấy không bị kẹt ra khỏi ADF.
2. Mở nắp ADF.
3. Kéo về phía bên trái để lấy tài liệu bị kẹt ra. Nếu tài liệu bị đứt hoặc rách, đảm bảo loại bỏ hoàn toàn các mảnh nhỏ hoặc mảnh giấy vụn để tránh kẹt giấy xảy ra lại.



4. Đóng nắp ADF.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

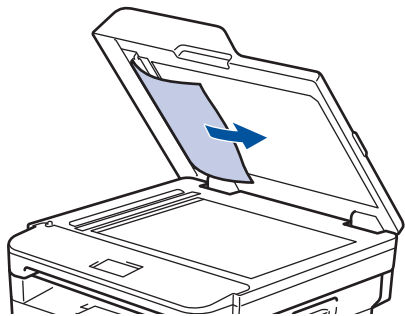
### ✓ Thông tin liên quan

- [Kẹt tài liệu](#)

## Tài liệu bị kẹt dưới nắp tài liệu

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

1. Lấy hết giấy không bị kẹt ra khỏi ADF.
2. Nâng nắp tài liệu lên.
3. Kéo về phía bên phải để lấy tài liệu bị kẹt ra. Nếu tài liệu bị đứt hoặc rách, đảm bảo loại bỏ hoàn toàn các mảnh nhỏ hoặc mảnh giấy vụn để tránh kẹt giấy xảy ra lại.



4. Đóng nắp tài liệu.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



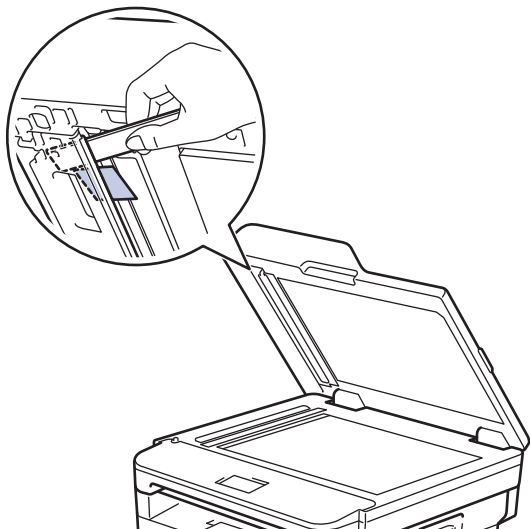
### Thông tin liên quan

- [Kẹt tài liệu](#)

## Lấy các mảnh giấy nhỏ bị kẹt ra khỏi ADF

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

1. Nâng nắp tài liệu lên.
2. Chèn một mảnh giấy cứng, chẳng hạn như mảnh bìa vào ADF để lấy các mảnh giấy nhỏ ra.



3. Đóng nắp tài liệu.
4. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Kẹt tài liệu](#)

## Kẹt giấy

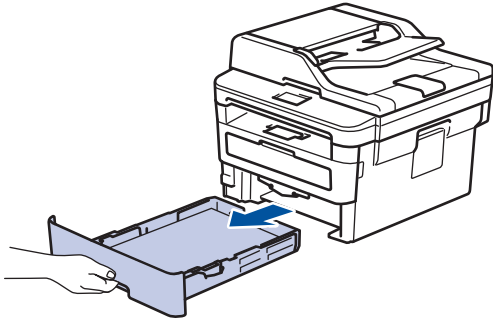
Luôn lấy giấy còn lại khỏi khay giấy và làm thẳng chồng giấy khi bạn thêm giấy mới. Điều này giúp ngăn việc nạp nhiều tờ giấy qua máy cùng một lúc và ngăn kẹt giấy.

- Giấy bị kẹt trong khay giấy
- Giấy bị kẹt ở khay giấy đầu ra
- Giấy bị kẹt ở phía sau máy
- Giấy bị kẹt bên trong máy
- Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

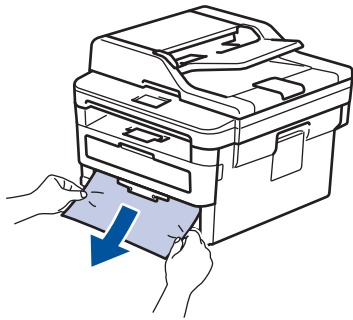
## Giấy bị kẹt trong khay giấy


Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay giấy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.

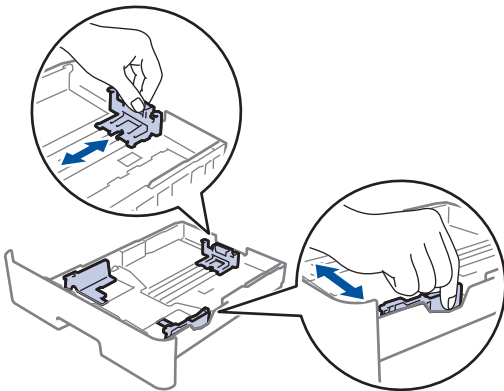


2. Kéo giấy bị kẹt ra từ từ.

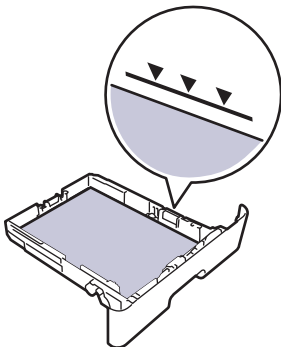


 Kéo giấy bị kẹt xuống bằng cả hai tay cho phép bạn lấy giấy ra dễ dàng hơn.

3. Tải đều chông giấy để tránh kẹt giấy về sau và trượt thanh dẫn giấy cho vừa với khổ giấy.



4. Đảm bảo rằng giấy nằm thấp hơn dấu giấy tối đa (▼▼▼).



5. Lắp chắc chắn khay giấy trở lại vào máy.



## Thông tin liên quan

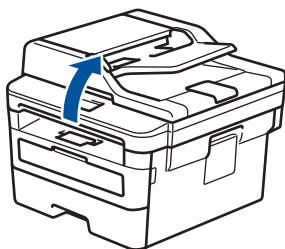
- Kẹt giấy



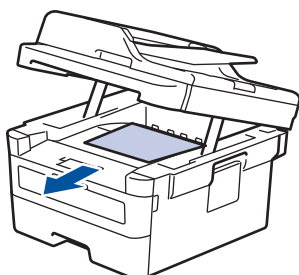
## Giấy bị kẹt ở khay giấy đầu ra

Khi giấy bị kẹt trong khay giấy đầu ra, hãy thực hiện các bước sau:

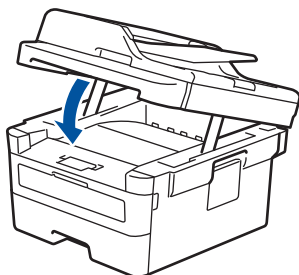
1. Sử dụng cả hai tay để mở máy quét.



2. Lấy giấy ra.



3. Đẩy máy quét xuống bằng cả hai tay để đóng máy lại.



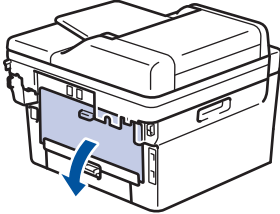
### ✓ Thông tin liên quan

- [Kẹt giấy](#)

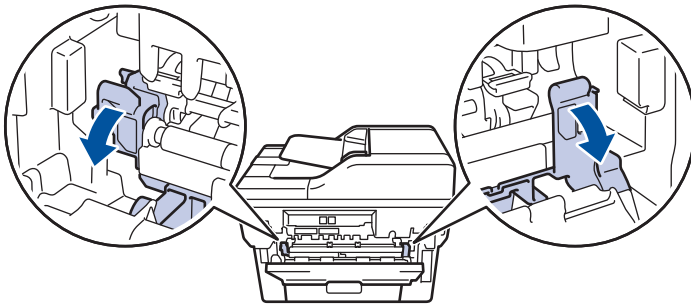
## Giấy bị kẹt ở phía sau máy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt ở phía sau máy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp lưng.



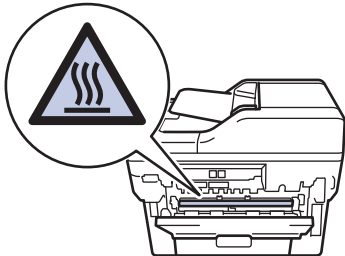
3. Kéo các móc màu xanh bên trái và phải về phía bạn để nhả nắp bộ sấy mực.



### ⚠ CẢNH BÁO

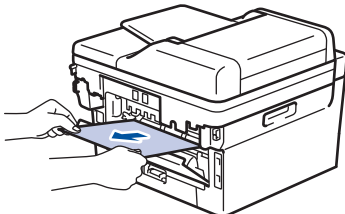
#### BỀ MẶT NÓNG

Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



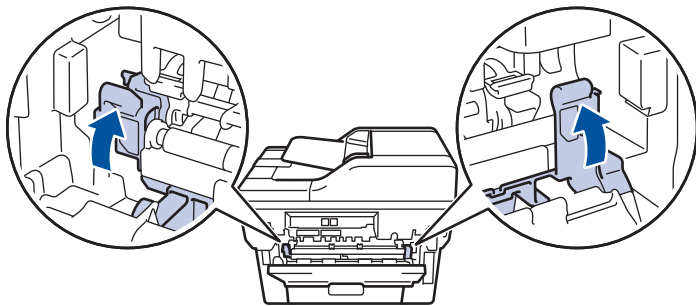
✎ Nếu các cần phong bì màu xanh lá cây bên trong phần vỏ mặt lưng được kéo xuống vị trí phong bì, hãy nâng các cần này lên vị trí ban đầu trước khi kéo các vấu màu xanh lá cây xuống.

4. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi bộ sấy mực.



---

5. Đóng nắp khối sấy.



Nếu bạn in trên phong bì, hãy kéo các cần phong bì màu xanh lá cây xuống vị trí phong bì lại lần nữa trước khi đóng vỏ mặt sau.

6. Đóng nắp lưng đến khi nắp khớp vào vị trí đã đóng.



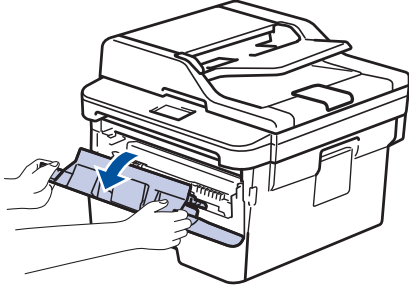
### Thông tin liên quan

- Kẹt giấy
-

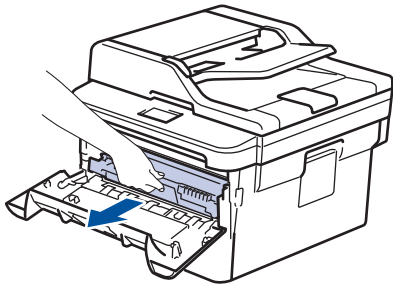
## Giấy bị kẹt bên trong máy

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt bên trong máy, hãy thực hiện theo các bước sau:

1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Mở nắp phía trước.



3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực.



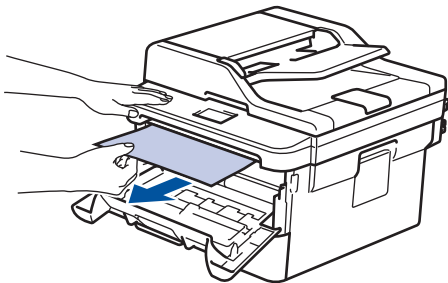
### ⚠ CẢNH BÁO

#### BỀ MẶT NÓNG

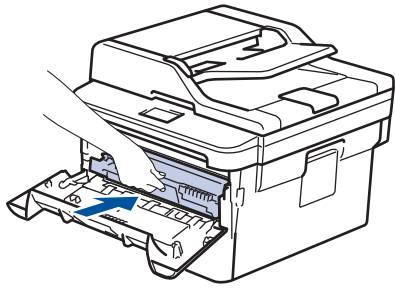
Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



4. Kéo giấy bị kẹt ra từ từ.



5. Lắp đặt hộp mực và cụm bộ trống mực vào máy.



6. Đóng nắp phía trước.

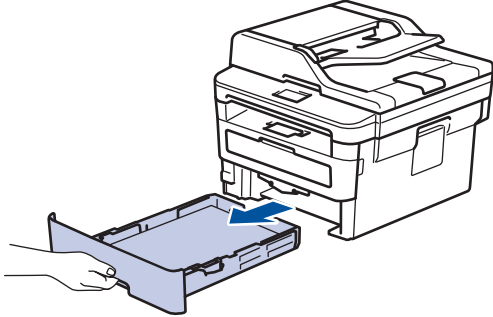
### ✓ Thông tin liên quan

- Kẹt giấy
-

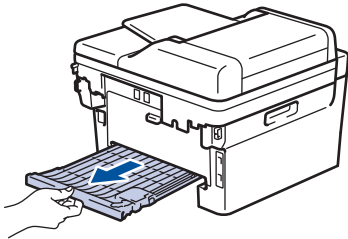
## Giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt

Nếu bảng điều khiển của máy hoặc Bộ giám sát trạng thái cho biết có giấy bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy thực hiện theo các bước sau:

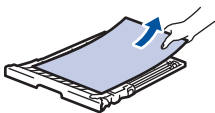
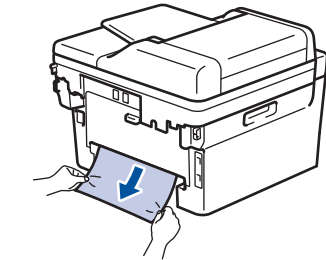
1. Để máy bật trong 10 phút để quạt bên trong làm nguội các bộ phận rất nóng bên trong máy.
2. Kéo hẳn khay giấy ra khỏi máy.



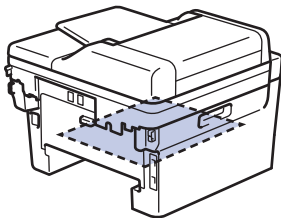
3. Ở phía sau máy, kéo hẳn khay in 2 mặt ra khỏi máy.



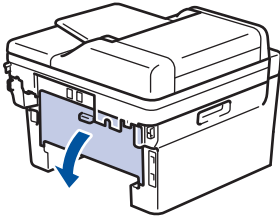
4. Kéo giấy bị kẹt ra khỏi máy hoặc ra khỏi khay in 2 mặt.



5. Lấy giấy có thể đã kẹt dưới máy do tĩnh điện.



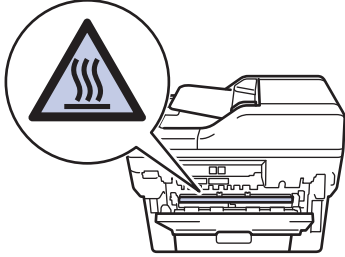
6. Nếu giấy không bị kẹt trong khay in 2 mặt, hãy mở nắp lưng.



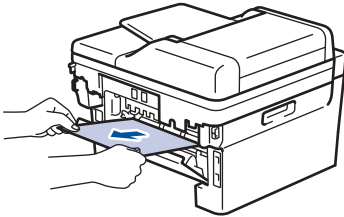
## **⚠ CẢNH BÁO**

### **BỀ MẶT NÓNG**

Các bộ phận bên trong của máy sẽ rất nóng. Chờ cho máy nguội lại trước khi chạm vào các bộ phận này.



7. Dùng cả hai tay nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi phần phía sau của máy.



8. Đóng nắp lưng đến khi nắp khớp vào vị trí đã đóng.

9. Lắp chắc chắn khay 2 mặt vào phía sau của máy.





10. Lắp chắc chắn khay giấy vào phía trước của máy.

## **✓ Thông tin liên quan**



- [Kẹt giấy](#)

## Vấn đề khi in

Nếu sau khi đọc bảng này, bạn vẫn cần được trợ giúp, hãy truy cập Trung tâm Giải pháp Brother tại [support.brother.com](http://support.brother.com).

Khó khăn	Gợi ý
Không có bản in	<p>Đảm bảo rằng máy không ở chế độ Tắt nguồn.</p> <p>Nếu máy ở chế độ Tắt nguồn, bấm  trên bảng điều khiển, rồi gửi lại dữ liệu in.</p> <p>Kiểm tra xem đã cài đặt và chọn đúng trình điều khiển máy in chưa.</p> <p>Kiểm tra xem Status Monitor hoặc bảng điều khiển của máy có hiển thị trạng thái lỗi hay không.</p> <p>Kiểm tra máy có đang trực tuyến không:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>Windows 7 và Windows Server 2008 R2 Nhấp vào  (Bắt đầu) &gt; <b>Thiết bị và Máy in</b> . Nhấp chuột phải vào <b>Brother XXX-XXXX</b> và nhấp vào <b>Xem đang in gì</b>. Nhấp vào <b>Máy in</b> trong thanh menu. Đảm bảo <b>Sử dụng Máy in Gián tuyến</b> không được chọn.</li><li>Windows Server 2008 Nhấp vào  (Start) ((Bắt đầu)) &gt; <b>Control Panel (Bảng điều khiển)</b> &gt; <b>Hardware and Sound (Phần cứng và âm thanh)</b> &gt; <b>Printers (Máy in)</b>. Nhấp chuột phải vào <b>Brother XXX-XXXX</b>. Đảm bảo rằng <b>Use Printer Online (Sử dụng máy in trực tuyến)</b> không được liệt kê. Nếu có liệt kê, nhấp vào tùy chọn này để thiết đặt trình điều khiển thành Trực tuyến.</li><li>Windows 8 và Windows Server 2012 Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, nhấp vào <b>Thiết lập</b> &gt; <b>Pa-nen Điều khiển</b>. Trong nhóm <b>Phần cứng và Âm thanh</b>, nhấp vào <b>Xem thiết bị và máy in</b>. Nhấp chuột phải vào <b>Brother XXX-XXXX</b>. Nhấp vào <b>Xem đang in gì</b>. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Nhấp vào <b>Máy in</b> trong thanh menu và đảm bảo không chọn <b>Sử dụng Máy in Gián tuyến</b>.</li><li>Windows 10 và Windows Server 2016 Nhấp vào  &gt; <b>Hệ thống Windows</b> &gt; <b>Pa-nen Điều khiển</b>. Trong nhóm <b>Phần cứng và Âm thanh</b>, nhấp vào <b>Xem thiết bị và máy in</b>. Nhấp chuột phải vào <b>Brother XXX-XXXX</b>. Nhấp vào <b>Xem đang in gì</b>. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Nhấp vào <b>Máy in</b> trong thanh menu và đảm bảo không chọn <b>Sử dụng Máy in Gián tuyến</b>.</li><li>Windows Server 2012 R2 Nhấp vào <b>Control Panel (Bảng điều khiển)</b> trên màn hình <b>Start</b>. Trong nhóm <b>Hardware</b>, nhấp vào <b>Xem thiết bị và máy in</b>. Nhấp chuột phải vào <b>Brother XXX-XXXX</b>. Nhấp vào <b>See what's printing</b>. Nếu tùy chọn trình điều khiển máy in xuất hiện, hãy chọn trình điều khiển máy in của bạn. Nhấp vào <b>Printer</b> trong thanh menu và đảm bảo rằng <b>Sử dụng Máy in Gián tuyến</b> không được chọn.</li></ul>



Khó khăn	Gợi ý
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Mac Nhấp vào menu <b>System Preferences (Tùy chọn hệ thống)</b>, rồi chọn tùy chọn <b>Printers &amp; Scanners (Máy in &amp; máy quét)</b>. Khi máy đang ngoại tuyến, hãy xóa nó bằng cách sử dụng nút , sau đó thêm nó bằng cách sử dụng nút .</li> </ul>
Máy không in hoặc đã dừng in.	Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.
Các đầu hoặc chân trang xuất hiện khi tài liệu hiển thị trên màn hình nhưng không hiển thị khi in tài liệu.	Có vùng không thể in ở trên cùng và dưới cùng của trang. Điều chỉnh lề trên cùng và dưới cùng trong tài liệu của bạn để cho phép in vùng này.
Máy in không như mong muốn hoặc in lộn xộn.	<p>Hủy công việc in và xóa công việc khỏi bộ nhớ. Bản in ra có thể không hoàn chỉnh. Gửi lại dữ liệu in.</p> <p>Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.</p> <p>Xác nhận rằng trình điều khiển máy in Brother được chọn trong cửa sổ In của ứng dụng của bạn.</p>
Máy in đúng một vài trang đầu, rồi một vài trang sau bị mất chữ.	<p>Kiểm tra thiết đặt trong ứng dụng của bạn để đảm bảo rằng thiết đặt được cài đặt hoạt động với máy của bạn.</p> <p>Máy của bạn không nhận tất cả dữ liệu đã gửi từ máy tính. Đảm bảo rằng bạn đã kết nối cáp giao diện đúng cách.</p>
Máy không in trên cả hai mặt của giấy mặc dù thiết lập trình điều khiển máy in là 2 mặt và máy hỗ trợ in 2 mặt tự động.	Kiểm tra thiết đặt khổ giấy trong trình điều khiển máy in. Bạn phải chọn giấy A4 60 đến 105 g/m <sup>2</sup> .
Tốc độ in quá chậm.	<p>Thử thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in. Độ phân giải cao nhất cần thời gian xử lý, gửi và in dữ liệu lâu hơn.</p> <p>Nếu bạn kích hoạt Chế độ im lặng, hãy bỏ kích hoạt Chế độ im lặng trên trình điều khiển máy hoặc thiết lập menu của máy.</p>
Máy không nạp giấy.	<p>Nếu có giấy trong khay giấy, đảm bảo rằng giấy nằm thẳng. Nếu giấy bị quấn, kéo thẳng giấy. Đôi khi bạn nên thử lấy giấy ra, lật ngược chồng giấy, rồi đặt lại vào khay giấy.</p> <p>Giảm lượng giấy trong khay giấy, rồi thử lại.</p> <p>(Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Đảm bảo rằng <b>Bằng tay</b> không được chọn cho <b>Nguồn Giấy</b> trong trình điều khiển máy in.</p> <p>Vệ sinh trục cuộn lấy giấy.</p>
Máy không nạp giấy từ Khe nạp bằng tay. (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công)	<p>Sử dụng cả hai tay để đẩy chắc chắn một tờ giấy vào khe nạp bằng tay đến khi cạnh giấy trên cùng chạm vào trục lăn nạp giấy. Tiếp tục đẩy giấy chạm vào trục lăn đến khi máy nhận giấy và kéo giấy vào trong sâu hơn.</p> <p>Nạp lần lượt từng tờ giấy vào khe nạp bằng tay.</p> <p>Đảm bảo rằng <b>Bằng tay</b> được chọn cho <b>Nguồn Giấy</b> trong trình điều khiển máy in.</p>
Máy không nạp phong bì.	(Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Nạp lần lượt từng phong bì vào khe nạp bằng tay. Ứng dụng của bạn phải được thiết đặt để in khổ phong bì mà bạn đang sử dụng. Điều này thường được thực hiện trong menu Cài đặt trang hoặc Cài đặt tài liệu trong ứng dụng của bạn.



## Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố

### **Chủ đề liên quan:**

- Vệ sinh trực cuộn lấy giấy



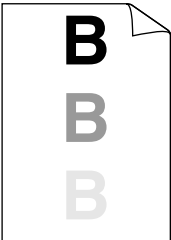
## Cải thiện chất lượng in

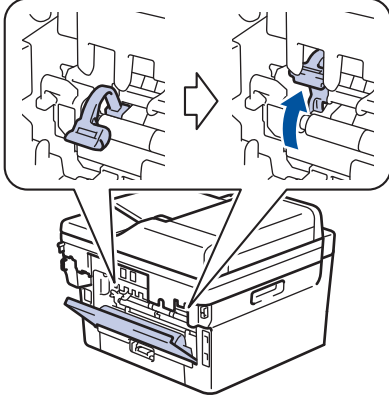

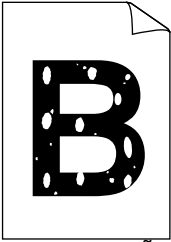
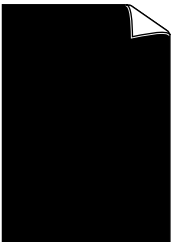

Nếu bạn có vấn đề về chất lượng in, hãy in trang kiểm tra trước tiên. Nếu bản in có chất lượng tốt, vấn đề có thể không phải ở máy. Kiểm tra các kết nối cáp giao diện và thử in tài liệu khác. Nếu bản in hoặc trang kiểm tra được in từ máy có vấn đề về chất lượng, hãy xem các ví dụ về chất lượng in xấu và thực hiện theo khuyến nghị trong bảng.



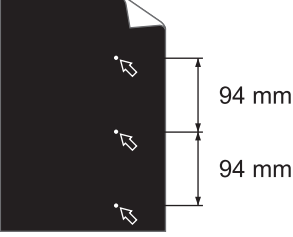
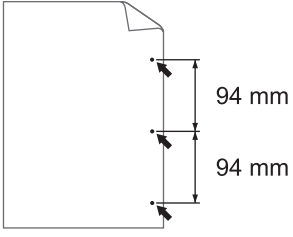

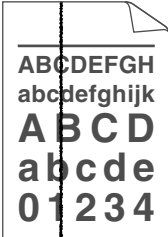
### QUAN TRỌNG

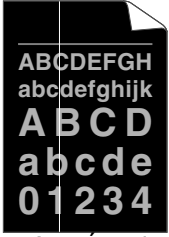

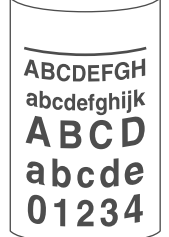
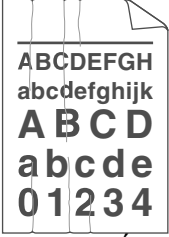
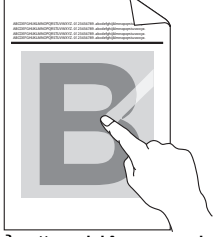
Sử dụng vật tư không chính hãng có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy.

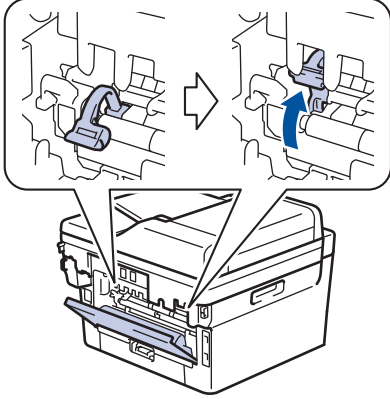

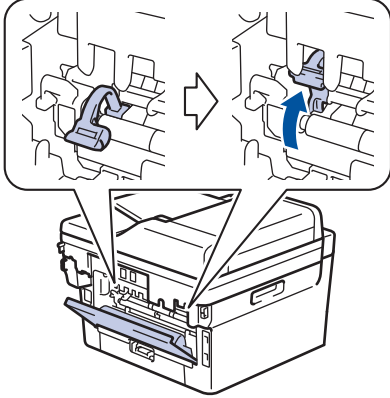
- Để có chất lượng in tốt nhất, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng phương tiện in được khuyến nghị. Đảm bảo bạn sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của chúng tôi.
- Kiểm tra hộp mực và bộ trống mực có được lắp chính xác không.

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Mờ</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>Nếu máy cho biết trạng thái Thay mực in, lắp hộp mực mới vào.</li><li>Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện như độ ẩm, nhiệt độ cao, v.v... có thể gây ra lỗi in này.</li><li>Nếu toàn bộ trang giấy quá nhạt, chế độ Tiết kiệm mực in có thể được bật. Tắt chế độ Tiết kiệm mực in trong thiết đặt menu của máy hoặc trình điều khiển máy in.</li><li>Vệ sinh bộ trống mực.</li><li>Vệ sinh dây corona trên bộ trống mực.</li><li>Thay hộp mực mới mới vào.</li><li>Thay bộ trống mực mới vào.</li></ul>
 <p>Nền màu xám</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như nhiệt độ và độ ẩm cao có thể tăng mức độ đổ bóng của nền.</li><li>Vệ sinh bộ trống mực.</li><li>Thay bộ trống mực mới vào.</li></ul>
 <p>Ảnh tạo bóng mờ</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ thấp có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này.</li><li>Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in.</li><li>Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại.</li></ul>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	 <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Thay bộ trống mực mới vào.</li> <li>• Thay hộp mực mới mới vào.</li> <li>• Bộ sấy mực có thể bị bẩn.</li> </ul> <p>Liên hệ Dịch vụ khách hàng Brother.</p>
 <p>Các chấm mực nhỏ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển khớp với loại giấy bạn đang sử dụng.</li> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Hộp mực có thể bị hỏng. Thay hộp mực mới mới vào.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> <li>• Bộ sấy mực có thể bị bẩn.</li> </ul> <p>Liên hệ Dịch vụ khách hàng Brother.</p>
 <p>Chữ in có lỗ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn chế độ <b>Giấy dày</b> trong trình điều khiển máy in hoặc sử dụng giấy mỏng hơn bạn hiện đang sử dụng.</li> <li>• Chọn loại phương tiện phù hợp trong thiết đặt menu.</li> <li>• Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm cao có thể khiến chữ in có lỗ.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Đen toàn bộ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Các đường màu trắng ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chọn loại phương tiện phù hợp trong trình điều khiển máy in.</li> <li>• Chọn loại phương tiện phù hợp trong thiết đặt menu.</li> <li>• Vấn đề có thể tự biến mất. In nhiều trang trắng để xóa vấn đề này, đặc biệt nếu máy không được sử dụng trong thời gian dài.</li> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
 <p>Các đường ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Các đường, dải hoặc gân sọc màu trắng ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra môi trường của máy. Các điều kiện, như độ ẩm và nhiệt độ cao có thể gây ra vấn đề về chất lượng in này.</li> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi một vài trang, thay bộ trống mực mới.</li> </ul>
 <p>Đốm trắng trên văn bản và đồ họa đen cách quãng 94 mm</p>  <p>Đốm đen cách quãng 94 mm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tạo 10-15 bản sao của một tờ giấy trắng trơn. Nếu vấn đề không được giải quyết sau khi in trang trắng, bộ trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo từ nhãn, kẹt trên trống mực. Vệ sinh bộ trống mực.  <b>&gt;&gt; Thông tin liên quan: Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực</b></li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Mực đen tạo dấu ngang trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Nếu bạn sử dụng tờ giấy nhẵn cho máy in laze, keo từ các tờ giấy đôi khi có thể dính vào bề mặt trống. Vệ sinh bộ trống mực.  <b>&gt;&gt; Thông tin liên quan: Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực</b></li> <li>• Nếu bạn sử dụng giấy có kẹp hoặc dập ghim, bộ trống mực có thể bị hỏng.</li> <li>• Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng.</li> <li>• Vệ sinh bộ trống mực.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p>Đường màu đen dọc trang giấy</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt vấu màu xanh lá cây. Đảm bảo vấu màu xanh lá cây của bộ trống mực nằm ở Vị trí Ban đầu.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> <li>• Bộ sấy mực có thể bị bẩn. Liên hệ Dịch vụ khách hàng Brother.</li> </ul>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
<p data-bbox="284 168 671 197">Trang in bị rây mực dọc trang giấy</p>  <p data-bbox="268 450 687 479">Các đường màu trắng dọc trang giấy</p>	<ul data-bbox="820 215 1437 383" style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo vật lạ chẳng hạn như mẫu giấy rách, giấy dính ghi chú hoặc bụi bẩn không ở trong máy và quanh hộp mực và bộ trống mực.</li> <li>• Bộ trống mực có thể bị hỏng. Thay bộ trống mực mới vào.</li> </ul>
 <p data-bbox="384 730 568 759">Hình ảnh bị lệch</p>	<ul data-bbox="820 495 1461 969" style="list-style-type: none"> <li>• Đặt tài liệu chính xác trong ADF hoặc trên kính máy quét nếu việc in lệch chỉ xảy ra khi tạo bản sao.</li> <li>• Đảm bảo giấy hoặc phương tiện in khác được nạp chính xác trong khay giấy và thanh dẫn giấy không tỳ quá chặt hoặc quá lỏng vào chông giấy.</li> <li>• Đặt thanh dẫn giấy chính xác.</li> <li>• Khay giấy có thể quá đầy.</li> <li>• Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy.</li> <li>• Kiểm tra xem có vật rời ra, như giấy rách bên trong máy.</li> <li>• Nếu sự cố chỉ xảy ra trong khi in 2 mặt tự động, hãy kiểm tra giấy rách trong khay 2 mặt. Xác minh khay 2 mặt được chèn hoàn toàn và nắp lưng được đóng hoàn toàn.</li> </ul>
 <p data-bbox="331 1227 620 1256">Ảnh quăn hoặc gợn sóng</p>	<ul data-bbox="820 992 1469 1346" style="list-style-type: none"> <li>• Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy. Nhiệt độ và độ ẩm cao có thể khiến giấy bị quăn.</li> <li>• Nếu bạn không sử dụng máy thường xuyên, giấy có thể nằm trong khay giấy quá lâu. Lật ngược chông giấy trong khay giấy. Ngoài ra, tải chông giấy, rồi xoay giấy 180° trong khay giấy.</li> <li>• Mở nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) để cho phép trang đã in chạy ra trên khay đầu ra hướng lên.</li> <li>• Chọn chế độ <b>Giảm thiểu Quăn Giấy</b> trong trình điều khiển máy in khi bạn không sử dụng phương tiện in được chúng tôi khuyến nghị.</li> </ul>
 <p data-bbox="363 1603 588 1632">Nhấn hoặc gấp nếp</p>	<ul data-bbox="820 1368 1469 1503" style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo giấy được nạp đúng cách.</li> <li>• Kiểm tra loại giấy và chất lượng giấy.</li> <li>• Lật ngược chông giấy trong khay hoặc xoay giấy 180° trong khay đầu vào.</li> </ul>
 <p data-bbox="336 1888 616 1917">Khả năng hiện mực kém</p>	<ul data-bbox="820 1653 1469 1738" style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng nằm ở vị trí trên. Kéo hai cần màu xanh lá cây lên cho đến khi chúng dừng lại.</li> </ul>

Ví dụ về chất lượng in không tốt	Khuyến nghị
	 <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo thiết đặt loại phương tiện trong trình điều khiển máy in khớp với loại giấy bạn đang sử dụng.</li> <li>• Chọn chế độ <b>Cải thiện khả năng hiện mực</b> trong trình điều khiển máy in. Nếu lựa chọn này không cho thấy cải thiện rõ rệt, thay đổi thiết đặt trình điều khiển máy in trong <b>Loại vật liệu in</b> thành thiết đặt dày. Nếu bạn đang in phong bì, chọn <b>Bao thư Dày</b> trong thiết đặt loại phương tiện.</li> </ul>
 <p>Phong bì gấp nếp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo hai cần màu xanh lá cây bên trong nắp lưng được kéo xuống đến vị trí của phong bì khi bạn in phong bì. Sau khi bạn in xong, đặt lại các cần về vị trí ban đầu. Kéo các cần lên cho đến khi chúng dừng lại.</li> </ul>  <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đảm bảo phong bì được in với nắp lưng (khay đầu ra hướng lên) mở.</li> <li>• (Dành cho các model có Khe Nạp Thủ công) Đảm bảo phong bì chỉ được nạp từ khe nạp bằng tay.</li> </ul>

## ✓ Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố

### Chủ đề liên quan:

- Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực
- Giảm mức tiêu thụ mực
- Thay Hộp mực
- Thay Bộ trống mực

## Vấn đề về điện thoại và fax

Model: MFC-B7715DW

### Đường dây hoặc kết nối điện thoại

Khó khăn	Gợi ý
Quay số không hoạt động. (Không có âm quay số)	<p>Kiểm tra tất cả kết nối dây điện cho đường dây. Đảm bảo rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm trên tường cho điện thoại và ổ cắm LINE của máy. Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu bạn đăng ký dịch vụ DSL hoặc dịch vụ VoIP, liên hệ nhà cung cấp dịch vụ của bạn để được hướng dẫn kết nối.</p> <p>(Chỉ có sẵn đối với một số quốc gia).</p> <p>Thay đổi thiết đặt Tín hiệu/Xung</p> <p>Gửi fax thủ công bằng cách bấm nút Báo nhận và quay số. Chờ đến khi nghe thấy tín hiệu đang nhận fax rồi mới bấm nút Bắt đầu.</p> <p>Nếu không có âm quay số, kết nối điện thoại biết chắc có hoạt động và dây điện cho đường điện thoại với ổ cắm. Sau đó nhắc ống nghe điện thoại của điện thoại gắn ngoài và lắng nghe âm quay số. Nếu vẫn không có âm quay số, yêu cầu công ty điện thoại kiểm tra đường dây và/hoặc ổ cắm trên tường.</p>
Máy không trả lời khi được gọi.	<p>Đảm bảo rằng máy đang ở chế độ nhận đúng với cài đặt của bạn.</p> <p>Kiểm tra âm quay số. Nếu có thể, gọi cho máy của bạn để nghe máy trả lời. Nếu vẫn không có tín hiệu trả lời, kiểm tra rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm điện thoại trên tường và ổ cắm LINE của máy. Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu không có chuông đổ khi bạn gọi máy của mình, yêu cầu công ty điện thoại kiểm tra đường dây.</p>

### Xử lý cuộc gọi đến

Khó khăn	Gợi ý
Gửi Cuộc gọi fax đến máy.	<p>Nếu bạn đã trả lời ở điện thoại có số máy nhánh hoặc điện thoại gắn ngoài, bấm Mã kích hoạt từ xa của bạn (thiết đặt mặc định theo nhà máy là *51). Nếu bạn đã trả lời ở điện thoại có số máy nhánh, bấm nút Bắt đầu để nhận fax.</p> <p>Khi máy của bạn trả lời, gác máy.</p>
Tính năng tùy chỉnh trên một đường dây duy nhất.	<p>Nếu bạn có dịch vụ Cuộc gọi chờ người gọi, Thư thoại, máy trả lời, hệ thống cảnh báo hoặc các tính năng tùy chỉnh khác trên một đường dây điện thoại duy nhất kết nối với máy của bạn, điều này có thể gây ra vấn đề khi gửi hoặc nhận fax.</p> <p><b>Ví dụ:</b> Nếu bạn đăng ký Cuộc gọi chờ hoặc một số dịch vụ tùy chỉnh khác và tín hiệu của dịch vụ này đi qua đường dây trong khi máy của bạn đang gửi hoặc nhận fax, tín hiệu đó có thể tạm thời ngắt hoặc làm gián đoạn quá trình fax. Tính năng ECM (Chế độ sửa lỗi) của Brother sẽ giúp khắc phục vấn đề này. Tình trạng này có liên quan đến ngành hệ thống điện thoại và là vấn đề</p>



Khó khăn	Gợi ý
	thường gặp ở tất cả các thiết bị gửi và nhận thông tin trên một đường dây dùng chung duy nhất có các tính năng tùy chỉnh. Nếu công việc của bạn thực sự cần tránh những gián đoạn nhỏ, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng đường dây điện thoại riêng biệt không có tính năng tùy chỉnh nào.

## Nhận fax

Khó khăn	Gợi ý
Không thể nhận fax.	<p>Kiểm tra tất cả kết nối dây điện cho đường dây. Đảm bảo rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm trên tường cho điện thoại và ổ cắm LINE của máy. Nếu bạn đăng ký dịch vụ DSL hoặc dịch vụ VoIP, liên hệ nhà cung cấp dịch vụ của bạn để được hướng dẫn kết nối. Nếu bạn đang sử dụng hệ thống VoIP, hãy thử thay đổi cài đặt VoIP thành <i>Cơ bản (đối với VoIP)</i>. Điều này sẽ làm giảm tốc độ modem và tắt Chế độ Chính sửa Lỗi (ECM).</p> <p>Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu bạn thấy tạp âm hoặc nhiễu trên đường dây fax, hãy liên hệ nhà cung cấp dịch vụ điện thoại ở địa phương bạn.</p> <p>Đảm bảo rằng máy đang ở Chế độ nhận đúng. Điều này được xác định bởi thiết bị gắn ngoài và dịch vụ thuê bao điện thoại mà bạn có trên cùng đường dây với máy Brother.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu bạn có đường dây fax riêng và muốn máy Brother của mình tự động trả lời tất cả fax đến, bạn nên chọn chế độ Chỉ fax.</li> <li>Nếu máy Brother của bạn dùng chung đường dây với máy trả lời gắn ngoài, bạn nên chọn chế độ TAD gắn ngoài. Trong chế độ TAD gắn ngoài, máy Brother của bạn sẽ tự động nhận fax đến và người gọi thoại sẽ có thể để lại tin nhắn trên máy trả lời của bạn.</li> <li>Nếu máy Brother của bạn dùng chung đường dây với các điện thoại khác và bạn muốn máy tự động trả lời tất cả các fax đến, bạn nên chọn chế độ Fax/Điện thoại. Trong chế độ Fax/Điện thoại, máy Brother của bạn sẽ tự động nhận fax và thực hiện đổ chuông giả/kép để nhắc bạn trả lời cuộc gọi thoại.</li> <li>Nếu bạn không muốn máy Brother của mình tự động trả lời bất kỳ fax đến nào, bạn nên chọn chế độ Bằng tay. Ở chế độ Bằng tay, bạn phải trả lời tất cả các cuộc gọi đến và kích hoạt để máy nhận fax.</li> </ul> <p>Một thiết bị hoặc dịch vụ khác ở chỗ của bạn có thể trả lời cuộc gọi trước khi máy Brother của bạn trả lời. Để kiểm tra điều này, giảm thiết đặt Độ trễ Đổ chuông:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu Chế độ nhận được thiết đặt thành Chỉ Fax hoặc Fax/Điện thoại, giảm Số lần đổ chuông xuống một lần đổ chuông.</li> <li>Nếu Chế độ nhận được thiết đặt thành TAD gắn ngoài, giảm số lần đổ chuông được lập trình trên máy trả lời của bạn xuống thành hai lần.</li> <li>Nếu Chế độ nhận được thiết đặt thành Bằng tay, KHÔNG điều chỉnh thiết đặt Số lần đổ chuông.</li> </ul> <p>Nhờ người khác gửi thử fax cho bạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu bạn nhận được bản fax thử thành công nghĩa là máy của bạn đang hoạt động đúng. Nhớ đặt lại Số lần</li> </ul>


Khó khăn	Gợi ý
	<p>đổ chuông hoặc thiết đặt máy trả lời của bạn về lại thiết đặt ban đầu. Nếu vấn đề nhận tái diễn sau khi đặt lại Số lần đổ chuông, nghĩa là có người, thiết bị hoặc dịch vụ thuê bao đang trả lời cuộc gọi fax trước khi máy có thể trả lời.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu bạn không thể nhận được fax, nghĩa là có thiết bị hoặc dịch vụ thuê bao khác có thể đang can thiệp vào việc nhận fax của bạn hoặc có thể đường dây fax của bạn có vấn đề.</li> </ul>
	<p>Nếu bạn đang sử dụng máy trả lời điện thoại (chế độ TAD gắn ngoài) trên cùng đường dây với máy Brother, đảm bảo rằng máy trả lời của bạn được cài đặt đúng.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Thiết đặt máy trả lời của bạn trả lời trong vòng một hoặc hai lần đổ chuông.</li> <li>Ghi âm tin nhắn gửi đi trên máy trả lời của bạn. <ul style="list-style-type: none"> <li>Ghi âm năm giây im lặng ở đầu tin nhắn gửi đi của bạn.</li> <li>Giới hạn thời gian nói của bạn trong 20 giây.</li> <li>Kết thúc tin nhắn gửi đi của bạn bằng Mã kích hoạt từ xa cho người gửi fax bằng tay. Ví dụ: "Sau tiếng bíp, vui lòng để lại tin nhắn hoặc bấm *51 và Bấm đầu để gửi fax."</li> </ul> </li> <li>Thiết đặt máy trả lời của bạn trả lời cuộc gọi.</li> <li>Thiết đặt Chế độ nhận trong máy Brother của bạn là TAD gắn ngoài.</li> </ol>
	<p>Đảm bảo tính năng Nhận Fax của máy Brother của bạn được Bật. Nhận Fax là tính năng cho phép bạn nhận fax ngay cả khi bạn đã trả lời cuộc gọi ở điện thoại gắn ngoài hoặc điện thoại có số máy nhánh.</p>
	<p>Nếu bạn thường xuyên gặp lỗi truyền do khả năng bị nhiễu đường dây điện thoại hoặc nếu bạn đang sử dụng hệ thống VoIP, thử thay đổi thiết đặt Tương thích sang Cơ bản (đối với VoIP).</p>

## Gửi fax

Khó khăn	Gợi ý
Không thể gửi fax.	<p>Kiểm tra tất cả kết nối dây điện cho đường dây. Đảm bảo rằng dây điện cho đường điện thoại được cắm vào ổ cắm trên tường cho điện thoại và ổ cắm LINE của máy. Đảm bảo rằng máy của bạn có âm quay số bằng cách bấm nút Báo nhận trong chế độ Fax. Nếu bạn đăng ký dịch vụ DSL hoặc dịch vụ VoIP, liên hệ nhà cung cấp dịch vụ của bạn để được hướng dẫn kết nối.</p> <p>Đảm bảo rằng bạn đã bấm Fax và máy ở chế độ Fax.</p> <p>In Báo cáo xác nhận truyền và kiểm tra lỗi.</p> <p>Yêu cầu bên kia kiểm tra xem máy nhận có giấy không.</p>
Chất lượng gửi không tốt.	<p>Thử thay đổi độ phân giải của bạn về Mịn hoặc Siêu Mịn. Tạo bản sao để kiểm tra hoạt động máy quét của máy. Nếu chất lượng sao chép kém, hãy vệ sinh máy quét.</p>
Báo cáo xác nhận truyền cho biết KẾT QUẢ:LỖI.	<p>Có thể đường dây tạm thời bị nhiễu hoặc có tạp âm. Thử gửi lại fax. Nếu bạn đang gửi báo cáo PC-Fax và nhận được KẾT QUẢ:LỖI trên Báo cáo xác nhận truyền, có thể máy của bạn đã hết bộ nhớ. Để giải phóng thêm dung lượng bộ nhớ, bạn có thể tắt Lưu trữ Fax, in thông báo fax trong bộ nhớ hoặc hủy gửi fax hẹn giờ. Nếu vấn đề</p>

Khó khăn	Gợi ý
	vẫn tiếp diễn, yêu cầu công ty điện thoại kiểm tra đường dây điện thoại của bạn. Nếu bạn thường xuyên gặp lỗi truyền do khả năng bị nhiễu đường dây điện thoại hoặc nếu bạn đang sử dụng hệ thống VoIP, thử thay đổi thiết đặt Tương thích sang Cơ bản (đối với VoIP).
Fax đã gửi trống trơn.	Đảm bảo rằng bạn nạp tài liệu đúng cách. Khi sử dụng bộ nạp ADF, nên để tài liệu ngửa lên. Khi sử dụng kính máy quét, nên để tài liệu úp xuống.
Có sọc dọc màu đen khi gửi.	Sọc dọc màu đen có trên bản fax bạn gửi thường là do bụi bẩn hoặc chất lỏng xóa trên dải kính. Vệ sinh dải kính.

## In fax đã nhận.

Khó khăn	Gợi ý
<ul style="list-style-type: none"> <li>In dày đặc</li> <li>Sọc ngang</li> <li>Câu trên cùng và dưới cùng bị mất</li> <li>Thiếu dòng</li> </ul> 	Điều này thường là do kết nối điện thoại không tốt. Tạo bản sao; nếu bản sao của bạn có chất lượng tốt thì có thể kết nối của bạn không tốt do đường dây điện thoại có tạp âm hoặc bị nhiễu. Yêu cầu bên kia gửi lại fax.
Có sọc dọc màu đen khi nhận.	Dây corona để in có thể bị bẩn. Vệ sinh dây corona trong bộ trống mực. Máy quét của người gửi có thể bị bẩn. Yêu cầu người gửi tạo một bản sao để xem có phải vấn đề là do máy gửi không. Thử nhận từ máy fax khác.
Fax đã nhận xuất hiện dưới dạng trang bị tách hoặc trang trắng.	Lề trái và phải bị mất hoặc một trang được in trên hai trang. Bật Thu nhỏ tự động.

## ✓ Thông tin liên quan

- Xử lý sự cố
  - Thiết đặt Phát hiện âm quay số
  - Thiết đặt tương thích đường dây điện thoại cho hệ thống can nhiễu và VoIP

## Thiết đặt Phát hiện âm quay số

Model: MFC-B7715DW

Thiết đặt Âm quay số thành [Detection (Phát hiện)] sẽ rút ngắn thời gian phát hiện Âm quay số.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Dial Tone (Âm quay số)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn [Detection (Phát hiện)] hoặc [No Detection (Không có phát hiện)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [Vấn đề về điện thoại và fax](#)

## Thiết đặt tương thích đường dây điện thoại cho hệ thống can nhiễu và VoIP

Model: MFC-B7715DW

Có thể giải quyết các vấn đề có thể xảy ra khi gửi và nhận fax do nhiễu đường dây điện thoại bằng cách giảm tốc độ modem để giảm thiểu lỗi trong khi truyền fax. Nếu bạn đang sử dụng dịch vụ Truyền giọng nói trên giao thức IP (VoIP), Brother khuyên bạn nên thay đổi tính tương thích thành Cơ bản (cho VoIP).



- VoIP là loại hệ thống điện thoại sử dụng kết nối Internet, không phải đường dây điện thoại truyền thống.
- Nhà cung cấp máy điện thoại thường cung cấp VoIP theo gói cùng với dịch vụ Internet và cáp.
- Brother không khuyến nghị đường dây VoIP. Những hạn chế của VoIP nói chung có thể khiến một số chức năng của máy fax hoạt động không đúng.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm **▲** hoặc **▼** để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm **▲** hoặc **▼** để hiển thị tùy chọn [Compatibility (Khả năng tương thích)] rồi bấm **OK**.
4. Bấm **▲** hoặc **▼** để hiển thị tùy chọn [High (Cao)], [Normal (Bình thường)] hoặc [Basic (for VoIP) (Cơ bản (dành cho VoIP))], rồi bấm **OK**.

Tùy chọn	Mô tả
High (Cao)	Chọn High (Cao) để thiết đặt tốc độ modem là 33600 bps.
Normal (Bình thường)	Chọn Normal (Bình thường) để thiết đặt tốc độ modem là 14400 bps.
Basic (for VoIP) (Cơ bản (dành cho VoIP))	Chọn Basic (for VoIP) (Cơ bản (dành cho VoIP)) để giảm tốc độ modem xuống 9600 bps và tắt Chế độ sửa lỗi (ECM). Trừ khi nhiễu là vấn đề thường xảy ra trên đường dây điện thoại của bạn, bạn chỉ nên dùng chế độ này khi cần thiết. Để cải thiện tính tương thích với hầu hết dịch vụ VoIP, Brother khuyến nghị nên thay đổi tính tương thích thành Basic (for VoIP) (Cơ bản (dành cho VoIP)).

5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [Vấn đề về điện thoại và fax](#)

## Vấn đề về mạng

- Thông báo lỗi cho Sự cố mạng
- Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Brother ở đâu?
- Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây
- Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows)
- Máy Brother của tôi không thể in, quét hoặc nhận PC-FAX qua mạng
- Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

## Thông báo lỗi cho Sự cố mạng

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

Máy Brother sẽ hiển thị thông báo lỗi nếu lỗi xảy ra. Thông báo lỗi thường gặp nhất được trình bày trong bảng.

Thông báo lỗi	Nguyên nhân	Hành động
Cannot Connect (Không thể kết nối) A device is already connected. (Thiết bị đã được kết nối.)	Hai thiết bị di động đã kết nối với mạng Wi-Fi Direct khi máy Brother là Chủ sở hữu nhóm (G/O).	Sau khi tắt kết nối hiện tại giữa máy Brother và thiết bị di động khác, hãy thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct. Bạn có thể xác nhận trạng thái kết nối bằng cách in Báo cáo cấu hình mạng.
Connection Error (Lỗi kết nối)	Các thiết bị khác cũng đang cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct.	Đảm bảo không có thiết bị khác nào cố kết nối với mạng Wi-Fi Direct, rồi thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct.
Connection Fail (Kết nối không thành công)	Máy Brother và thiết bị di động không thể kết nối trong khi cấu hình mạng Wi-Fi Direct.	<ul style="list-style-type: none"><li>Chuyển thiết bị di động gần hơn đến máy Brother.</li><li>Chuyển máy Brother và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở.</li><li>Nếu bạn đang sử dụng Phương pháp mã PIN của WPS, đảm bảo bạn đã nhập đúng mã PIN.</li></ul>
No Device (Không có thiết bị)	Khi cấu hình mạng Wi-Fi Direct, máy Brother không thể tìm thấy thiết bị di động.	<ul style="list-style-type: none"><li>Đảm bảo máy và thiết bị di động của bạn ở chế độ Wi-Fi Direct.</li><li>Chuyển thiết bị di động gần hơn đến máy Brother.</li><li>Chuyển máy Brother và thiết bị di động đến khu vực không có vật cản trở.</li><li>Nếu bạn đang cấu hình bằng tay mạng Wi-Fi Direct, đảm bảo bạn đã nhập đúng mật khẩu.</li><li>Nếu thiết bị di động của bạn có trang cấu hình để biết cách lấy địa chỉ IP, đảm bảo địa chỉ IP của thiết bị di động đã được cấu hình qua DHCP.</li></ul>



### Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)

## Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Brother ở đâu?

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn](#)



## Tôi không thể hoàn tất việc cấu hình cài đặt mạng không dây

**Model:** DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

Tắt bộ định tuyến không dây của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại thiết đặt không dây. Nếu bạn không thể giải quyết được vấn đề, hãy làm theo hướng dẫn sau:

Điều tra vấn đề bằng cách sử dụng Báo cáo WLAN.

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/Khóa mạng) không chính xác.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác nhận thiết đặt bảo mật bằng tiện ích Wireless Setup Helper. Để biết thêm thông tin và tải xuống tiện ích này, truy cập trang <b>Downloads</b> dành cho model của bạn ở Brother Solutions Center tại <a href="http://support.brother.com">support.brother.com</a>.</li> <li>Chọn và xác nhận rằng bạn đang sử dụng thiết đặt bảo mật chính xác.                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn để biết thông tin về cách tìm thiết đặt bảo mật.</li> <li>Tên nhà sản xuất hoặc số model của điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây có thể được sử dụng làm thiết đặt bảo mật mặc định.</li> <li>Tham khảo ý kiến của nhà sản xuất điểm truy cập/bộ định tuyến, nhà cung cấp Internet hoặc người quản trị mạng của bạn.</li> </ul> </li> </ul>	Không dây
Địa chỉ MAC của máy Brother không được cho phép.	Xác nhận rằng Địa chỉ MAC của máy Brother được cho phép trong bộ lọc. Bạn có thể tìm thấy Địa chỉ MAC trên bảng điều khiển của máy Brother.	Không dây
Điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn đang ở chế độ tàng hình (không quảng bá SSID).	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhập bằng tay tên SSID hoặc Khóa mạng chính xác.</li> <li>Kiểm tra tên SSID hoặc Khóa mạng trong hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn và cấu hình lại cài đặt mạng không dây.</li> </ul>	Không dây
Thiết đặt bảo mật của bạn (SSID/mật khẩu) không chính xác.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác nhận SSID và mật khẩu.                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Khi bạn đang cấu hình mạng bằng tay, SSID và mật khẩu được hiển thị trên máy Brother của bạn. Nếu thiết bị di động của bạn hỗ trợ cấu hình bằng tay, SSID và mật khẩu sẽ được hiển thị trên màn hình thiết bị di động của bạn.</li> </ul> </li> </ul>	Wi-Fi Direct
Bạn đang sử dụng Android™ 4.0.	Nếu thiết bị di động của bạn ngắt kết nối (khoảng sáu phút sau khi sử dụng Wi-Fi Direct), thử cấu hình một lần bấm bằng WPS (được khuyến nghị) và thiết đặt máy Brother làm Chủ sở hữu nhóm.	Wi-Fi Direct
Máy Brother của bạn được đặt quá xa so với thiết bị di động.	Di chuyển máy Brother đến gần thiết bị di động trong phạm vi khoảng 3.3 feet (1 mét) khi bạn cấu hình thiết đặt mạng Wi-Fi Direct.	Wi-Fi Direct
Có một số chướng ngại vật (ví dụ như tường hoặc đồ đạc) giữa máy của bạn và thiết bị di động.	Di chuyển máy Brother của bạn đến khu vực không có chướng ngại vật.	Wi-Fi Direct
Có một máy tính không dây, thiết bị hỗ trợ Bluetooth®, lò vi sóng hoặc điện thoại không dây kỹ thuật số ở gần máy Brother hoặc thiết bị di động.	Di chuyển các thiết bị khác ra xa khỏi máy Brother hoặc thiết bị di động.	Wi-Fi Direct
Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng vẫn không thể hoàn tất việc	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tắt máy Brother của bạn và bật lại. Sau đó, thử cấu hình lại thiết đặt Wi-Fi Direct.</li> </ul>	Wi-Fi Direct

---

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
cấu hình Wi-Fi Direct, hãy thực hiện như sau:	<ul style="list-style-type: none"><li>Nếu bạn đang sử dụng máy Brother của mình làm máy khách, xác nhận có bao nhiêu thiết bị được cho phép trong mạng Wi-Fi Direct hiện tại, rồi kiểm tra xem bao nhiêu thiết bị được kết nối.</li></ul>	

### Đối với Windows

Nếu kết nối không dây của bạn đã bị ngắt và bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên, chúng tôi khuyến nghị sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng.



### Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)
-



## Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng (Windows)

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng để sửa chữa thiết đặt mạng trong máy Brother của bạn. Công cụ này sẽ cấp địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con đúng.

- Windows 7/Windows 8/Windows 10  
Bạn phải đăng nhập bằng quyền của Người quản trị.
- Đảm bảo máy Brother đang bật và kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn.

1. Thực hiện một trong các thao tác sau:

Tùy chọn	Mô tả
Windows 7	Nhấp vào  ( <b>Bắt đầu</b> ) > <b>Tất cả các chương trình</b> > <b>Brother</b> > <b>Brother Utilities</b> . Nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Nhấp vào <b>Công cụ</b> trong thanh điều hướng bên trái, rồi nhấp vào <b>Công cụ Sửa chữa Kết nối Mạng</b> .
Windows 8/ Windows 10	Khởi chạy  ( <b>Brother Utilities</b> ), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn). Nhấp vào <b>Công cụ</b> trong thanh điều hướng bên trái, rồi nhấp vào <b>Công cụ Sửa chữa Kết nối Mạng</b> .



- Nếu màn hình **Điều khiển Trương mục Người dùng** xuất hiện, hãy nhấp chuột vào **Có**.

2. Làm theo hướng dẫn trên màn hình.

3. Kiểm tra chẩn đoán bằng cách in Báo cáo cấu hình mạng hoặc Trang thiết đặt máy in.



Công cụ sửa chữa kết nối mạng sẽ tự động bắt đầu nếu bạn chọn tùy chọn **Kích hoạt Công cụ Sửa chữa Kết nối** trong Status Monitor. Bấm chuột phải vào màn hình Status Monitor, rồi bấm **Thiết lập Khác** > **Kích hoạt Công cụ Sửa chữa Kết nối**. Chúng tôi không khuyến nghị điều này khi người quản trị mạng của bạn đã thiết đặt địa chỉ IP thành Tĩnh, vì điều này sẽ tự động thay đổi địa chỉ IP.

Nếu địa chỉ IP chính xác và Mặt nạ mạng con vẫn chưa được gán ngay cả khi bạn đã dùng Công cụ sửa chữa kết nối mạng, hãy hỏi quản trị viên mạng của bạn để biết thông tin này.



### Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)



#### Chủ đề liên quan:

- [Máy Brother của tôi không thể in, quét hoặc nhận PC-FAX qua mạng](#)
- [Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.](#)

## Máy Brother của tôi không thể in, quét hoặc nhận PC-FAX qua mạng

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng. (Tính năng quét qua mạng không hoạt động.)	<ul style="list-style-type: none"> <li>Windows Cấu hình Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba để cho phép Quét qua mạng. Để thêm cổng 54925 cho Quét qua mạng, nhập thông tin sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>Trong trường <b>Tên</b>: Nhập bất kỳ mô tả nào, ví dụ Brother NetScan.</li> <li>Trong trường <b>Số cổng</b>: Nhập 54925</li> <li>Trong trường <b>Giao thức</b>: UDP được chọn.</li> </ul>                             Xem hướng dẫn sử dụng kèm theo Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba hoặc liên hệ nhà sản xuất phần mềm.                         </li> <li>Mac (Brother iPrint&amp;Scan) Trong <b>Finder (Trình tìm kiếm)</b> thanh menu, nhấp vào <b>Go (VÀO) &gt; Applications (Ứng dụng)</b>, rồi nhấp đúp vào biểu tượng Brother iPrint&amp;Scan. Cửa sổ Brother iPrint&amp;Scan sẽ xuất hiện. Nhấp vào nút <b>Select your Machine (Chọn Máy in của bạn)</b>, và sau đó làm theo hướng dẫn trên màn hình để chọn lại máy kết nối mạng của bạn. (trình điều khiển TWAIN) Trong <b>Finder (Trình tìm kiếm)</b> thanh menu, nhấp vào <b>Go (VÀO) &gt; Applications (Ứng dụng) &gt; Brother</b>, rồi nhấp đúp vào biểu tượng Trình chọn Thiết bị. Cửa sổ Trình chọn Thiết bị sẽ xuất hiện. Chọn lại máy trong mạng của bạn, đảm bảo <b>Status (Trạng thái)</b> là <b>idle (chạy không)</b>, rồi bấm <b>OK (OK)</b>.</li> </ul>	Có dây/Không dây
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng. (Tính năng nhận PC-Fax qua mạng không hoạt động.) (Windows)	Đặt Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba để cho phép PC-FAX Rx. Để thêm cổng 54926 cho PC-FAX Rx qua mạng, nhập thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>Trong trường <b>Tên</b>: Nhập bất kỳ mô tả nào, ví dụ Brother PC-FAX Rx.</li> <li>Trong trường <b>Số cổng</b>: Nhập 54926</li> <li>Trong trường <b>Giao thức</b>: UDP được chọn.</li> </ul> Xem hướng dẫn sử dụng kèm theo Phần mềm bảo mật/tường lửa bên thứ ba hoặc liên hệ nhà sản xuất phần mềm.	Có dây/Không dây
Phần mềm bảo mật của bạn chặn máy của bạn truy cập vào mạng.	Một số phần mềm bảo mật có thể chặn truy cập mà không hiển thị hộp thoại thông báo bảo mật ngay cả sau khi đã cài đặt thành công. Để cho phép truy cập, xem hướng dẫn dành cho phần mềm bảo mật của bạn hoặc hỏi nhà sản xuất phần mềm.	Có dây/Không dây
Máy Brother của bạn không được gán địa chỉ IP có sẵn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xác nhận địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con. Xác nhận rằng cả địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con của máy tính và máy Brother của bạn là chính xác và nằm trên cùng một mạng. Để biết thêm thông tin về cách xác nhận địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con, hỏi người quản trị mạng của bạn.</li> <li>Windows</li> </ul>	Có dây/Không dây

Nguyên nhân	Hành động	Giao diện
	Xác nhận địa chỉ IP và Mặt nạ mạng con bằng cách sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng.	
Công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính của bạn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu công việc in thất bại vẫn còn nằm trong hàng đợi in của máy tính của bạn, xóa công việc đó.</li> <li>Nếu không, bấm đúp vào biểu tượng máy in trong thư mục sau và hủy bỏ tất cả các tài liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>Windows 7 Bấm  (Bắt đầu) &gt; Thiết bị và Máy in &gt; Máy in và Fax.</li> <li>Windows 8 Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, nhấp vào <b>Thiết đặt &gt; Pa-nen Điều khiển</b>. Trong nhóm <b>Phần cứng và Âm thanh</b>, nhấp vào <b>Xem thiết bị và máy in &gt; Máy in</b>.</li> <li>Windows 10 và Windows Server 2016 Nhấp vào  &gt; <b>Hệ thống Windows &gt; Pa-nen Điều khiển</b>. Trong nhóm <b>Phần cứng và Âm thanh</b>, nhấp vào <b>Xem thiết bị và máy in &gt; Máy in</b>.</li> <li>Windows Server 2008 Bấm <b>Bắt đầu &gt; Pa-nen Điều khiển &gt; Máy in</b>.</li> <li>Windows Server 2012 Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, nhấp vào <b>Thiết đặt &gt; Pa-nen Điều khiển</b>. Trong nhóm <b>Phần cứng</b>, nhấp vào <b>Xem thiết bị và máy in &gt; Máy in</b>.</li> <li>Windows Server 2012 R2 Bấm <b>Control Panel (Bảng điều khiển)</b> trên màn hình <b>Start</b>. Trong nhóm <b>Hardware</b>, bấm <b>Xem thiết bị và máy in</b>.</li> <li>macOS v10.10.5, v10.11.x, v10.12.x Nhấp vào <b>System Preferences (Tùy chọn hệ thống) &gt; Printers &amp; Scanners (Máy in &amp; máy quét)</b>.</li> </ul> </li> </ul>	Có dây/Không dây
Máy Brother của bạn không được kết nối với mạng không dây.	In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in.	Không dây

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng máy Brother của bạn vẫn không thể in và quét, hãy gỡ cài đặt phần mềm và các trình điều khiển của Brother rồi cài đặt lại chúng.

### Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng \(Windows\)](#)
- [Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.](#)

Trang chủ > Xử lý sự cố > Vấn đề về mạng > Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

## Tôi muốn kiểm tra xem thiết bị mạng của mình có đang hoạt động chính xác không.

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

Kiểm tra	Hành động	Giao diện
Kiểm tra xem máy Brother, điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng mạng của bạn có được bật không.	<b>Kiểm tra như sau:</b> <ul style="list-style-type: none"><li>Dây nguồn được kết nối đúng và máy Brother được bật.</li><li>Điểm truy cập/bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng được bật và nút liên kết đang nhấp nháy.</li><li>Đã tháo hết bao bì bảo vệ khỏi máy.</li><li>Hộp mực và bộ trống mực được lắp đặt chính xác.</li><li>Nắp phía trước và nắp lưng được đóng hoàn toàn.</li><li>Giấy được nạp vào khay giấy đúng cách.</li><li>(Đối với mạng có dây) Cáp mạng được kết nối chắc chắn với máy Brother và với bộ định tuyến hoặc bộ chia cổng.</li></ul>	Có dây/Không dây
Kiểm tra <b>Link Status</b> trong Báo cáo cấu hình mạng.	In Báo cáo cấu hình mạng và kiểm tra xem <b>Ethernet Link Status</b> hoặc <b>Wireless Link Status</b> có là <b>Link OK</b> không.	Có dây/Không dây
Kiểm tra xem bạn có thể "kiểm tra kết nối" máy Brother từ máy tính của mình hay không.	Kiểm tra kết nối máy Brother từ máy tính của bạn bằng cách sử dụng địa chỉ IP hoặc tên nút trong cửa sổ nhắc lệnh Windows hoặc ứng dụng Mac Terminal: kiểm tra kết nối <ipaddress> hoặc <nodename>. <ul style="list-style-type: none"><li>Thành công: Máy Brother của bạn đang hoạt động chính xác và được kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn.</li><li>Không thành công: Máy Brother của bạn không được kết nối vào cùng mạng với máy tính của bạn.</li></ul> (Windows) Hỏi người quản trị mạng và sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng để sửa chữa địa chỉ IP và mật mã mạng con. (Macintosh) Xác nhận rằng địa chỉ IP và Mật mã mạng con được thiết đặt chính xác.	Có dây/Không dây
Kiểm tra xem máy Brother của bạn có được kết nối với mạng không dây không.	In Báo cáo WLAN để kiểm tra mã lỗi trên báo cáo đã in.	Không dây

Nếu bạn đã kiểm tra và thử tất cả các cách trên nhưng bạn vẫn đang gặp vấn đề, xem hướng dẫn đi kèm với điểm truy cập/bộ định tuyến LAN không dây của bạn để tìm thông tin về SSID và Khóa mạng, rồi thiết đặt chính xác các mục này.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Vấn đề về mạng](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Sử dụng Công cụ sửa chữa kết nối mạng \(Windows\)](#)
- [Máy Brother của tôi không thể in, quét hoặc nhận PC-FAX qua mạng](#)

## Những vấn đề khi in bằng Công nghệ Đám mây của Google

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

Khó khăn	Gợi ý
Máy Brother của tôi không được hiển thị trong danh sách máy in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật.
	Kiểm tra xem Google Cloud Print™ đã được bật hay chưa.
	Kiểm tra xem máy của bạn đã được đăng ký với Google Cloud Print™ hay chưa. Nếu máy chưa được đăng ký, hãy thử đăng ký lại.
Tôi không thể in.	Hãy đảm bảo máy đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng của bạn. >>> <a href="#">Thông tin liên quan</a>
	Một số tệp tin nhất định có thể không in được hoặc có thể không xuất hiện chính xác khi được hiển thị.
Tôi không thể đăng ký máy của tôi với Google Cloud Print™.	Đảm bảo máy của bạn đã được kết nối với mạng có thể truy cập Internet.
	Kiểm tra xem ngày và thời gian có được đặt đúng trên máy của bạn hay không.
Tôi không thấy thông báo xác nhận trên máy Brother khi tôi thử đăng ký với Google Cloud Print™, ngay cả sau khi lặp lại các bước đăng ký.	Đảm bảo máy Brother của bạn không hoạt động trong quá trình thực hiện đăng ký với Google Cloud Print™.



### Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

## Các vấn đề về AirPrint





Khó khăn	Gợi ý
Máy Brother của tôi không được hiển thị trong danh sách máy in.	Hãy đảm bảo máy Brother của bạn đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng. >> <a href="#">Thông tin liên quan</a>
	Di chuyển thiết bị di động lại gần điểm truy cập không dây/bộ định tuyến hoặc máy của Brother của bạn.
Tôi không thể in.	Hãy đảm bảo máy Brother của bạn đã được bật.
	Kiểm tra các thiết đặt mạng. >> <a href="#">Thông tin liên quan</a>
Tôi đang cố gắng in một tài liệu nhiều trang từ một thiết bị iOS, nhưng lại CHỈ in được trang đầu tiên.	Đảm bảo bạn đang chạy phiên bản hệ điều hành mới nhất. Tham khảo bài viết hỗ trợ của Apple sau đây để biết thêm thông tin về AirPrint: <a href="https://support.apple.com/kb/HT4356">support.apple.com/kb/HT4356</a> .

### ✓ Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)



## Các vấn đề khác

Khó khăn	Gợi ý
Máy sẽ không bật.	<p>Các điều kiện bất lợi về kết nối điện (như sét hoặc điện áp tăng vọt) có thể đã kích hoạt cơ chế an toàn bên trong của máy. Rút phích cắm dây nguồn. Chờ mười phút, rồi rút phích cắm dây nguồn và bấm  để bật máy.</p> <p>Nếu vấn đề vẫn không được giải quyết và bạn đang sử dụng bộ ngắt điện, ngắt kết nối thiết bị này để đảm bảo rằng đây không phải là nguyên nhân gây ra vấn đề. Cắm dây nguồn của máy trực tiếp vào ổ cắm điện khác trên tường mà bạn đã biết là có hoạt động. Nếu vẫn không có điện, thử cấp điện khác.</p>
Máy không thể in dữ liệu EPS có bao gồm nhị phân bằng trình điều khiển máy in BR-Script3.	<p><b>(Windows)</b></p> <p>Để in dữ liệu EPS, thực hiện như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đối với Windows 7 và Windows Server 2008 R2: <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp vào  <b>Bắt đầu nút &gt; Thiết bị và Máy in.</b></li> <li>Đối với Windows Server 2008: <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp vào  <b>(Start) ((Bắt đầu)) nút &gt; Control Panel (Bảng điều khiển) &gt; Hardware and Sound (Phần cứng và âm thanh) &gt; Printers (Máy in).</b></li> <li>Đối với Windows 8 và Windows Server 2012: <ul style="list-style-type: none"> <li>Di chuyển chuột đến góc dưới bên phải của màn hình desktop. Khi thanh menu xuất hiện, bấm <b>Thiết đặt &gt; Pa-nen Điều khiển.</b> Trong <b>Phần cứng và Âm thanh</b><sup>1</sup> nhóm, bấm <b>Xem thiết bị và máy in.</b></li> <li>Đối với Windows 10 và Windows Server 2016: <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhấp vào  &gt; <b>Hệ thống Windows &gt; Pa-nen Điều khiển.</b> Trong nhóm <b>Phần cứng và Âm thanh</b>, nhấp vào <b>Xem thiết bị và máy in.</b></li> <li>Đối với Windows Server 2012 R2: <ul style="list-style-type: none"> <li>Bấm <b>Control Panel (Bảng điều khiển)</b> trên màn hình <b>Start.</b> Trong nhóm <b>Hardware</b>, bấm <b>Xem thiết bị và máy in.</b></li> </ul> </li> </ul> </li> </ul> </li> <li>Nhấp chuột phải vào biểu tượng <b>Brother XXX-XXXX BR-Script3</b>, chọn <b>Thuộc tính Máy in.</b></li> <li>Từ tab <b>Thiết đặt thiết bị</b> chọn TBCP (Giao thức truyền thông nhị phân có thể) trong <b>Giao thức Đầu ra.</b></li> </ul></li></ul></li></ol>
Không thể cài đặt phần mềm Brother.	<p><b>(Windows)</b></p> <p>Nếu có cảnh báo Phần mềm bảo mật xuất hiện trên màn hình máy tính trong khi cài đặt, thay đổi thiết đặt Phần mềm bảo mật để cho phép chương trình cài đặt sản phẩm của Brother hoặc chương trình khác chạy.</p> <p><b>(Macintosh)</b></p> <p>Nếu bạn đang sử dụng chức năng tường lửa của phần mềm chống vi-rút hoặc chống phần mềm gián điệp, tạm thời vô hiệu chức năng này, rồi cài đặt phần mềm Brother của bạn.</p>

<sup>1</sup> Đối với Windows Server 2012: **Phần cứng và Âm thanh**

Khó khăn	Gợi ý
Không thể sao chép.	Đảm bảo rằng bạn đã bấm Sao chép và máy ở chế độ Sao chép.
Bản sao có sọc dọc màu đen.	Sọc dọc màu đen có trên bản sao thường là do bụi hoặc chất lỏng điều chỉnh trên dải kính hoặc dây corona bị bẩn. Vệ sinh dải kính, kính máy quét, thanh trống và nhựa trống phía trên.
Bản sao trống trơn.	Đảm bảo rằng bạn nạp tài liệu đúng cách.

### Khó khăn trong khi quét

Khó khăn	Gợi ý
Lỗi TWAIN hoặc WIA xuất hiện khi bắt đầu quét. (Windows)	Đảm bảo rằng trình điều khiển Brother TWAIN hoặc WIA được chọn làm nguồn chính trong ứng dụng quét của bạn. Ví dụ: trong Nuance™ PaperPort™ 14SE, nhấp vào <b>Desktop (Màn hình desktop) &gt; Scan Settings (Thiết đặt quét) &gt; Select (Chọn)</b> để chọn trình điều khiển Brother TWAIN/WIA.
Lỗi TWAIN hoặc ICA xuất hiện khi bắt đầu quét. (Macintosh)	Đảm bảo rằng trình điều khiển Brother TWAIN được chọn làm nguồn chính. Bạn cũng có thể quét tài liệu bằng Trình điều khiển máy quét ICA.
OCR không hoạt động.	Thử tăng độ phân giải quét.

### Khó khăn về phần mềm

Khó khăn	Gợi ý
Không thể cài đặt phần mềm hoặc in.	(Windows) Chạy lại chương trình cài đặt. Chương trình này sẽ sửa chữa và cài đặt lại phần mềm.



### Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)

## Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn

Model: MFC-B7715DW

Nếu màn hình LCD hiển thị:

- [Print Unable (Không thể in)] ##
- [Scan Unable (Không thể quét)] ##

Chúng tôi khuyến nghị nên truyền fax của bạn đến máy fax khác hoặc đến máy tính của bạn.

Bạn cũng có thể chuyển báo cáo Nhật ký fax để xem có fax nào bạn phải chuyển đi không.



Nếu có thông báo lỗi trên màn hình LCD sau khi bạn truyền gửi fax, hãy ngắt kết nối máy Brother khỏi nguồn điện trong vài phút, và sau đó kết nối lại.



### Thông tin liên quan

- [Xử lý sự cố](#)
  - [Truyền Fax đến máy Fax khác](#)
  - [Truyền fax đến máy tính của bạn](#)
  - [Truyền báo cáo nhật ký fax đến máy fax khác](#)

## Truyền Fax đến máy Fax khác

Model: MFC-B7715DW

Nếu bạn chưa cài đặt ID Trạm của mình, bạn không thể vào chế độ Truyền Fax.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Service (Dịch vụ)] rồi bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn [Data Transfer (Truyền dữ liệu)].
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Fax Transfer (Truyền fax)] rồi bấm **OK**.
5. Thực hiện một trong các thao tác sau:
  - Nếu màn hình LCD hiển thị [No Data (Không có dữ liệu)], không còn fax nào trong bộ nhớ của máy. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.
  - Nhập số fax để chuyển tiếp fax đến. Bấm **Start (Bắt đầu)**.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn](#)


## Truyền fax đến máy tính của bạn

Model: MFC-B7715DW

1. Đảm bảo bạn đã cài đặt phần mềm và các trình điều khiển trên máy tính của bạn, rồi bật **PC-FAX Receive** trên máy tính.


Thực hiện một trong các thao tác sau:

- (Windows 7)

Từ menu  (**Start (Bắt đầu)**), chọn **All Programs (Tất cả chương trình)** > **Brother** > **Brother Utilities**.

Nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Nhấp vào **PC-FAX** trong thanh điều hướng bên trái, rồi nhấp vào **Nhận**.

- (Windows 8 và Windows 10)

Nhấp vào  (**Brother Utilities**), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn). Nhấp vào **PC-FAX** trong thanh điều hướng bên trái, rồi nhấp vào **Nhận**.

2. Đảm bảo bạn đã thiết đặt [PC Fax Receive (Nhận fax máy tính)] trên máy.

Nếu fax có trong bộ nhớ của máy khi bạn cài đặt Nhận PC-FAX, màn hình LCD hiển thị [Send Fax to PC? (Gửi fax vào máy tính?)].

3. Bấm tùy chọn trong bảng sau để truyền fax đến máy tính của bạn.

Tùy chọn	Mô tả
▲	Chọn Bật hoặc Tắt cho thiết đặt In sao lưu. Máy truyền tất cả các fax đến máy tính của bạn.
▼	Chọn Bật hoặc Tắt cho thiết đặt In sao lưu. Bật thiết đặt PC-Fax.

4. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### Thông tin liên quan

- [Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn](#)

## Truyền báo cáo nhật ký fax đến máy fax khác

Model: MFC-B7715DW

Nếu bạn chưa cài đặt ID trạm của mình, bạn không thể vào chế độ truyền fax.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Service (Dịch vụ)] rồi bấm **OK**.
3. Bấm **OK** để chọn [Data Transfer (Truyền dữ liệu)].
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Report Trans. (Truyền báo cáo)] rồi bấm **OK**.
5. Nhập số fax đích cho Nhật ký fax.
6. Bấm **Start (Bắt đầu)**.



### Thông tin liên quan

- [Truyền fax và báo cáo nhật ký fax của bạn](#)

## Thông tin về máy

- [Kiểm tra số sê-ri](#)
- [Kiểm tra phiên bản firmware](#)
- [Tổng quan về Chức năng Đặt lại](#)
- [Đặt lại máy Brother của bạn](#)

## Kiểm tra số sê-ri

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Serial No. (Số sê-ri)], rồi bấm **OK**.  
Máy hiển thị số sê-ri trên màn hình LCD.
4. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [Thông tin về máy](#)



## Kiểm tra phiên bản firmware

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Version (Phiên bản)], rồi bấm **OK**.  
Máy hiển thị phiên bản firmware trên màn hình LCD.
4. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [Thông tin về máy](#)

## Tổng quan về Chức năng Đặt lại

Các loại chức năng đặt lại sau có thể sử dụng:



Rút cáp giao diện trước khi bạn chọn chức năng Đặt lại thiết đặt mạng, chức năng Đặt lại tất cả thiết đặt hoặc chức năng Đặt lại theo nhà máy.



Chức năng đặt lại được chia nhỏ không có sẵn ở một số model.

### 1. Đặt lại máy

Chức năng này đặt lại các thiết đặt sau:

- Công việc fax đã lập trình trong bộ nhớ (Đối với model MFC)  
(Fax gửi trễ, TX theo đợt)
- Thông báo trang bìa (Đối với model MFC)
- Tùy chọn fax từ xa (Đối với model MFC)  
(Mã truy cập từ xa, Lưu trữ fax, Chuyển tiếp fax, Gửi PC-Fax và Nhận PC-Fax (chỉ với Windows))
- Khóa thiết đặt (Đối với các Model MFC)
- Thiết đặt ngôn ngữ

### 2. Đặt lại thiết đặt mạng (Đối với các model có kết nối mạng)

Đặt lại máy chủ in về thiết đặt mặc định theo nhà máy (bao gồm thông tin Mật khẩu và Địa chỉ IP).

### 3. Đặt lại danh bạ và thiết đặt fax (Đối với model MFC)

Chức năng này đặt lại các thiết đặt sau:

- Danh bạ  
(Quay số một lần chạm / Quay số nhanh / Cài đặt nhóm)
- Công việc fax đã lập trình trong bộ nhớ
- ID trạm  
(tên và số)
- Thông báo trang bìa
- Tùy chọn fax từ xa  
(Mã Truy cập Từ xa, Lưu trữ Fax, Chuyển tiếp Fax, và Nhận PC-Fax (Chỉ dành cho Windows))
- Báo cáo  
(Báo cáo xác nhận truyền/ Danh sách chỉ mục điện thoại/ Nhật ký fax)
- Mật khẩu khóa thiết đặt

### 4. Đặt lại tất cả các thiết đặt

Bạn có thể đặt lại tất cả các thiết đặt của máy về thiết đặt theo nhà máy.

Chức năng Đặt lại tất cả các thiết đặt xử lý nhanh hơn Đặt lại theo nhà máy.

### 5. Đặt lại theo nhà máy (Đối với model MFC)

Sử dụng chức năng Đặt lại Thiết đặt để đặt lại tất cả thiết đặt của máy thành các thiết đặt ban đầu tại nhà máy.

Chức năng Đặt lại theo nhà máy xử lý lâu hơn Đặt lại tất cả các thiết đặt.

Brother thực sự khuyến nghị bạn nên thực hiện thao tác này khi bạn vứt bỏ máy của mình.



Rút phích cắm cáp giao diện trước khi bạn chọn chức năng Đặt lại thiết đặt mạng, chức năng Đặt lại tất cả các thiết đặt hoặc chức năng Đặt về thiết đặt mặc định.



## Thông tin liên quan

- Thông tin về máy

## Đặt lại máy Brother của bạn

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Reset (Đặt lại)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn loại đặt lại mà bạn muốn thực hiện, rồi bấm **OK**.



Chức năng đặt lại được chia nhỏ không có sẵn ở một số model.

5. Bấm tùy chọn trong bảng để đặt lại máy hoặc thoát quy trình.

Tùy chọn	Mô tả
▲	Đặt lại máy.
▼	Máy sẽ thoát và hủy menu đặt lại.

Màn hình LCD hiển thị [Reboot OK? (Khởi động lại OK?)].

6. Bấm tùy chọn trong bảng để khởi động lại máy hoặc thoát quy trình này.

Tùy chọn	Mô tả
▲	Khởi động lại máy. Máy sẽ bắt đầu quá trình đặt lại.
▼	Máy sẽ thoát mà không khởi động lại.



Nếu bạn không khởi động lại máy, quá trình đặt lại sẽ không hoàn tất và thiết đặt của bạn sẽ vẫn như cũ.



### Thông tin liên quan

- [Thông tin về máy](#)

## Bảo trì thường lệ

- Thay thế vật tư.
- Vệ sinh máy
- Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận
- Đóng gói và vận chuyển máy Brother của bạn

## Thay thế vật tư.

Bạn phải thay thế vật tư khi máy chỉ báo rằng tuổi thọ vật tư đã hết.

Sử dụng vật tư không phải của Brother có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng in, hiệu năng phần cứng và độ bền của máy. Hộp mực và bộ trống mực là hai vật tư riêng biệt. Đảm bảo rằng cả hai được lắp đặt thành một cụm. Tên vật tư của dòng máy có thể khác nhau tùy thuộc vào từng quốc gia.

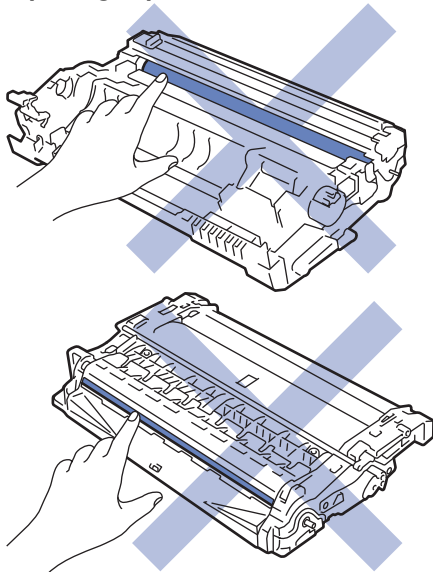
### LƯU Ý

- Tùy quốc gia, hộp mực có thể có sẵn hoặc không. Truy cập Trung tâm Giải pháp Brother tại [support.brother.com](http://support.brother.com) hoặc liên hệ văn phòng Brother ở địa phương bạn để biết thêm chi tiết.
- Đảm bảo niêm kín túi đựng vật tư đã sử dụng để bột mực in không tràn khỏi hộp mực.
- Thải bỏ vật phẩm tiêu hao đã sử dụng theo quy định của địa phương, tách riêng vật phẩm tiêu hao với rác thải sinh hoạt. Nếu bạn có thắc mắc, vui lòng gọi đến văn phòng phụ trách thải rác ở địa phương bạn. Đảm bảo niêm kín lại mực tiêu hao để vật liệu bên trong không tràn ra.
- Chúng tôi khuyên nên đặt các vật tư đã sử dụng và vật tư mới trên một mảnh giấy để tránh vô ý làm vật liệu bên trong tràn ra hoặc vương vãi.
- Nếu bạn sử dụng giấy không hoàn toàn tương đương với phương tiện in được khuyến dùng, tuổi thọ của vật tư và bộ phận máy có thể giảm.
- Tuổi thọ dự kiến của mỗi hộp mực được dựa theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Tần suất thay thế sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, tỉ lệ phần trăm che phủ, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Tần suất thay thế vật tư không phải hộp mực sẽ thay đổi tùy theo khối lượng in, loại phương tiện được sử dụng và việc bật/tắt máy.
- Thao tác cẩn thận với hộp mực. Nếu mực vương vãi vào tay hoặc quần áo của bạn, ngay lập tức lau hoặc rửa vết mực bằng nước lạnh.

### QUAN TRỌNG

- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

#### Bộ trống mực



#### Thông tin liên quan

- Bảo trì thường lệ
  - Thay Hộp mực
  - Thay Bộ trống mực

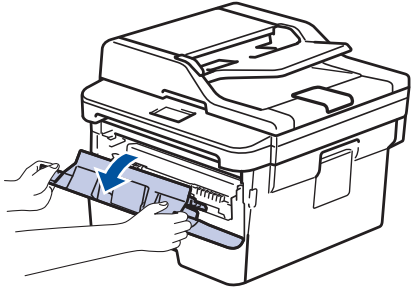
---

**Chủ đề liên quan:**

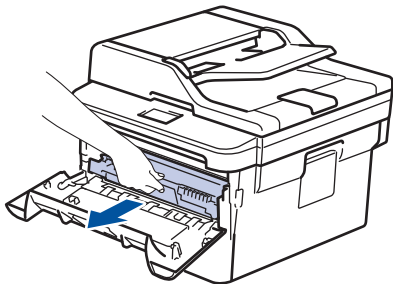
- Thông báo lỗi và bảo trì
  - Vật tư
-

## Thay Hộp mực

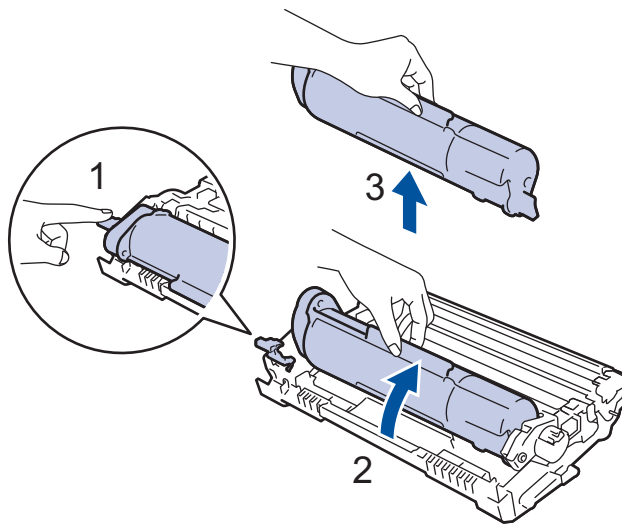
1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.



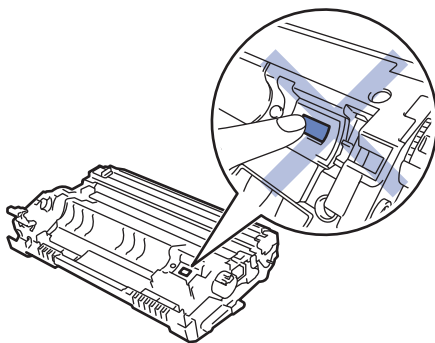
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống, rồi lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực như hình minh họa.

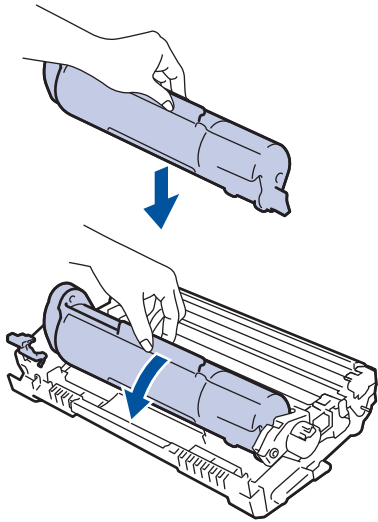


Để tránh vương mực in trên tay hoặc quần áo của bạn, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.



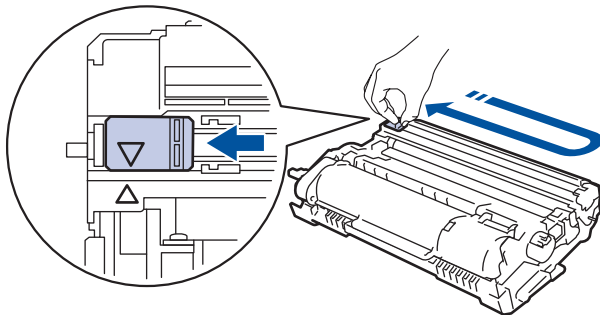
5. Mở bao bì hộp mực mới.
6. Đẩy mạnh hộp mực mới vào bộ trống mực cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.





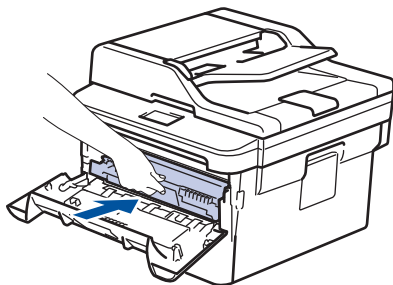
Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

7. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

8. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



9. Đóng nắp phía trước của máy.



- Sau khi thay hộp mực, KHÔNG ĐƯỢC tắt máy hoặc mở nắp phía trước cho đến khi màn hình của máy trở về Chế độ Sẵn sàng.
- Hộp mực đi kèm với máy Brother của bạn là hộp mực Inbox.
- Bạn nên chuẩn bị sẵn hộp mực mới để sẵn sàng sử dụng khi bạn thấy cảnh báo Mực in sắp hết.
- Để đảm bảo chất lượng in cao, chúng tôi khuyến nghị chỉ nên sử dụng hộp mực Brother Original. Nếu bạn muốn mua hộp mực khác, liên hệ Đại lý Bán hàng của Brother.
- KHÔNG mở bao bì hộp mực mới cho đến khi bạn sẵn sàng lắp hộp mực mới.
- Nếu để mở bao bì hộp mực trong thời gian dài, tuổi thọ mực in sẽ bị rút ngắn.
- Brother khuyến nghị bạn KHÔNG nên đổ đầy lại hộp mực đi kèm với máy của bạn. Chúng tôi cũng khuyến nghị bạn chỉ nên sử dụng hộp mực thay thế Brother Original. Việc sử dụng hoặc cố sử dụng mực in và/hoặc hộp mực của bên thứ ba trong máy Brother có thể gây hỏng máy và/hoặc có thể dẫn đến chất lượng in không đạt yêu cầu. Chế độ bảo hành có hạn của chúng tôi không áp dụng cho bất kỳ vấn đề nào gây ra bởi việc sử dụng mực in và/hoặc hộp mực của bên thứ ba. Để bảo vệ máy của bạn và thu được hiệu suất cao từ máy Brother, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng Vật tư Brother Original.



### Thông tin liên quan

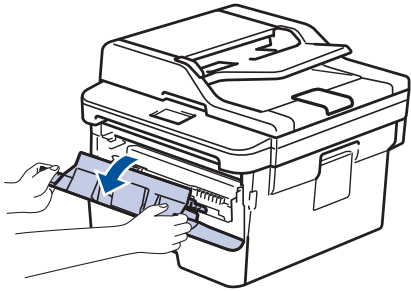
- [Thay thế vật tư.](#)

#### **Chủ đề liên quan:**

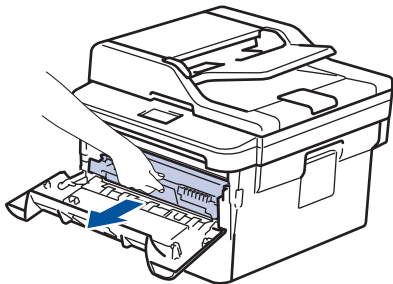
- [Cải thiện chất lượng in](#)

## Thay Bộ trống mực

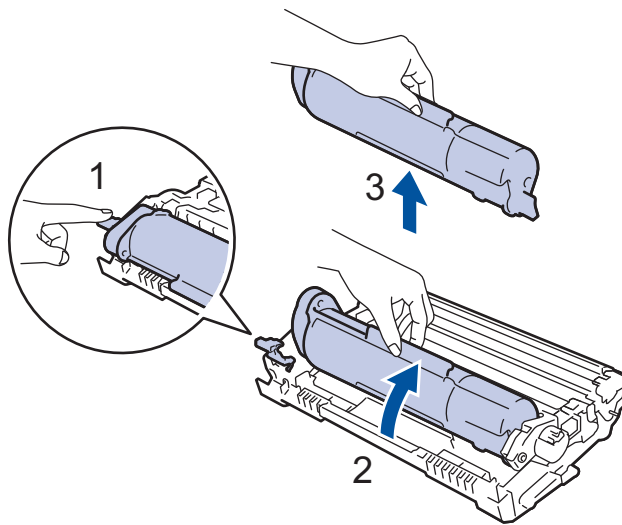
1. Đảm bảo máy được bật.
2. Mở nắp phía trước.



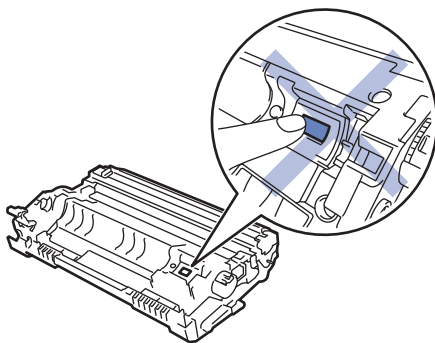
3. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



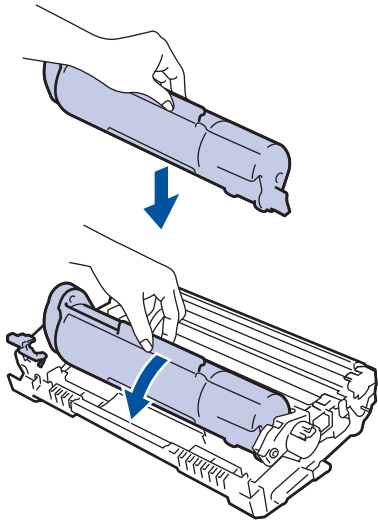
4. Đẩy cần khóa màu xanh lá cây xuống, rồi lấy hộp mực ra khỏi bộ trống mực như hình minh họa.



Để tránh vướng mực in trên tay hoặc quần áo của bạn, **KHÔNG** chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.

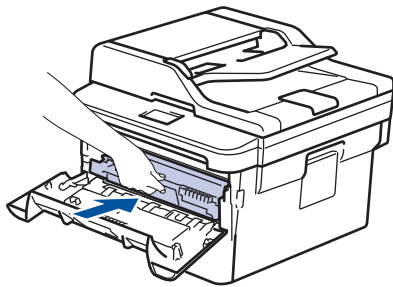


5. Mở bao bì bộ trống mới.
6. Đẩy mạnh hộp mực vào bộ trống mực mới cho đến khi bạn nghe thấy hộp mực đã khóa vào vị trí.



Đảm bảo bạn đã lắp hộp mực vào đúng cách, nếu không hộp mực có thể tách rời khỏi bộ trống mực.

7. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



8. Đóng nắp phía trước của máy.

## LƯU Ý

- Hao mòn trống mực xảy ra do việc sử dụng, quay trống mực và tương tác với giấy, mực in và các vật liệu khác trong đường dẫn giấy. Khi thiết kế sản phẩm này, Brother đã quyết định sử dụng số lần quay trống mực làm yếu tố hợp lý để xác định tuổi thọ trống mực. Khi trống mực đạt đến giới hạn quay do nhà máy thiết lập tương ứng với sản lượng trang định mức, màn hình LCD của sản phẩm sẽ khuyên bạn nên thay trống mực. Sản phẩm sẽ tiếp tục hoạt động; tuy nhiên, chất lượng in có thể không được tối ưu.
- Nếu ánh sáng mặt trời trực tiếp rọi vào bộ trống mực không được đóng gói (hoặc ánh sáng phòng trong thời gian dài), bộ trống mực có thể bị hỏng.
- Có nhiều yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, như nhiệt độ, độ ẩm, loại giấy, loại mực in được sử dụng, v.v... Trong điều kiện lý tưởng, tuổi thọ trung bình của trống mực được ước tính khoảng 12.000 trang (dựa trên 1 trang mỗi tác vụ [trang đơn A4/Letter]. Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại giấy và kích thước giấy.  
Vì chúng tôi không kiểm soát được các yếu tố xác định tuổi thọ trống mực thực tế, chúng tôi không thể đảm bảo số lượng trang tối thiểu mà trống mực của bạn sẽ in được.
- Để có hiệu suất tốt nhất, chỉ sử dụng mực in Brother Original.
- Chỉ nên sử dụng máy trong môi trường sạch sẽ, không có bụi, có đủ độ thông thoáng.
- In bằng bộ trống mực không phải của Brother có thể không chỉ làm giảm chất lượng in mà còn cả chính chất lượng và tuổi thọ của máy. Phạm vi bảo hành không áp dụng cho các vấn đề xảy ra do sử dụng bộ trống mực không phải của Brother.



### Thông tin liên quan

- Thay thế vật tư.

#### Chủ đề liên quan:

- Thông báo lỗi và bảo trì

- 
- Cải thiện chất lượng in
-

## Vệ sinh máy

Thường xuyên vệ sinh bên ngoài và bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

Khi bạn thay hộp mực hoặc bộ trống mực, hãy nhớ vệ sinh bên trong máy. Nếu các trang in bị rây mực in, hãy vệ sinh bên trong máy bằng khăn khô, không có xơ.

### ⚠ CẢNH BÁO

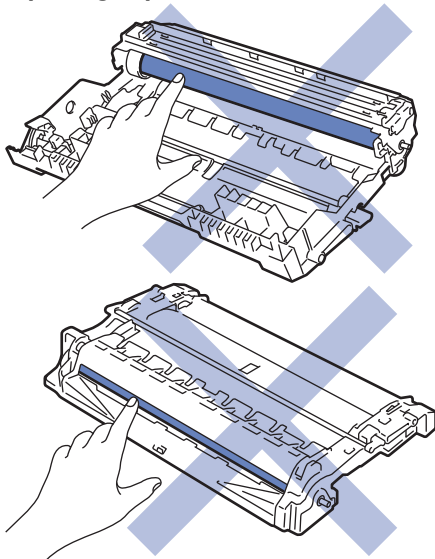
- KHÔNG sử dụng các chất dễ cháy, bất kỳ loại chất xịt nào, hoặc dung môi/chất lỏng hữu cơ có chứa cồn hoặc amoniac để vệ sinh bên trong hoặc bên ngoài sản phẩm. Làm như vậy có thể gây ra hỏa hoạn. Thay vào đó, chỉ sử dụng khăn khô, không có xơ.



### QUAN TRỌNG

- KHÔNG sử dụng cồn isopropyl để lau vết bẩn trên bảng điều khiển. Việc này có thể làm nứt bảng điều khiển.
- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, KHÔNG chạm vào các phần gạch chéo trong hình minh họa.


#### Bộ trống mực

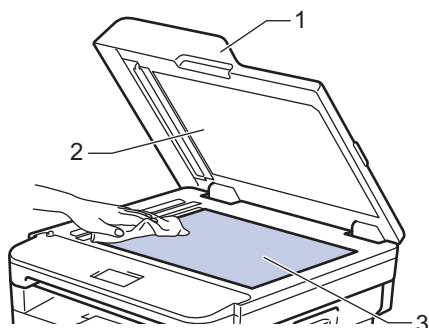


### ✓ Thông tin liên quan

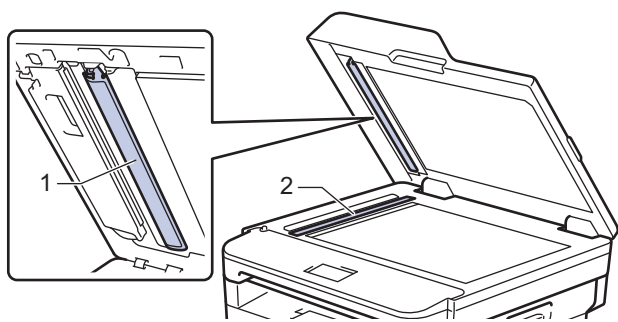
- Bảo trì thường lệ
  - Vệ sinh máy quét
  - Vệ sinh Dây Corona
  - Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực
  - Vệ sinh trục cuộn lấy giấy


## Vệ sinh máy quét

1. Bấm và giữ  để tắt máy.
2. Nâng nắp tài liệu (1) lên. Vệ sinh mặt nhựa trắng (2) và dải kính máy quét (3) nằm dưới mặt nhựa bằng khăn ẩm mềm không có xơ.



3. Trong bộ ADF, vệ sinh thanh trắng (1) và dải kính máy quét (2) nằm dưới thanh trắng bằng khăn ẩm mềm không có xơ.



4. Đóng nắp tài liệu.
5. Bấm  để bật máy.

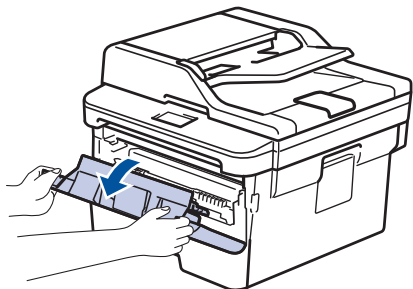
### Thông tin liên quan

- [Vệ sinh máy](#)

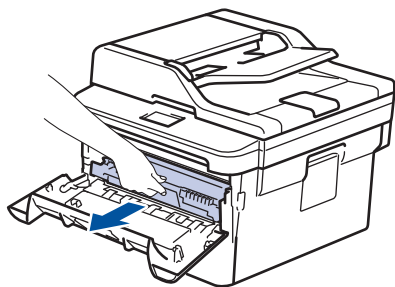
## Vệ sinh Dây Corona

Nếu bạn gặp phải vấn đề về chất lượng in hoặc bảng điều khiển hiển thị trạng thái [Drum! (Trống! )], hãy vệ sinh dây corona.

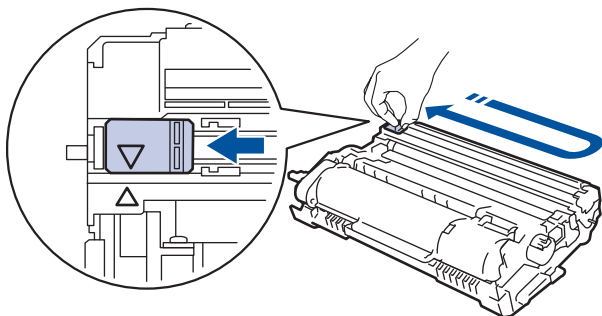
1. Mở nắp phía trước.



2. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.

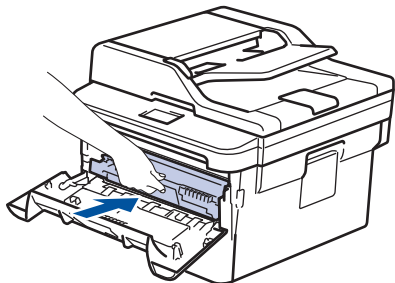


3. Vệ sinh dây corona bên trong bộ trống mực bằng cách trượt nhẹ vấu màu xanh lá cây từ trái sang phải và từ phải sang trái nhiều lần.



Đảm bảo đưa vấu về vị trí ban đầu (▲). Mũi tên trên vấu phải được căn thẳng hàng với mũi tên trên bộ trống mực. Nếu không, các trang đã in có thể có vạch sọc.

4. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



5. Đóng nắp phía trước của máy.



### Thông tin liên quan

- [Vệ sinh máy](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Thông báo lỗi và bảo trì](#)



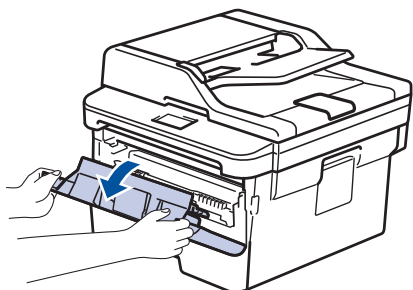
## Vệ sinh Bộ trống mực bằng cách sử dụng chức năng in đốm mực của trống mực

Nếu bản in ra có chấm hoặc dấu lặp lại khác cách quãng 94 mm, trống mực có thể có vật lạ, chẳng hạn như keo dán từ nhãn bị mắc vào bề mặt trống mực.

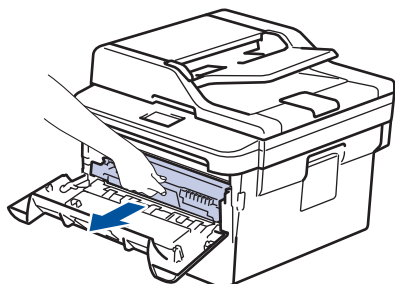
1. Đảm bảo rằng máy đang ở Chế độ Sẵn sàng.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Reports (In báo cáo)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Drum Dot Print (In đốm mực của trống mực)].
4. Bấm **Start (Bắt đầu)**.

Máy in Tờ kiểm tra đốm mực của trống mực

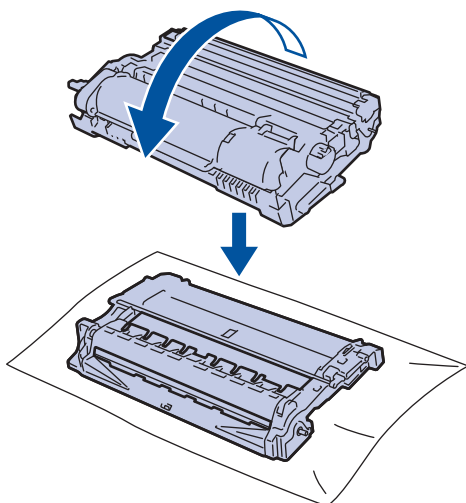
5. Bấm và giữ  để tắt máy.
6. Mở nắp phía trước.



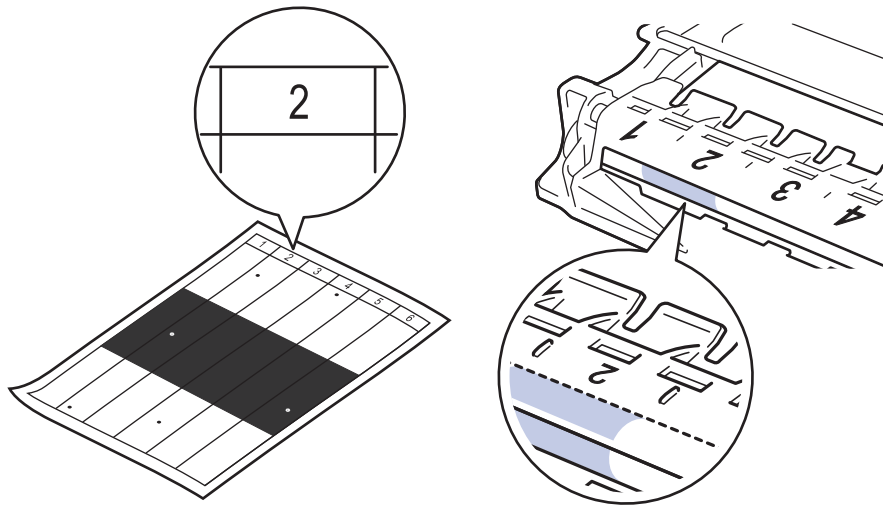
7. Tháo cụm hộp mực và bộ trống mực khỏi máy.



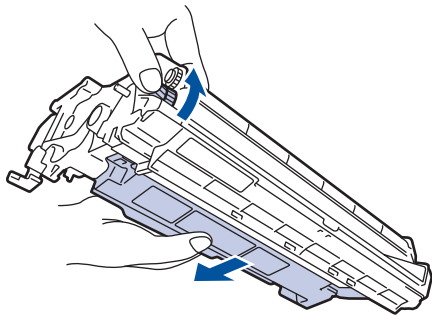
8. Xoay bộ trống mực như trong hình minh họa. Đảm bảo bánh răng của bộ trống mực ở bên trái.



9. Sử dụng các điểm đánh dấu được đánh số bên cạnh ống lăn của trống mực để tìm dấu vết trên trống mực. Ví dụ: một đốm mực trong cột 2 trên tờ kiểm tra có nghĩa là có một dấu vết trong vùng "2" của trống mực.



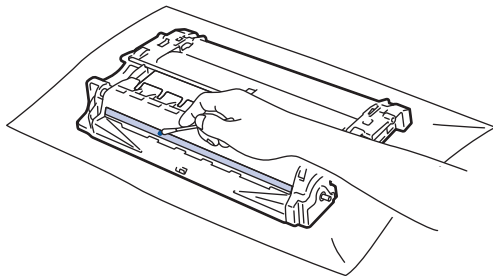
10. Xoay bánh răng ở đầu bộ trống mực trong khi đẩy gạch chéo trong hình minh họa để tìm dấu hiệu hoặc vật lạ.



## QUAN TRỌNG

- Để tránh gặp vấn đề về chất lượng in, KHÔNG chạm vào bề mặt của bộ trống mực, mà chỉ được chạm vào bánh răng ở đầu bộ trống mực.

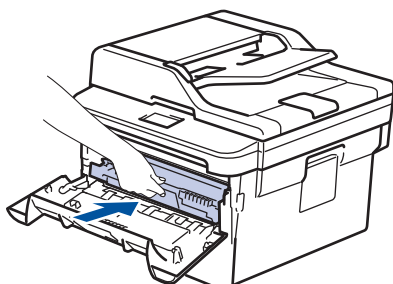
11. Nhẹ nhàng lau bề mặt trống mực bằng tấm bông khô cho đến khi không còn dấu vết hoặc vật lạ trên bề mặt.



## LƯU Ý

KHÔNG vệ sinh bề mặt của trống nhạy quang bằng vật sắc nhọn hoặc bất kỳ chất lỏng nào.

12. Lắp lại cụm hộp mực và bộ trống mực vào máy.



13. Đóng nắp phía trước của máy.

---

14. Bấm  để bật máy.



### Thông tin liên quan

- Vệ sinh máy


**Chủ đề liên quan:**

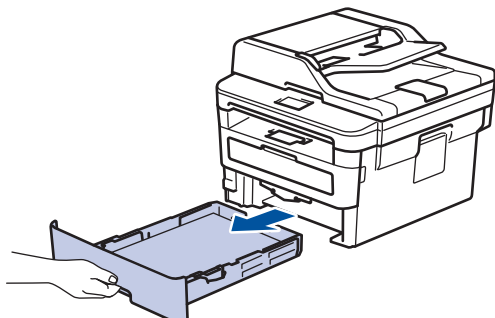
- Cải thiện chất lượng in
-

## Vệ sinh trục cuộn lấy giấy

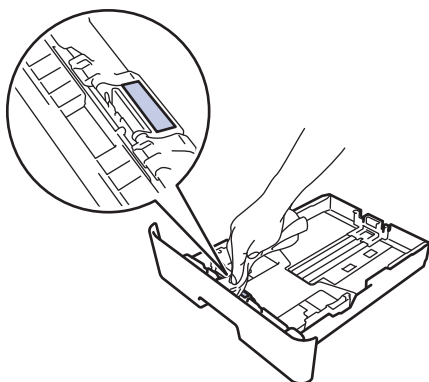
Vệ sinh ống lăn lấy giấy theo định kỳ có thể giúp ngăn ngừa tình trạng kẹt giấy bằng cách đảm bảo rằng giấy đã được nạp đúng.

Nếu bạn gặp vấn đề về nạp giấy, hãy vệ sinh trục cuộn lấy giấy như sau:

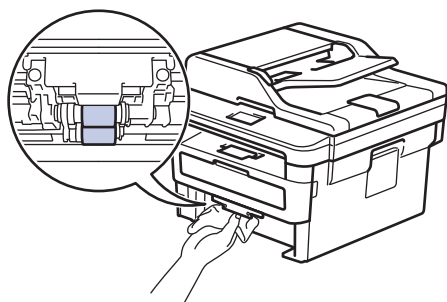
1. Bấm và giữ  để tắt máy.
2. Kéo hần khay giấy ra khỏi máy.




3. Nếu giấy được nạp hoặc có vật gì đó bị kẹt bên trong khay giấy, hãy lấy vật bị kẹt ra.
4. Vắt kiệt khăn không có xơ được ngâm trong nước ấm, rồi lau miếng đệm của bộ phận chia tách trên khay giấy để loại bỏ bụi.



5. Lau hai trục cuộn lấy giấy bên trong máy để loại bỏ bụi.



6. Nạp lại giấy và lắp lại chắc chắn khay giấy vào máy.
7. Bấm  để bật máy.

### Thông tin liên quan

- [Vệ sinh máy](#)

**Chủ đề liên quan:**

- [Vấn đề khi in](#)

## Kiểm tra tuổi thọ còn lại của bộ phận

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Machine Info. (Thông tin máy)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn tùy chọn [Toner (Hộp mực)] hoặc [Drum (Trống)], rồi bấm **OK**.  
Màn hình LCD hiển thị lượng mực còn lại hoặc tuổi thọ ước chừng của trống mực.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



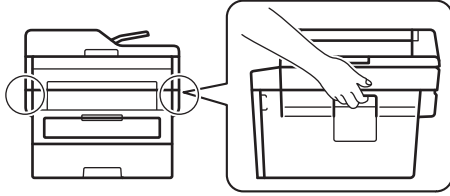
### Thông tin liên quan

- [Bảo trì thường lệ](#)


## Đóng gói và vận chuyển máy Brother của bạn

### **⚠ CẢNH BÁO**

- Khi bạn di chuyển máy, mang vác máy như được chỉ ra trong hình minh họa.



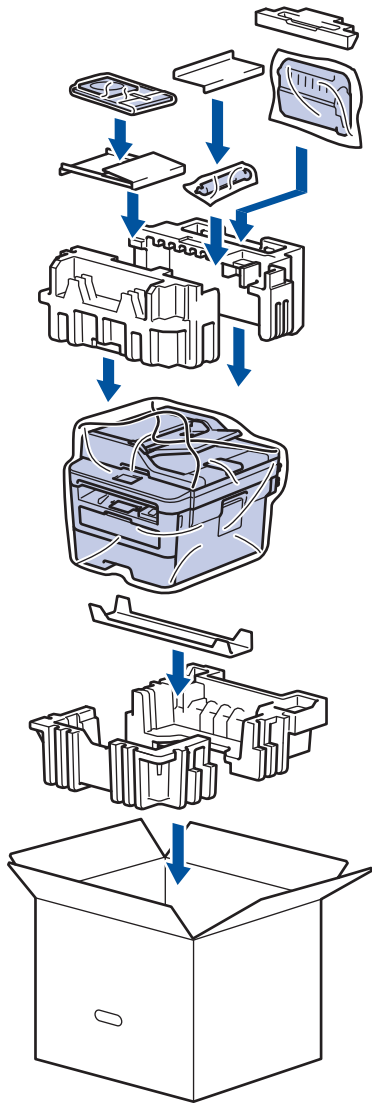
- Nếu vì bất kỳ lý do gì, bạn phải vận chuyển máy, hãy đóng gói lại cẩn thận trong thùng máy để tránh mọi hư hỏng trong khi vận chuyển. Máy cần được bảo hiểm thích hợp bởi nhà vận chuyển.

1. Bấm và giữ  để tắt máy. Để máy tắt trong ít nhất 10 phút để làm nguội máy.
2. Ngắt kết nối tất cả các cáp, rò rút phích cắm dây nguồn khỏi ổ cắm điện.



Một số dòng máy được trang bị dây cáp nguồn AC không thể tháo rời. Nếu dây nguồn của bạn không thể tháo rời, hãy gấp nó lại và để nó trên đầu máy để đóng gói dễ dàng.

3. Đặt máy vào túi ban đầu chứa máy.
4. Đóng gói máy, vật liệu in và dây nguồn AC (nếu có) trong thùng cát-tông gốc bằng vật liệu đóng gói gốc như được chỉ ra. Hình minh họa có thể khác với các vật liệu đóng gói thực tế. Các vật liệu có thể thay đổi tùy theo model của bạn.



5. Đóng thùng cát-tông và dán kín thùng.

### ✓ Thông tin liên quan

- Bảo trì thường lệ

## Thiết đặt máy

Tùy chỉnh thiết đặt và tính năng, tạo lối tắt và làm việc với tùy chọn hiển thị trên màn hình LCD của máy để làm cho máy Brother của bạn trở thành công cụ làm việc hiệu quả hơn.

- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển](#)
- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn](#)



## Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển

- [Trong trường hợp mất điện \(Lưu trữ bộ nhớ\)](#)
- [Thiết đặt chung](#)
- [In báo cáo](#)
- [Bảng thiết đặt và tính năng](#)

## Trong trường hợp mất điện (Lưu trữ bộ nhớ)

Thiết đặt menu của bạn được lưu trữ vĩnh viễn và trong trường hợp mất điện, sẽ không bị xóa. Thiết đặt tạm thời (ví dụ: Độ tương phản, Chế độ nước ngoài) sẽ bị mất.

- Trong thời gian mất điện, máy sẽ lưu lại ngày và thời gian cùng các tác vụ fax hẹn giờ đã được lập trình (ví dụ: Fax hẹn giờ) trong khoảng 60 giờ. Các công việc fax khác trong bộ nhớ của máy sẽ không bị mất.
- (MFC-B7715DW)  
Trong thời gian mất điện, máy sẽ lưu lại ngày và thời gian trong khoảng 2 giờ. Các tác vụ fax trong bộ nhớ của máy sẽ bị mất.



### Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy từ Bảng điều khiển](#)

## Thiết đặt chung

- Thay đổi chế độ mặc định
- Thiết đặt bộ hẹn giờ chế độ
- Điều chỉnh âm lượng của máy
- Thay đổi theo Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày
- Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ
- Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu
- Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn
- Thiết đặt ngày và thời gian
- Thiết đặt múi giờ
- Thiết đặt ID trạm của bạn
- Cài đặt Âm và Rung của Chế độ Quay số
- Giảm mức tiêu thụ mực
- Thêm tiền tố vào mọi số fax
- Ngăn quay số nhầm số (Hạn chế quay số)
- Giảm tiếng ồn khi in
- Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

## Thay đổi chế độ mặc định

Model: MFC-B7715DW

Khi máy ở chế độ nghỉ hoặc bạn bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**, máy sẽ trở về chế độ mà bạn đã thiết đặt.

- Đối với model MFC, máy có các chế độ Fax, Quét và Sao chép. Chế độ mặc định là Fax.
- Đối với model DCP, máy có các chế độ Quét và Sao chép. Chế độ mặc định là Sao chép.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Default Mode (Chế độ mặc định)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Fax], [Copy (Bản sao)] hoặc [Scan (Quét)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Thiết đặt bộ hẹn giờ chế độ

Model: MFC-B7715DW

Máy sẽ trở về chế độ mặc định sau khi sử dụng máy ở chế độ khác với chế độ mặc định. Thiết đặt Chế độ Hẹn giờ giúp xác định thời gian máy cần sau lần vận hành gần nhất để trở về chế độ mặc định. Nếu bạn chọn [Off (Tắt)], máy sẽ duy trì ở chế độ gần nhất mà bạn đã sử dụng.

- Đối với model MFC, máy có ba nút chế độ trên bảng điều khiển: FAX, QUÉT và SAO CHÉP.
- Đối với model DCP, máy có nút Quét và Sao chép. Mặc định là chế độ Sao chép và thiết đặt bộ hẹn giờ chế độ là một phút.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Mode Timer (Hẹn giờ chế độ)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [5 Mins (5 phút)], [2 Mins (2 phút)], [1 Min (1 phút)], [30 Secs (30 giây)], [0 Sec (0 giây)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Điều chỉnh âm lượng của máy

Model: MFC-B7715DW

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Volume (Âm lượng)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn một trong các tùy chọn sau đây:

Tùy chọn	Mô tả
Ring (Chuông)	Điều chỉnh âm lượng đồ chuông.
Beep (Tiếng bíp)	Điều chỉnh âm lượng khi bạn bấm nút, thao tác sai hoặc sau khi bạn gửi hoặc nhận fax.
Speaker (Loa ngoài)	Điều chỉnh âm lượng loa.

5. Bấm **OK**.
6. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [High (Cao)], [Med (Trung bình)], [Low (Thấp)], hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
7. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



Bạn cũng có thể điều chỉnh âm lượng loa bằng cách bấm **Hook (Báo nhận)**. Bấm ◀ hoặc ▶. Mỗi lần bấm nút sẽ làm giảm hoặc tăng âm lượng. Sau khi hoàn tất, bấm **Hook (Báo nhận)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Thay đổi theo Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày

Bạn có thể đặt chương trình của máy thay đổi sang Thời gian Tiết kiệm Ánh sáng Ban ngày.

Để tiến một giờ hoặc lùi một giờ, chọn thiết đặt theo bảng sau. Đảm bảo bạn đã thiết đặt ngày và thời gian chính xác trong thiết đặt Ngày & thời gian.

Model áp dụng	Tiến 1 giờ	Lùi 1 giờ
Tất cả các model MFC	To Summer Time (Theo giờ mùa hè)	To Winter Time (Theo giờ mùa đông)

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Date&Time (Ngày&Giờ)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Clock Change (Thay đổi đồng hồ)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [To Summer Time (Theo giờ mùa hè)] hoặc [To Winter Time (Theo giờ mùa đông)], rồi bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Thiết đặt đếm ngược vào chế độ ngủ

Thiết đặt Chế độ ngủ (hay Chế độ tiết kiệm điện) có thể giảm tiêu thụ điện năng. Khi ở Chế độ ngủ, máy hoạt động như thể đã tắt. Máy sẽ thức dậy và bắt đầu in khi nhận được công việc in hoặc fax. Sử dụng những hướng dẫn này để thiết đặt hẹn giờ (đếm ngược) trước khi máy vào Chế độ Ngủ.

- Bạn có thể chọn thời gian máy phải ở chế độ nghỉ trước khi máy đi vào Chế độ ngủ.
- Bộ hẹn giờ sẽ khởi động lại nếu thực hiện bất kỳ thao tác nào trên máy, chẳng hạn như nhận công việc in.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology (Sinh thái)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Sleep Time (Thời gian ngủ)], rồi bấm **OK**.
5. Sử dụng bàn phím quay số, nhập thời gian (tối đa 50 phút) máy ở chế độ nghỉ trước khi đi vào Chế độ ngủ, rồi bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)



## Giới thiệu về Chế độ ngủ sâu

Nếu máy ở chế độ Ngủ và không nhận được bất kỳ lệnh nào trong một khoảng thời gian nhất định, máy sẽ tự động vào chế độ Ngủ sâu. Khoảng thời gian sẽ dựa trên dòng máy và thiết đặt cụ thể của bạn.

Chế độ Ngủ sâu sử dụng ít điện năng hơn chế độ Ngủ.

Model áp dụng	Bảng điều khiển của Máy ở Chế độ Ngủ sâu	Những điều kiện sẽ đánh thức máy
DCP-B7500D/DCP-B7535DW/ MFC-B7715DW	Màn hình LCD Deep Sleep (Ngủ sâu).	<ul style="list-style-type: none"><li>Máy nhận được một lệnh.</li><li>Có người đã bấm nút trên bảng điều khiển.</li></ul>

### ✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Thiết đặt chế độ tự động tắt nguồn

Nếu máy ở Chế độ ngủ sâu trong một khoảng thời gian nhất định thì tùy theo model và thiết đặt của bạn, máy sẽ tự động đi vào Chế độ tắt nguồn. Máy sẽ không vào Chế độ Tắt nguồn khi máy được kết nối với mạng.

- Để bắt đầu in, bấm  trên bảng điều khiển, rồi gửi công việc in.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology (Sinh thái)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [TKIP + AES], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [8 hours (8 giờ)], [4 hours (4 giờ)], [2 hours (2 giờ)], [1 hours (1 giờ)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Thiết đặt ngày và thời gian

Model: MFC-B7715DW

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Date & Time (Ngày & Giờ)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Date&Time (Ngày&Giờ)] và sau đó bấm **OK**.
5. Nhập hai chữ số cuối của năm bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.
6. Nhập hai chữ số cho tháng bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.
7. Nhập hai chữ số cho ngày bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.
8. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [12h Clock (Đồng hồ 12h)] hoặc [24h Clock (Đồng hồ 24h)], rồi bấm **OK**.
9. Thực hiện một trong các thao tác sau:
  - Nếu bạn đã chọn [12h Clock (Đồng hồ 12h)] là định dạng trong thiết đặt [Date & Time (Ngày & Giờ)], nhập thời gian (theo định dạng 12 giờ) bằng bàn phím quay số.  
Bấm **OK**.  
Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [AM (Sáng)] hoặc [PM (Chiều)], rồi bấm **OK**.
  - Nếu bạn đã chọn [24h Clock (Đồng hồ 24h)] là định dạng trong thiết đặt [Date & Time (Ngày & Giờ)], nhập thời gian (theo định dạng 24 giờ) bằng bàn phím quay số.  
Bấm **OK**.  
(Ví dụ: nhập 19:45 nghĩa là 7:45 PM).
10. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Thiết đặt múi giờ

Thiết đặt múi giờ cho địa điểm của bạn trên máy.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Date&Time (Ngày&Giờ)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Time Zone (Múi giờ)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn múi giờ. Bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.




### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Thiết đặt ID trạm của bạn

Model: MFC-B7715DW

Thiết đặt máy in ID trạm, ngày và thời gian fax ở đầu mỗi fax bạn gửi.

1. Bấm  (FAX).
2. Bấm **Menu**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Station ID (ID trạm)], rồi bấm **OK**.
5. Nhập số fax của bạn (tối đa 20 chữ số) bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.
6. Nhập số điện thoại của bạn (tối đa 20 chữ số) bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.  
Nếu số điện thoại và số fax của bạn giống nhau, nhập lại cùng một số.
7. Sử dụng bàn phím quay số để nhập tên của bạn (tối đa 20 ký tự), rồi bấm **OK**.



- Để nhập văn bản trên máy của bạn >> *Thông tin liên quan: Cách nhập văn bản trên máy Brother của bạn*

8. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Cách nhập văn bản trên máy Brother của bạn](#)

## Cài đặt Âm và Rung của Chế độ Quay số

Model: MFC-B7715DW

Máy Brother của bạn được thiết đặt cho dịch vụ quay số Âm. Nếu bạn có dịch vụ quay số Xung (xoay), bạn phải thay đổi chế độ quay số.

Tính năng này không có ở một số quốc gia.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Tone/Pulse (Âm/Nhịp)] rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Tone (Âm)] hoặc [Pulse (Nhịp)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Giảm mức tiêu thụ mực

Sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in có thể làm giảm mức tiêu thụ mực. Khi tính năng Tiết kiệm Mực in được đặt thành bật, mực in trên tài liệu của bạn sẽ mờ hơn.

Chúng tôi KHÔNG khuyến nghị bạn sử dụng tính năng Tiết kiệm Mực in để in ảnh hoặc các hình ảnh thang đo màu xám.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology (Sinh thái)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Toner Save (Tiết kiệm mực)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Cải thiện chất lượng in](#)

## Thêm tiền tố vào mọi số fax

Model: MFC-B7715DW

Thiết đặt tiền tố quay số sẽ tự động quay số được xác định sẵn trước mỗi số fax bạn quay. Ví dụ: Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu số 9 để quay số bên ngoài, sử dụng thiết đặt này để tự động quay số 9 cho mọi bản fax bạn gửi.



- Sử dụng số và ký hiệu từ 0 đến 9, # và \*. (Bạn không thể sử dụng ! với bất kỳ số hoặc ký hiệu nào khác.)
- Nếu hệ thống điện thoại của bạn yêu cầu gọi lại ngắt định thời (hookflash), bấm ! trên màn hình LCD.

- Bấm **Menu**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
- Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Dial Prefix (Tiền tố quay số)], rồi bấm **OK**.
- Thực hiện một trong các thao tác sau:
  - Nếu máy không có số tiền tố được lưu, hãy nhập một số (tối đa 5 chữ số) bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.
  - Nếu máy có số tiền tố đã lưu và bạn muốn thay đổi nó, hãy bấm ▲ để chỉnh sửa số.  
Bấm **Clear (Xóa)** để xóa từng chữ số của số hiện có và nhập số mới bằng bàn phím quay số, rồi bấm **OK**.



Để tắt tính năng tiền tố quay số, xóa số tiền tố được lưu, rồi bấm **OK**.

- Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)



## Ngăn quay số nhầm số (Hạn chế quay số)

Model: MFC-B7715DW

Tính năng này giúp người dùng tránh được việc vô tình gửi fax hoặc gọi nhầm số. Bạn có thể thiết đặt máy để hạn chế quay số khi bạn sử dụng bàn phím quay số, Sổ địa chỉ và Phím tắt.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Fax] rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Dial Restrict. (Giới hạn quay số)] rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn ưu tiên của bạn, rồi bấm **OK**.
  - [Dial Pad (Bàn phím quay số)]
  - [One Touch Dial (Quay số một lần bấm)]
  - [Speed Dial (Quay số nhanh)]
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để chọn một trong các tùy chọn sau, rồi bấm **OK**.

Tùy chọn	Mô tả
Enter # twice (Nhập # hai lần)	Máy sẽ nhắc bạn nhập lại số và sau đó nếu bạn nhập lại đúng cùng một số đó thì máy sẽ bắt đầu quay số. Nếu bạn nhập lại số sai, màn hình LCD sẽ hiển thị thông báo lỗi.
On (Bật)	Máy sẽ hạn chế tất cả các lần gửi fax và cuộc gọi ra ngoài đối với phương thức quay số đó.
Off (Tắt)	Máy không hạn chế phương thức quay số này.

- Thiết đặt [Enter # twice (Nhập # hai lần)] sẽ không hoạt động nếu bạn sử dụng điện thoại gắn ngoài hoặc bấm **Hook (Báo nhận)** trước khi nhập số. Bạn sẽ không bị yêu cầu phải nhập lại số.
- Nếu bạn chọn [On (Bật)] hoặc [Enter # twice (Nhập # hai lần)], bạn không thể sử dụng tính năng Quảng bá.

6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Giảm tiếng ồn khi in

Thiết đặt Chế độ Im lặng có thể giúp làm giảm tiếng ồn khi in. Khi Chế độ Im lặng được bật, tốc độ in sẽ giảm xuống. Thiết đặt theo nhà máy là tắt.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [General Setup (Cài đặt chung)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Ecology (Sinh thái)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Quiet Mode (Chế độ im lặng)], rồi bấm **OK**.
5. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [On (Bật)] hoặc [Off (Tắt)], rồi bấm **OK**.
6. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.

### ✓ Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## Thay đổi ngôn ngữ trên màn hình LCD

Thay đổi ngôn ngữ cho màn hình LCD nếu cần.

Tính năng này không có ở một số quốc gia.

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Local Language (Ngôn ngữ địa phương)], rồi bấm **OK**.
4. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị ngôn ngữ của bạn, rồi bấm **OK**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [Thiết đặt chung](#)

## In báo cáo

- Báo cáo
- In báo cáo

## Báo cáo

Các báo cáo sau có sẵn:

### Truyền gửi (Model MFC)

Báo cáo Truyền gửi sẽ in Báo cáo Xác minh Truyền gửi cho lần gửi gần nhất của bạn.

### Số địa chỉ (Model MFC)

Báo cáo Danh bạ in danh sách theo thứ tự bảng chữ cái tên và số được lưu trữ trong bộ nhớ Danh bạ.

### Nhật ký fax (Model MFC)

Nhật ký Fax sẽ in ra một danh sách thông tin về 200 bản fax đến và đi mới nhất của bạn. (TX có nghĩa là Truyền, RX có nghĩa là Nhận)

### Thiết đặt người dùng

Báo cáo Thiết đặt người dùng in danh sách thiết đặt hiện tại của bạn.

### Thiết đặt máy in

Báo cáo Thiết đặt máy in sẽ in danh sách thiết đặt máy in hiện tại của bạn.

### Cấu hình mạng (Các model có chức năng mạng)

Cấu hình mạng in danh sách thiết đặt mạng hiện tại của bạn.

### Danh sách tệp tin cần in

Danh sách tệp tin cần in sẽ in danh sách phong chữ và macro được lưu trong máy.

### In đếm mực của trống mực

Tính năng In đếm mực của trống mực sẽ in tờ đếm mực của trống mực, việc này rất hữu ích khi cần phải vệ sinh bộ trống mực.

### Báo cáo WLAN (Các model có chức năng mạng không dây)

Báo cáo WLAN sẽ in chẩn đoán kết nối mạng LAN không dây.



## Thông tin liên quan

- [In báo cáo](#)

## In báo cáo

1. Bấm **Menu**.
2. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị tùy chọn [Print Reports (In báo cáo)], rồi bấm **OK**.
3. Bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị báo cáo mà bạn muốn in, rồi bấm **OK**.
4. Thực hiện một trong các thao tác sau:
  - Nếu bạn chọn [XMIT Verify (Xác minh XMIT)], thực hiện một trong các thao tác sau:
    - Để xem Báo cáo xác nhận truyền tải, bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị [View on LCD (Xem trên LCD)], rồi bấm **OK**.
    - Để in Báo cáo xác nhận truyền tải, bấm ▲ hoặc ▼ để hiển thị [Print Report (In báo cáo)], rồi bấm **OK**.  
Bấm **Start (Bắt đầu)**.
  - Nếu bạn chọn báo cáo khác, bấm **Start (Bắt đầu)**.
5. Bấm **Stop/Exit (Dừng/Thoát)**.



### Thông tin liên quan

- [In báo cáo](#)

## Bảng thiết đặt và tính năng

Bảng Thiết đặt sẽ giúp bạn hiểu lựa chọn và tùy chọn menu có trong chương trình của máy.

- [Bảng cài đặt \(Các dòng máy MFC màn hình LCD 2 dòng\)](#)
- [Bảng cài đặt \(Các dòng máy DCP màn hình LCD 2 đường dây\)](#)

## Bảng cài đặt (Các dòng máy MFC màn hình LCD 2 dòng)

Model: MFC-B7715DW

### [General Setup (Cài đặt chung)]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Default Mode (Chế độ mặc định)	-	-	Chọn chế độ mặc định.
Mode Timer (Hẹn giờ chế độ)	-	-	Đặt thời gian nghỉ trước khi máy trở về chế độ mặc định.
Tray Setting (Thiết đặt khay)	Paper Type (Loại giấy)	-	Thiết đặt loại giấy trong khay giấy.
	Paper Size (Khổ giấy)	-	Thiết đặt khổ giấy trong khay giấy.
	Check Size (Kiểm tra cỡ)	-	Chọn có hiển thị một thông báo cho bạn biết phải kiểm tra xem khổ và loại giấy trong máy và thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy của máy có phù hợp không.
Volume (Âm lượng)	Ring (Chuông)	-	Điều chỉnh âm lượng chuông.
	Beep (Tiếng bíp)	-	Điều chỉnh âm lượng tiếng bíp.
	Speaker (Loa ngoài)	-	Điều chỉnh âm lượng loa.
Ecology (Sinh thái)	Eco Mode (Chế độ Tiết kiệm)	-	Bật cài đặt máy sau cùng cùng lúc. <ul style="list-style-type: none"> <li>2-sided Print:Long Edge (In 2 mặt: Cạnh dài) (Chỉ có ở một số model nhất định)</li> <li>Sleep Time:0Min (Thời gian Chờ: 0 phút)</li> </ul>
	Toner Save (Tiết kiệm mực)	-	Tăng sản lượng trang của hộp mực.
	Sleep Time (Thời gian ngủ)	-	Thiết đặt số phút trước khi máy nhập Chế độ ngủ.
	Quiet Mode (Chế độ im lặng)	-	Giảm tiếng ồn khi in.
	TKIP + AES	-	Thiết đặt số giờ mà máy sẽ duy trì ở chế độ Ngủ Sâu trước khi đi vào chế độ Tắt Nguồn.
LCD Contrast (Độ tương phản LCD)	-	-	Điều chỉnh độ tương phản màn hình LCD.
Security (Bảo mật)	TX Lock (Khóa gửi fax)	-	Cấm hầu hết thao tác ngoại trừ nhận fax.
	Setting Lock (Khóa thiết đặt)	-	Giới hạn người dùng không được ủy quyền thay đổi cài đặt máy.

### [Fax]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Setup Receive (Cài đặt nhận)	Receive Mode (Chế độ nhận)	-	Chọn phương thức tiếp nhận phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
	Ring Delay (Số lần đổ chuông)	-	Thiết đặt số lần đổ chuông trước khi máy trả lời ở chế độ Fax hoặc Fax/Tel.



Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Setup Receive (Cài đặt nhận)	F/T Ring Time (Thời gian đổ chuông F/T)	-	Thiết đặt độ dài của thời gian đổ chuông giả/kép trong chế độ Fax/Tel.
	Easy Receive (Nhận dễ dàng)	-	Nhận thông báo fax tự động khi bạn trả lời cuộc gọi và nghe tín hiệu fax.
	Remote Codes (Mã từ xa)	-	Trả lời các cuộc gọi bằng số máy lẻ hoặc điện thoại bên ngoài và sử dụng các mã để bật hoặc tắt Mã Từ xa. Bạn có thể cá nhân hóa các mã.
	Auto Reduction (Tự động giảm)	-	Giảm khổ fax đến.
	Fax Rx Stamp (Nhãn fax nhận)	-	In ngày và giờ nhận trên đầu các bản fax đã nhận.
	2-sided (2 mặt)	-	In fax đã nhận trên cả hai mặt giấy.
Setup Send (Cài đặt gửi)	Fax Resolution (Độ phân giải fax)	-	Thay đổi độ sáng hoặc độ tối của các bản fax mà bạn gửi.
	Contrast (Độ tương phản)	-	Thiết đặt độ phân giải mặc định cho các bản fax đi.
	Glass ScanSize (Kích thước quét kính)	-	Điều chỉnh vùng quét của kính máy quét để vừa với khổ tài liệu.
	Real Time TX (Gửi fax thời gian thực)	-	Gửi fax mà không sử dụng bộ nhớ.
	Coverpage (Trang bìa)	Message (Thông báo)	Cài đặt bình luận của chính bạn cho trang bìa fax.
	Overseas Mode (Chế độ nước ngoài)	-	Nếu bạn đang gặp khó khăn trong việc gửi fax ra nước ngoài, hãy thiết đặt chức năng này thành Bật.
	Auto Redial (Tự động quay số lại)	-	Thiết đặt máy để quay lại số fax gần nhất sau năm phút, nếu không gửi được fax vì đường dây bận.
	Destination (Đích)	-	Thiết đặt máy để hiển thị thông tin đích trên màn hình LCD trong khi quay số fax.
Report Setting (Thiết đặt báo cáo)	Transmission (Truyền)	-	Chọn cài đặt ban đầu cho Báo cáo xác nhận truyền.
	Journal Period (Quãng in nhật ký)	-	Thiết đặt khoảng cách in tự động của Fax Journal. Nếu bạn chọn một tùy chọn, thay vì Tắt và 50 Bản fax Mỗi lần, bạn có thể đặt thời gian cho tùy chọn này. Nếu bạn chọn 7 Ngày Mỗi lần, bạn có thể đặt ngày trong tuần.
Memory Receive (Nhận bộ nhớ)	Forward/Store (Chuyển tiếp/Lưu trữ)	-	Thiết đặt máy chuyển tiếp thông báo fax hoặc lưu trữ fax đến trong bộ nhớ (để bạn có thể gọi ra fax này trong khi bạn không ở gần máy của mình).
	PC Fax Receive (Nhận fax máy tính)	-	Thiết đặt máy gửi fax đến máy tính của bạn.
	Remote Access (Truy cập từ xa)	-	Thiết đặt mã của riêng bạn cho Gọi ra từ xa.
	Print Fax (In fax)	-	In các bản fax đã nhận được lưu trữ trong bộ nhớ của máy.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Dial Restrict. (Giới hạn quay số)	Dial Pad (Bàn phím quay số)	-	Thiết đặt máy hạn chế quay số khi sử dụng bàn phím quay số.
	One Touch Dial (Quay số một lần bấm)	-	Thiết đặt máy để giới hạn quay số các số điện thoại Một lần chạm.
	Speed Dial (Quay số nhanh)	-	Thiết đặt máy để giới hạn quay số các số điện thoại Quay số nhanh.
Remaining Jobs (Công việc còn lại)	-	-	Kiểm tra tác vụ đã được đặt lịch nào có trong bộ nhớ của máy và hủy bỏ tác vụ đã chọn.
Miscellaneous (Khác)	Distinctive (Đặc trưng) (Chỉ có sẵn đối với một số quốc gia).	-	Bật dịch vụ thuê bao Chuông riêng biệt của công ty điện thoại để đăng ký mẫu chuông mới của bạn trên máy này.

### [Copy (Bản sao)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Density (Mật độ)	-	Điều chỉnh mật độ.
Quality (Số lượng)	-	Chọn độ phân giải của Bản sao cho loại tài liệu của bạn.
Contrast (Độ tương phản)	-	Điều chỉnh độ tương phản cho các bản sao.
ID Copy (Sao chép ID)	Density (Mật độ)	Điều chỉnh mật độ.
	Quality (Số lượng)	Chọn độ phân giải của Bản sao cho loại tài liệu của bạn.
	Contrast (Độ tương phản)	Điều chỉnh độ tương phản cho các bản sao.
	2in1/1in1 (2 trong 1/1 trong 1)	Tạo các bản sao chép ID 2 trong 1.

### [Printer (Máy in)]

Đối với các model được hỗ trợ mô phỏng máy in

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Emulation (Trạng thái)	-	-	Thiết đặt chế độ mô phỏng máy in.
Print Options (Tùy chọn in)	Font List (Danh sách phông chữ)	HP LaserJet BR-Script 3	In danh sách font bên trong của máy.
	Test Print (In thử)	-	In trang kiểm tra.
2-sided (2 mặt) (Đối với model in 2 mặt tự động)	-	-	Tắt hoặc bật in 2 mặt và chọn lật trên cạnh dài hoặc cạnh ngắn.
Auto Continue (Tiếp tục tự động)	-	-	Chọn cài đặt này nếu bạn muốn máy xóa bỏ các lỗi về khổ giấy và sử dụng giấy trong khay.
Tray Command (Lệnh đến khay)	-	-	Chọn cài đặt này nếu thông báo khay không phù hợp xuất hiện khi bạn sử dụng trình điều khiển HP.
Reset Printer (Đặt lại máy in)	-	-	Khôi phục tất cả các thiết đặt máy in về thiết đặt theo nhà máy.

Đối với các model khác

Cấp 1	Mô tả
-------	-------

Cấp 1	Mô tả
Test Print (In thử)	In trang kiểm tra.
2-sided (2 mặt) (Đối với model in 2 mặt tự động)	Tắt hoặc bật in 2 mặt và chọn lật trên cạnh dài hoặc cạnh ngắn.
Auto Continue (Tiếp tục tự động)	Chọn cài đặt này nếu bạn muốn máy xóa bỏ các lỗi về khổ giấy và sử dụng giấy trong khay.
Reset Printer (Đặt lại máy in)	Khôi phục tất cả các thiết đặt máy in về thiết đặt theo nhà máy.

## [Network (Mạng)]

### Đối với model dùng mạng có dây và không dây

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Wired LAN (LAN có dây)	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	Chọn phương thức Boot phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	Nhập tên Nút. (Tối đa 32 ký tự)
		WINS Config (Cấu hình WINS)	Chọn chế độ cấu hình WINS.
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS sơ cấp hoặc thứ cấp.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS sơ cấp hoặc thứ cấp.
		APIPA	Thiết đặt máy để tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ.
		IPv6	Bật hoặc tắt giao thức IPv6. Để biết thêm thông tin chi tiết, chọn trang <b>FAQs &amp; Troubleshooting</b> của model máy mà bạn muốn tìm trên website Hỗ trợ của Brother tại <a href="http://support.brother.com">support.brother.com</a> .
Ethernet	-	Chọn chế độ liên kết Ethernet.	
Wired Status (Trạng thái có dây)	-	Xem trạng thái nối dây hiện tại.	
MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	Xem địa chỉ MAC của máy.	
Set to Default (Đặt về mặc định)	-	Khôi phục các cài đặt mạng có dây về cài đặt của nhà máy.	
Wired Enable (Bật kết nối có dây)	-	Bật hoặc tắt giao diện LAN có dây theo cách thủ công.	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
WLAN	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	Chọn phương thức Boot phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	Nhập tên Nút. (Tối đa 32 ký tự)
		WINS Config (Cấu hình WINS)	Chọn chế độ cấu hình WINS.
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS sơ cấp hoặc thứ cấp.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS sơ cấp hoặc thứ cấp.
		APIPA	Thiết đặt máy để tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ.
	IPv6	Bật hoạt tắt giao thức IPv6. Để biết thêm thông tin chi tiết, chọn trang <b>FAQs &amp; Troubleshooting</b> của model máy mà bạn muốn tìm trên website Hỗ trợ của Brother tại <a href="http://support.brother.com">support.brother.com</a> .	
	Setup Wizard (Cài đặt tiện ích)	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng tay.
	WLAN Assistant (Hỗ trợ WLAN)	-	Cấu hình cài đặt mạng không dây bằng cách sử dụng đĩa cài đặt của Brother.
	WPS	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng phương pháp bấm một nút.
	WPS w/PIN Code (WPS có mã PIN)	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng cách sử dụng WPS với PIN.
	WLAN	Status (Trạng thái)	Xem trạng thái mạng không dây hiện tại.
		Signal (Tín hiệu)	Xem cường độ tín hiệu mạng không dây hiện tại.
		Channel (Kênh)	Xem kênh mạng không dây hiện tại.
		Speed (Tốc độ)	Xem tốc độ mạng không dây hiện tại.
		SSID	Xem SSID hiện tại.
Comm. Mode (Chế độ liên lạc)		Xem Chế độ liên lạc hiện tại.	
MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	Xem địa chỉ MAC của máy.	

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả	
WLAN	Set to Default (Đặt về mặc định)	-	Khôi phục các cài đặt mạng không dây về cài đặt của nhà máy.	
	WLAN Enable (Bật WLAN)	-	Bật hoặc tắt WLAN theo cách thủ công.	
Wi-Fi Direct (Chuyển hướng Wi-Fi)	Push Button (Nút nhấn)	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng phương pháp nhấn một nút.	
	PIN Code (Mã PIN)	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.	
	Manual (Bằng tay)	-	Cấu hình cài đặt mạng Wi-Fi Direct thủ công.	
	Group Owner (Chủ nhóm)	-	Thiết đặt máy của bạn là Chủ sở hữu nhóm.	
	Device Info. (Thông tin thiết bị)	Device Name (Tên thiết bị)		Xem tên thiết bị của máy.
		SSID		Xem SSID của Chủ sở hữu nhóm. Khi máy không được kết nối, màn hình LCD hiển thị Không Kết nối.
		IP Address (Địa chỉ IP)		Xem địa chỉ IP hiện tại của máy.
	Status Info. (Thông tin trạng thái)	Status (Trạng thái)		Xem trạng thái mạng Wi-Fi Direct hiện tại.
		Signal (Tín hiệu)		Xem cường độ tín hiệu mạng Wi-Fi Direct hiện tại. Khi máy của bạn đóng vai trò Chủ sở hữu nhóm, màn hình LCD luôn chỉ báo tín hiệu mạnh.
		Channel (Kênh)		Xem kênh mạng Wi-Fi Direct hiện tại.
Speed (Tốc độ)			Xem tốc độ mạng Wi-Fi Direct hiện tại.	
I/F Enable (I/F bật)	-		Bật hoặc tắt kết nối Wi-Fi Direct.	
Network Reset (Đặt lại mạng)	-	-	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt theo nhà máy.	

[Print Reports (In báo cáo)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Transmission (Truyền)	View on LCD (Xem trên LCD)	Hiển thị Báo cáo Xác nhận Truyền của lần truyền cuối cùng.
	Print Report (In báo cáo)	In Báo cáo Xác nhận Truyền của lần truyền cuối cùng.
Address Book (Danh bạ)	Numeric (Bằng số)	In danh sách tên và số được lưu trữ trong Danh bạ, theo thứ tự số.
	Alphabetic (Chữ-số)	In danh sách tên và số được lưu trữ trong Danh bạ, theo thứ tự bảng chữ cái.
Fax Journal (Nhật ký fax)	-	In danh sách thông tin về 200 fax đến và gửi đi gần nhất của bạn. (TX có nghĩa là Truyền. RX có nghĩa là Nhận.)
User Settings (Thiết đặt người dùng)	-	In danh sách thiết đặt của bạn.

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Print Settings (In thiết đặt)	-	In danh sách thiết đặt Máy in của bạn.
Network Config (Cấu hình mạng)	-	In danh sách thiết đặt Mạng của bạn.
PrintFileList (Danh sách tệp tin cần in) (Chỉ có ở một số model nhất định)	-	In một danh sách dữ liệu đã lưu trong bộ nhớ máy.
Drum Dot Print (In chấm mực của trống mực)	-	In tờ kiểm tra chấm trên trống mực.
WLAN Report (Báo cáo WLAN) (Dành cho các model có mạng không dây)	-	In kết quả kết nối LAN không dây.
Caller ID (ID người gọi)	-	Bật hoặc vô hiệu để thấy số (hoặc tên) của bên đang gọi bạn.

### [Machine Info. (Thông tin máy)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Serial No. (Số sê-ri)	-	Kiểm tra số sê-ri máy của bạn.
Version (Phiên bản)	-	Kiểm tra phiên bản firmware của máy.
Page Counter (Bộ đếm số trang)	Total (Tổng)	Kiểm tra tổng số trang mà máy đã in trong suốt thời gian làm việc của máy.
	Fax	
	Copy (Sao chép)	
	Print (In)	
	Other (Khác)	
Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)	Toner (Hộp mực)	Xem tuổi thọ mực in còn lại ước chừng.
	Drum (Trống)	Bạn có thể kiểm tra tỷ lệ tuổi thọ Trống mực còn lại.

### [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Date & Time (Ngày & Giờ)	Date & Time (Ngày & Giờ)	Thêm ngày và thời gian trên màn hình và trong tiêu đề của fax bạn gửi.
	Daylight Save (Tiết kiệm ánh sáng ban ngày)	Thiết đặt máy để thay đổi tự động cho Thời gian tiết kiệm ánh sáng ban ngày.
	Time Zone (Múi giờ)	Thiết đặt múi giờ của bạn.
Station ID (ID trạm)	-	Nhập tên và số fax của bạn để nó xuất hiện trên mỗi trang bạn fax.
Tone/Pulse (Âm/Nhịp)	-	Chọn chế độ đang quay số.
Dial Tone (Âm quay số)	-	Rút ngắn khoảng tạm dừng dò âm quay số.
Dial Prefix (Tiền tố quay số)	-	Thiết đặt số tiền tố được đặt trước số fax mỗi lần bạn quay số.
Compatibility (Khả năng tương thích)	-	Điều chỉnh sự cân bằng cho các khó khăn truyền tải. Nhà cung cấp dịch vụ VoIP cung cấp sự hỗ trợ fax bằng cách sử dụng các tiêu chuẩn khác nhau. Nếu bạn thường gặp phải các lỗi truyền fax, hãy chọn Basic (đổi với VoIP).

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Reset (Đặt lại)	Machine Reset (Đặt lại máy)	Khôi phục toàn bộ cài đặt của máy mà bạn đã thay đổi.
	Network Reset (Đặt lại mạng) (Đối với các model có chức năng mạng)	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt theo nhà máy.
	Address & Fax (Địa chỉ & Fax)	Xóa tất cả các số điện thoại và thiết đặt fax được lưu trữ.
	All Settings (Tắt cả thiết đặt)	Khôi phục tất cả các thiết đặt của máy về thiết đặt theo nhà máy.
	Factory Reset (Đặt về thiết đặt mặc định)	Khôi phục tất cả các cài đặt của máy về cài đặt mặc định theo nhà máy. Thực hiện thao tác này khi bạn chuyển nhượng máy của mình.
Local Language (Ngôn ngữ địa phương) (Chỉ có ở một số model nhất định)	-	Thay đổi ngôn ngữ cho màn hình LCD của bạn.



### Thông tin liên quan

- [Bảng thiết đặt và tính năng](#)

## Bảng cài đặt (Các dòng máy DCP màn hình LCD 2 đường dây)

Model: DCP-B7500D/DCP-B7535DW

### [General Setup (Cài đặt chung)]

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Tray Setting (Thiết đặt khay)	Paper Type (Loại giấy)	-	Thiết đặt loại giấy trong khay giấy.
	Paper Size (Khổ giấy)	-	Thiết đặt khổ giấy trong khay giấy.
	Check Size (Kiểm tra cỡ)	-	Chọn có hiển thị một thông báo cho bạn biết phải kiểm tra xem khổ và loại giấy trong máy và thiết đặt Khổ giấy và Loại giấy của máy có phù hợp không.
Ecology (Sinh thái)	Eco Mode (Chế độ Tiết kiệm)	-	Bật cài đặt máy sau cùng cùng lúc. <ul style="list-style-type: none"> <li>2-sided Print:Long Edge (In 2 mặt: Cạnh dài) (Chỉ có ở một số model nhất định)</li> <li>Sleep Time:0Min (Thời gian Chờ: 0 phút)</li> </ul>
	Toner Save (Tiết kiệm mực)	-	Tăng sản lượng trang của hộp mực.
	Sleep Time (Thời gian ngủ)	-	Thiết đặt số phút trước khi máy nhập Chế độ ngủ.
	Quiet Mode (Chế độ im lặng)	-	Giảm tiếng ồn khi in.
	TKIP + AES	-	Thiết đặt số giờ mà máy sẽ duy trì ở chế độ Ngủ Sâu trước khi đi vào chế độ Tắt Nguồn.
LCD Contrast (Độ tương phản LCD)	-	-	Điều chỉnh độ tương phản màn hình LCD.

### [Copy (Bản sao)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Density (Mật độ)	-	Điều chỉnh mật độ.
Quality (Số lượng)	-	Chọn độ phân giải của Bản sao cho loại tài liệu của bạn.
Contrast (Độ tương phản)	-	Điều chỉnh độ tương phản cho các bản sao.
ID Copy (Sao chép ID)	Density (Mật độ)	Điều chỉnh mật độ.
	Quality (Số lượng)	Chọn độ phân giải của Bản sao cho loại tài liệu của bạn.
	Contrast (Độ tương phản)	Điều chỉnh độ tương phản cho các bản sao.
	2in1/1in1 (2 trong 1/1 trong 1)	Tạo các bản sao chép ID 2 trong 1.

### [Printer (Máy in)]

Đối với các model được hỗ trợ mô phỏng máy in



Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Mô tả
Emulation (Trạng thái)	-	-	Thiết đặt chế độ mô phỏng máy in.
Print Options (Tùy chọn in)	Font List (Danh sách phông chữ)	HP LaserJet BR-Script 3	In danh sách font bên trong của máy.
	Test Print (In thử)	-	In trang kiểm tra.
2-sided (2 mặt)	2-sided Print (In 2 mặt)	-	Tắt hoặc bật in 2 mặt và chọn lật trên cạnh dài hoặc cạnh ngắn.
	Single Image (Một ảnh)	-	Đối với một tác vụ in mà trang cuối là một hình ảnh 1 mặt, chọn tùy chọn 1-sided Feed (Nạp giấy 1 mặt) để giảm thời gian in.
Auto Continue (Tiếp tục tự động)	-	-	Chọn cài đặt này nếu bạn muốn máy xóa bỏ các lỗi về khổ giấy và sử dụng giấy trong khay.
Tray Command (Lệnh đến khay)	-	-	Chọn cài đặt này nếu thông báo khay không phù hợp xuất hiện khi bạn sử dụng trình điều khiển HP.
Reset Printer (Đặt lại máy in)	-	-	Khôi phục tất cả các thiết đặt máy in về thiết đặt theo nhà máy.

#### Đối với các model khác

Cấp 1	Mô tả
Test Print (In thử)	In trang kiểm tra.
2-sided (2 mặt)	Tắt hoặc bật in 2 mặt và chọn lật trên cạnh dài hoặc cạnh ngắn.
Auto Continue (Tiếp tục tự động)	Chọn cài đặt này nếu bạn muốn máy xóa bỏ các lỗi về khổ giấy và sử dụng giấy trong khay.
Reset Printer (Đặt lại máy in)	Khôi phục tất cả các thiết đặt máy in về thiết đặt theo nhà máy.

#### [Network (Mạng)]

#### Đối với model dùng mạng có dây và không dây

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Wired LAN (LAN có dây)	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	Chọn phương thức Boot phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nút. (Tối đa 32 ký tự)
		WINS Config (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Wired LAN (LAN có dây)	TCP/IP	WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary (Chính)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS thứ cấp.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary (Chính)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS thứ cấp.
		APIPA	-	Thiết đặt máy để tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ.
		IPv6	-	Bật hoặc tắt giao thức IPv6. Để biết thêm thông tin chi tiết, chọn trang <b>FAQs &amp; Troubleshooting</b> của model máy mà bạn muốn tìm trên website Hỗ trợ của Brother tại <a href="http://support.brother.com">support.brother.com</a> .
	Ethernet	-	-	Chọn chế độ liên kết Ethernet.
	Wired Status (Trạng thái có dây)	-	-	Xem trạng thái nối dây hiện tại.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Xem địa chỉ MAC của máy.
	Set to Default (Đặt về mặc định)	-	-	Khôi phục các cài đặt mạng có dây về cài đặt của nhà máy.
Wired Enable (Bật kết nối có dây)	-	-	Bật hoặc tắt giao diện LAN có dây theo cách thủ công.	
WLAN	TCP/IP	Boot Method (Phương thức khởi động)	-	Chọn phương thức Boot phù hợp nhất với nhu cầu của bạn.
		IP Address (Địa chỉ IP)	-	Nhập địa chỉ IP.
		Subnet Mask (Mặt nạ mạng con)	-	Nhập Mặt nạ mạng con.
		Gateway (Cổng kết nối)	-	Nhập địa chỉ Cổng.
		Node Name (Tên nút)	-	Nhập tên Nút. (Tối đa 32 ký tự)
		WINS Config (Cấu hình WINS)	-	Chọn chế độ cấu hình WINS.
		WINS Server (Máy chủ WINS)	Primary (Chính)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ WINS thứ cấp.
		DNS Server (Máy chủ DNS)	Primary (Chính)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS sơ cấp.
			Secondary (Phụ)	Chỉ định địa chỉ IP của máy chủ DNS thứ cấp.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả	
WLAN	TCP/IP	APIPA	-	Thiết đặt máy để tự động cấp phát địa chỉ IP từ dải địa chỉ liên kết cục bộ.	
		IPv6	-	Bật hoặc tắt giao thức IPv6. Để biết thêm thông tin chi tiết, chọn trang <b>FAQs &amp; Troubleshooting</b> của model máy mà bạn muốn tìm trên website Hỗ trợ của Brother tại <a href="http://support.brother.com">support.brother.com</a> .	
	Setup Wizard (Cài đặt tiện ích)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng tay.	
	WLAN Assistant (Hỗ trợ WLAN)	-	-	Cấu hình cài đặt mạng không dây bằng cách sử dụng đĩa cài đặt của Brother.	
	WPS/AOSS	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng phương pháp bấm một nút.	
	WPS w/PIN Code (WPS có mã PIN)	-	-	Cấu hình thiết đặt mạng không dây của bạn bằng cách sử dụng WPS với PIN.	
	WLAN	-	-	Status (Trạng thái)	Xem trạng thái mạng không dây hiện tại.
				Signal (Tín hiệu)	Xem cường độ tín hiệu mạng không dây hiện tại.
				Channel (Kênh)	Xem kênh mạng không dây hiện tại.
				Speed (Tốc độ)	Xem tốc độ mạng không dây hiện tại.
				SSID	Xem SSID hiện tại.
				Comm. Mode (Chế độ liên lạc)	Xem Chế độ liên lạc hiện tại.
	MAC Address (Địa chỉ MAC)	-	-	Xem địa chỉ MAC của máy.	
	Set to Default (Đặt về mặc định)	-	-	Khôi phục các cài đặt mạng không dây về cài đặt của nhà máy.	
	WLAN Enable (Bật WLAN)	-	-	Bật hoặc tắt WLAN theo cách thủ công.	
Wi-Fi Direct (Chuyển hướng Wi-Fi)	Push Button (Nút nhấn)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng phương pháp nhấn một nút.	
	PIN Code (Mã PIN)	-	-	Cấu hình các cài đặt mạng Wi-Fi Direct bằng cách sử dụng WPS với mã PIN.	
	Manual (Bằng tay)	-	-	Cấu hình cài đặt mạng Wi-Fi Direct thủ công.	
	Group Owner (Chủ nhóm)	-	-	Thiết đặt máy của bạn là Chủ sở hữu nhóm.	
	Device Info. (Thông tin thiết bị)	Device Name (Tên thiết bị)	-	-	Xem tên thiết bị của máy.
		SSID	-	-	Xem SSID của Chủ sở hữu nhóm. Khi máy không được kết nối, màn hình LCD hiển thị Không Kết nối.

Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Mô tả
Wi-Fi Direct (Chuyên hướng Wi-Fi)	Device Info. (Thông tin thiết bị)	IP Address (Địa chỉ IP)	-	Xem địa chỉ IP hiện tại của máy.
	Status Info. (Thông tin trạng thái)	Status (Trạng thái)	-	Xem trạng thái mạng Wi-Fi Direct hiện tại.
		Signal (Tín hiệu)	-	Xem cường độ tín hiệu mạng Wi-Fi Direct hiện tại. Khi máy của bạn đóng vai trò Chủ sở hữu nhóm, màn hình LCD luôn chỉ báo tín hiệu mạnh.
		Channel (Kênh)	-	Xem kênh mạng Wi-Fi Direct hiện tại.
		Speed (Tốc độ)	-	Xem tốc độ mạng Wi-Fi Direct hiện tại.
I/F Enable (I/F bật)	-	-	Bật hoặc tắt kết nối Wi-Fi Direct.	
Network Reset (Đặt lại mạng)	-	-	-	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt theo nhà máy.

#### [Print Reports (In báo cáo)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
User Settings (Thiết đặt người dùng)	-	In danh sách thiết đặt của bạn.
Print Settings (In thiết đặt)	-	In danh sách thiết đặt Máy in của bạn.
Network Config (Cấu hình mạng) (Đối với các model có chức năng mạng)	-	In danh sách thiết đặt Mạng của bạn.
PrintFileList (Danh sách tệp tin cần in) (Chỉ có ở một số model nhất định)	-	In một danh sách dữ liệu đã lưu trong bộ nhớ máy.
Drum Dot Print (In chấm mực của trống mực)	-	In tờ kiểm tra chấm trên trống mực.
WLAN Report (Báo cáo WLAN) (Đối với các model có chức năng mạng không dây)	-	In kết quả kết nối LAN không dây.

#### [Machine Info. (Thông tin máy)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Serial No. (Số sê-ri)	-	Kiểm tra số sê-ri máy của bạn.
Version (Phiên bản)	-	Kiểm tra phiên bản firmware của máy.
Page Counter (Bộ đếm số trang)	Total (Tổng)	Kiểm tra tổng số trang mà máy đã in trong suốt thời gian làm việc của máy.
	Copy (Sao chép)	
	Print (In)	
	Other (Khác)	
Parts Life (Tuổi thọ bộ phận)	Toner (Hộp mực)	Xem tuổi thọ mực in còn lại ước chừng.
	Drum (Trống)	Bạn có thể kiểm tra tỷ lệ tuổi thọ Trống mực còn lại.

## [Initial Setup (Cài đặt ban đầu)]

Cấp 1	Cấp 2	Mô tả
Reset (Đặt lại)	Machine Reset (Đặt lại máy)	Khôi phục toàn bộ cài đặt của máy mà bạn đã thay đổi.
	Network Reset (Đặt lại mạng) (Đối với các model có chức năng mạng)	Khôi phục tất cả các thiết đặt mạng về thiết đặt theo nhà máy.
	All Settings (Tất cả thiết đặt)	Khôi phục tất cả các thiết đặt của máy về thiết đặt theo nhà máy.
	Factory Reset (Đặt về thiết đặt mặc định)	Khôi phục tất cả các cài đặt của máy về cài đặt mặc định theo nhà máy. Thực hiện thao tác này khi bạn chuyển nhượng máy của mình.
Local Language (Ngôn ngữ địa phương) (Chỉ có ở một số model nhất định)	-	Thay đổi ngôn ngữ cho màn hình LCD của bạn.



### Thông tin liên quan

- [Bảng thiết đặt và tính năng](#)

## Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)
- [Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa](#)
- [Tôi có thể tìm thiết đặt mạng của máy Brother ở đâu?](#)

## Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web

Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS).

- [Quản lý dựa trên Web là gì?](#)
- [Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web](#)
- [Đặt mật khẩu đăng nhập cho tiện ích Quản lý trên nền Web](#)
- [Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng tính năng Quản lý trên nền Web](#)

Trang chủ > Thiết đặt máy > Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn > Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web > Quản lý dựa trên Web là gì?

## Quản lý dựa trên Web là gì?

**Model:** DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

Quản lý dựa trên Web là một tiện ích sử dụng một trình duyệt web chuẩn để quản lý máy của bạn bằng Giao thức truyền siêu văn bản (HTTP) hoặc Giao thức truyền siêu văn bản thông qua Tầng ổ bảo mật (HTTPS). Nhập địa chỉ IP của máy vào trình duyệt web để truy cập và thay đổi các thiết đặt máy chủ in của bạn.



- Chúng tôi khuyên dùng Microsoft Internet Explorer 11/Edge cho Windows và Safari 9/10 cho Mac. Đảm bảo rằng JavaScript và Cookie luôn được bật trong bất kỳ trình duyệt nào mà bạn dùng.
- Bạn phải sử dụng giao thức TCP/IP trên mạng của bạn và có địa chỉ IP hợp lệ được lập trình trong máy chủ in và máy tính của bạn.

The screenshot shows the Brother web management interface. At the top, there's a header with 'XXX -XXXX' on the left, a 'Please configure the password >>' button in the center, and the 'brother' logo on the right. Below the header is a navigation bar with tabs: 'General', 'Address Book', 'Fax', 'Copy', 'Print', 'Scan', 'Administrator', and 'Network'. The 'General' tab is selected. On the right side of the navigation bar, there's a 'Bottom' dropdown menu. The main content area is titled 'Status' and contains several sections: 'Device Status' showing 'Ready' with a green bar; 'Automatic Refresh' with radio buttons for 'Off' (selected) and 'On'; 'Toner Level' showing a vertical bar and 'BK'; 'Web Language' with a dropdown menu set to 'Auto'; and 'Device Location' with icons for 'Contact' and 'Location'.

- Màn hình thực tế có thể khác với màn hình được thể hiện ở trên.



### Thông tin liên quan

- Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web



## Truy cập tính năng Quản lý trên nền Web

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giao thức bảo mật HTTPS khi định cấu hình cài đặt bằng tính năng Quản lý trên nền Web.
- Khi bạn sử dụng HTTPS để cấu hình tính năng Quản lý trên nền Web, trình duyệt của bạn sẽ hiển thị hộp thoại cảnh báo.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "http://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy).

Ví dụ:

http://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.

- Ví dụ:

http://SharedPrinter

Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.

- Ví dụ:

http://brnxxxxxxxxxxxx

Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

- Đối với Mac, truy cập Trình Quản lý trên nền Web bằng cách nhấp vào biểu tượng của máy trên màn hình **Status Monitor**.

3. Mặc định là không yêu cầu mật khẩu. Nhập mật khẩu nếu bạn đã đặt, rồi nhấp vào .

Bây giờ bạn có thể thay đổi cài đặt máy chủ in.

Nếu bạn thay đổi cài đặt giao thức, bạn phải khởi động lại máy sau khi nhấp vào **Submit (Gửi)** để kích hoạt cấu hình.



### Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

## Đặt mật khẩu đăng nhập cho tiện ích Quản lý trên nền Web

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

Chúng tôi khuyến nghị bạn nên thiết lập một mật khẩu đăng nhập để ngăn truy cập trái phép vào tiện ích Quản lý trên nền Web.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "http://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy).

Ví dụ:

http://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.

- Ví dụ:

http://SharedPrinter


Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.


- Ví dụ:


http://brnxxxxxxxxxxxx

Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

- Đối với Mac, truy cập Trình Quản lý trên nền Web bằng cách nhấp vào biểu tượng của máy trên màn hình **Status Monitor**.

3. Mặc định là không yêu cầu mật khẩu. Nhập mật khẩu nếu bạn đã đặt, rồi nhấp vào .
4. Nhấp vào **Administrator (Quản trị viên)**.
5. Nhập mật khẩu mà bạn muốn sử dụng trong trường **Enter New Password (Nhập Mật khẩu mới)** (8-32 ký tự).
6. Nhập lại mật khẩu trong trường **Confirm New Password (Xác nhận Mật khẩu mới)**.
7. Nhấp vào **Submit (Gửi)**.

Trong tương lai, mỗi lần bạn truy cập vào tiện ích Quản lý trên nền Web, hãy nhập mật khẩu vào trường **Login (Đăng nhập)**, sau đó bấm .

Sau khi cấu hình các cài đặt, hãy đăng xuất bằng cách nhấp vào .



- Nếu bạn chưa đặt mật khẩu đăng nhập trước đó, bạn cũng có thể đặt mật khẩu bằng cách nhấp vào nút **Please configure the password (Vui lòng định cấu hình mật khẩu)** trên trang web của máy.



### Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

## Thiết lập Số địa chỉ của Máy bằng tính năng Quản lý trên nền Web

Model: DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

- Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng giao thức bảo mật HTTPS khi định cấu hình cài đặt bằng tính năng Quản lý trên nền Web.
- Khi bạn sử dụng HTTPS để cấu hình tính năng Quản lý trên nền Web, trình duyệt của bạn sẽ hiển thị hộp thoại cảnh báo.

1. Khởi động trình duyệt web của bạn.
2. Nhập "http://machine's IP address" vào thanh địa chỉ của trình duyệt (trong đó "machine's IP address" là địa chỉ IP của máy).

Ví dụ:

http://192.168.1.2



- Nếu bạn đang sử dụng Hệ thống Tên Miền hoặc bật tên NetBIOS, bạn có thể nhập tên khác, như "SharedPrinter" thay vì nhập địa chỉ IP.

- Ví dụ:

http://SharedPrinter


Nếu bạn bật tên NetBIOS, bạn cũng có thể sử dụng tên nút.

- Ví dụ:

http://brnxxxxxxxxxxxx

Tên NetBIOS có thể được tìm thấy trong Báo cáo Cấu hình Mạng.

- Đối với Mac, truy cập Trình Quản lý trên nền Web bằng cách nhấp vào biểu tượng của máy trên màn hình **Status Monitor**.

3. Mặc định là không yêu cầu mật khẩu. Nhập mật khẩu nếu bạn đã đặt, rồi nhấp vào .
4. Nhấp vào tab **Address Book (Số Địa chỉ)**.
5. Thêm hoặc cập nhật thông tin Danh bạ nếu cần.
6. Nhấp vào **Submit (Gửi)**.



### Thông tin liên quan

- [Thay đổi Cài đặt Máy bằng tiện ích Quản lý dựa trên Web](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Cài đặt từ xa \(Windows\)](#)
- [Cài đặt từ xa \(Mac\)](#)

## Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa

**Model:** MFC-B7715DW

Chương trình Cài đặt Từ xa cho phép bạn định cấu hình nhiều cài đặt của máy Brother từ máy tính của bạn. Khi bạn khởi động Cài đặt Từ xa, các thiết đặt trên máy Brother sẽ được tải xuống máy tính của bạn và hiển thị trên màn hình của bạn. Nếu bạn thay đổi cài đặt trên máy tính của mình, bạn có thể tải trực tiếp lên máy.

- [Cài đặt từ xa \(Windows\)](#)
- [Cài đặt từ xa \(Mac\)](#)

---

▲ Trang chủ > Thiết đặt máy > Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn > Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa > Cài đặt từ xa (Windows)

## **Cài đặt từ xa (Windows)**

- Thiết lập Máy Brother từ Máy tính của Bạn (Windows)
- Thiết lập Máy Brother bằng ControlCenter4 (Windows)
- Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng ControlCenter4 (Windows)
- Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng tính năng Quản lý trên nền Web

Trang chủ > Thiết đặt máy > Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn > Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa > Cài đặt từ xa (Windows) > Thiết lập Máy Brother từ Máy tính của Bạn (Windows)

## Thiết lập Máy Brother từ Máy tính của Bạn (Windows)

Model: MFC-B7715DW


1. Thực hiện một trong các thao tác sau:

- Windows 7

Bấm  (**Bắt đầu**) > **Tất cả các chương trình** > **Brother** > **Brother Utilities**.

Bấm vào danh sách thả xuống và chọn tên model của bạn (nếu chưa được chọn). Bấm **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi bấm **Cài đặt Từ xa**.

- Windows 8 và Windows 10

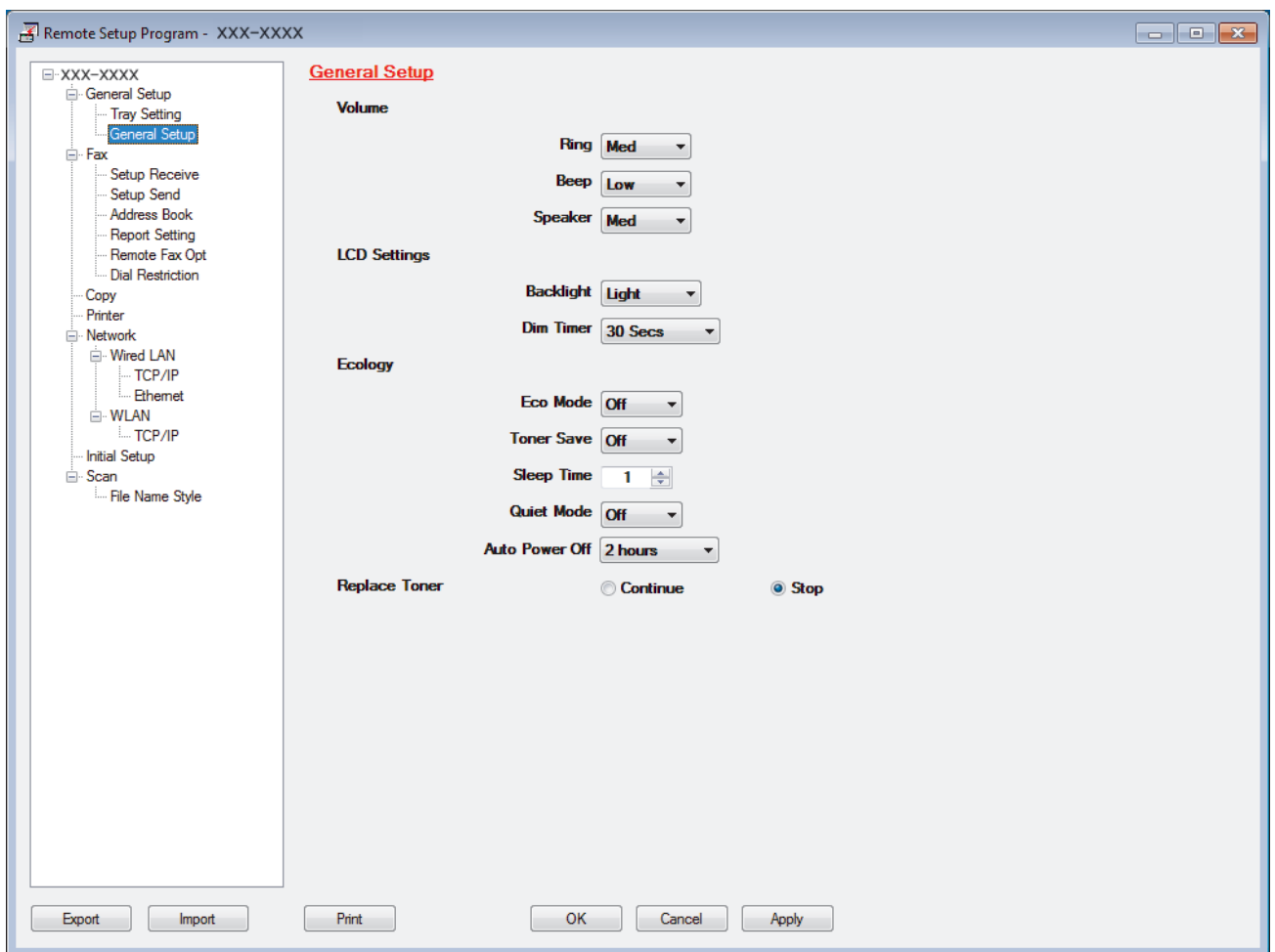
Khởi chạy  (**Brother Utilities**), rồi nhấp vào danh sách thả xuống và chọn tên dòng máy của bạn (nếu chưa được chọn). Nhấp vào **Công cụ** trong thanh điều hướng bên trái, rồi nhấp vào **Cài đặt Từ xa**.

Cửa sổ Chương trình Cài đặt Từ xa sẽ xuất hiện.



Khi máy của bạn được kết nối thông qua Mạng, nhập mật khẩu khi được yêu cầu.

2. Cấu hình thiết đặt nếu cần.



### Export (Xuất ra)

Bấm để lưu thiết đặt cấu hình hiện tại vào tập tin.



Bấm **Export (Xuất ra)** để lưu danh bạ của bạn hoặc tất cả thiết đặt cho máy của bạn.

---

### **Import (Nhập vào)**

Nhấp để nhập tệp tin và đọc các thiết đặt của tệp tin.

### **Print (In)**

Bấm để in mục đã chọn trên máy. Bạn không thể in dữ liệu cho đến khi dữ liệu được tải lên máy. Bấm **Apply (Áp dụng)** để tải dữ liệu mới lên máy, rồi bấm **Print (In)**.

### **OK**

Bấm để bắt đầu tải dữ liệu lên máy, rồi thoát Chương trình cài đặt từ xa. Nếu có thông báo lỗi xuất hiện, xác nhận tính chính xác của dữ liệu, rồi bấm **OK**.

### **Cancel (Hủy)**

Bấm để thoát Chương trình cài đặt từ xa mà không tải dữ liệu lên máy.

### **Apply (Áp dụng)**

Bấm để tải dữ liệu lên máy mà không thoát Chương trình cài đặt từ xa.

### 3. Bấm **OK**.

- Nếu máy tính của bạn được bảo vệ bằng tường lửa và không thể sử dụng Cài đặt từ xa, bạn nên cấu hình thiết đặt tường lửa để cho phép liên lạc qua số cổng 137 và 161.
- Nếu bạn đang sử dụng Tường lửa Windows và đã cài đặt phần mềm và các trình điều khiển của Brother từ đĩa cài đặt, thì các thiết đặt tường lửa cần thiết đã được đặt.




### **Thông tin liên quan**

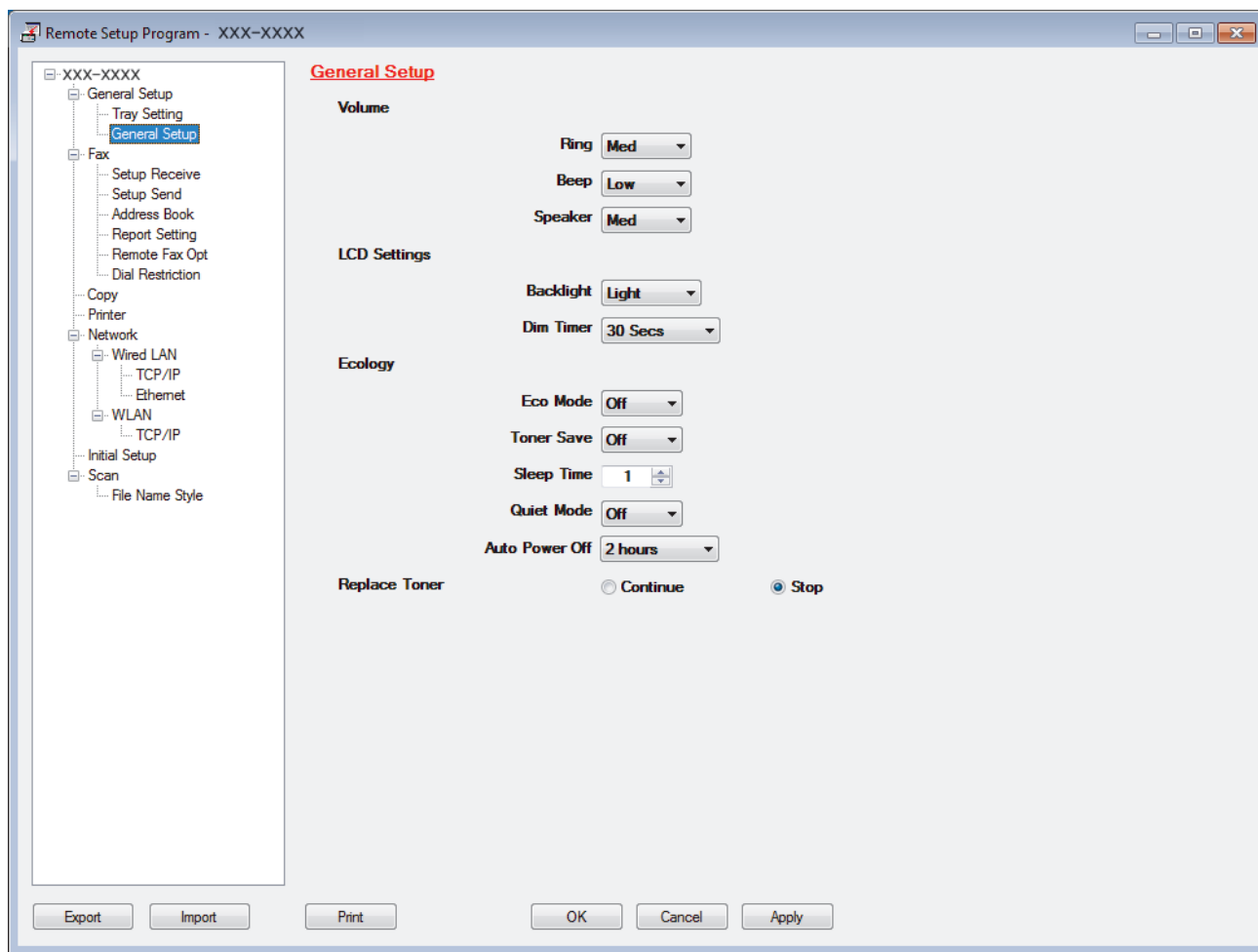
- [Cài đặt từ xa \(Windows\)](#)
-

Trang chủ > Thiết đặt máy > Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn > Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa > Cài đặt từ xa (Windows) > Thiết lập Máy Brother bằng ControlCenter4 (Windows)

## Thiết lập Máy Brother bằng ControlCenter4 (Windows)

Model: MFC-B7715DW

1. Bấm vào biểu tượng  (ControlCenter4) trong khay tác vụ, rồi bấm **Mở**.
2. Bấm vào tab **Thiết đặt Thiết bị**.
3. Bấm nút **Cài đặt Từ xa**.
4. Cấu hình thiết đặt nếu cần.



### Export (Xuất ra)

Bấm để lưu thiết đặt cấu hình hiện tại vào tập tin.



Bấm **Export (Xuất ra)** để lưu danh bạ của bạn hoặc tất cả thiết đặt cho máy của bạn.

### Import (Nhập vào)

Nhấp để nhập tập tin và đọc các thiết đặt của tập tin.

### Print (In)

Bấm để in mục đã chọn trên máy. Bạn không thể in dữ liệu cho đến khi dữ liệu được tải lên máy. Bấm **Apply (Áp dụng)** để tải dữ liệu mới lên máy, rồi bấm **Print (In)**.

### OK

Bấm để bắt đầu tải dữ liệu lên máy, rồi thoát Chương trình cài đặt từ xa. Nếu có thông báo lỗi xuất hiện, xác nhận tính chính xác của dữ liệu, rồi bấm **OK**.



---

**Cancel (Hủy)**

Bấm để thoát Chương trình cài đặt từ xa mà không tải dữ liệu lên máy.

**Apply (Áp dụng)**

Bấm để tải dữ liệu lên máy mà không thoát Chương trình cài đặt từ xa.

**5. Bấm OK.**

- Nếu máy tính của bạn được bảo vệ bằng tường lửa và không thể sử dụng Cài đặt từ xa, bạn nên cấu hình thiết đặt tường lửa để cho phép liên lạc qua số cổng 137 và 161.
- Nếu bạn đang sử dụng Tường lửa Windows và đã cài đặt phần mềm và các trình điều khiển của Brother từ đĩa cài đặt, thì các thiết đặt tường lửa cần thiết đã được đặt.

**Thông tin liên quan**


- [Cài đặt từ xa \(Windows\)](#)
-

Trang chủ > Thiết đặt máy > Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn > Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa > Cài đặt từ xa (Windows) > Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng ControlCenter4 (Windows)

## Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng ControlCenter4 (Windows)

Model: MFC-B7715DW

Sử dụng Cài đặt từ xa thông qua CC4 để thêm hoặc thay đổi số trong Danh bạ trên máy tính của bạn.

1. Bấm vào biểu tượng  (**ControlCenter4**) trong khay tác vụ, rồi bấm **Mở**.
2. Bấm vào tab **Thiết đặt Thiết bị**.
3. Bấm nút **Sổ Địa chỉ**.  
**Address Book (Sổ Địa chỉ)** mở ra trong cửa sổ Cài đặt từ xa.
4. Thêm hoặc cập nhật thông tin Danh bạ nếu cần.
5. Bấm **OK**.



### Thông tin liên quan

- [Cài đặt từ xa \(Windows\)](#)

---

▲ Trang chủ > Thiết đặt máy > Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn > Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa > Cài đặt từ xa (Mac)

## Cài đặt từ xa (Mac)

- Thiết lập Máy Brother bằng Kết nối Cáp USB (Mac)
- Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng Kết nối Cáp USB (Mac)
- Thiết lập Sổ địa chỉ của Máy bằng tính năng Quản lý trên nền Web

Trang chủ > Thiết đặt máy > Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn > Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa > Cài đặt từ xa (Mac) > Thiết lập Máy Brother bằng Kết nối Cáp USB (Mac)

## Thiết lập Máy Brother bằng Kết nối Cáp USB (Mac)

Model: MFC-B7715DW

Sử dụng Cài đặt Từ xa để thiết lập máy Brother của bạn bằng kết nối cáp USB.

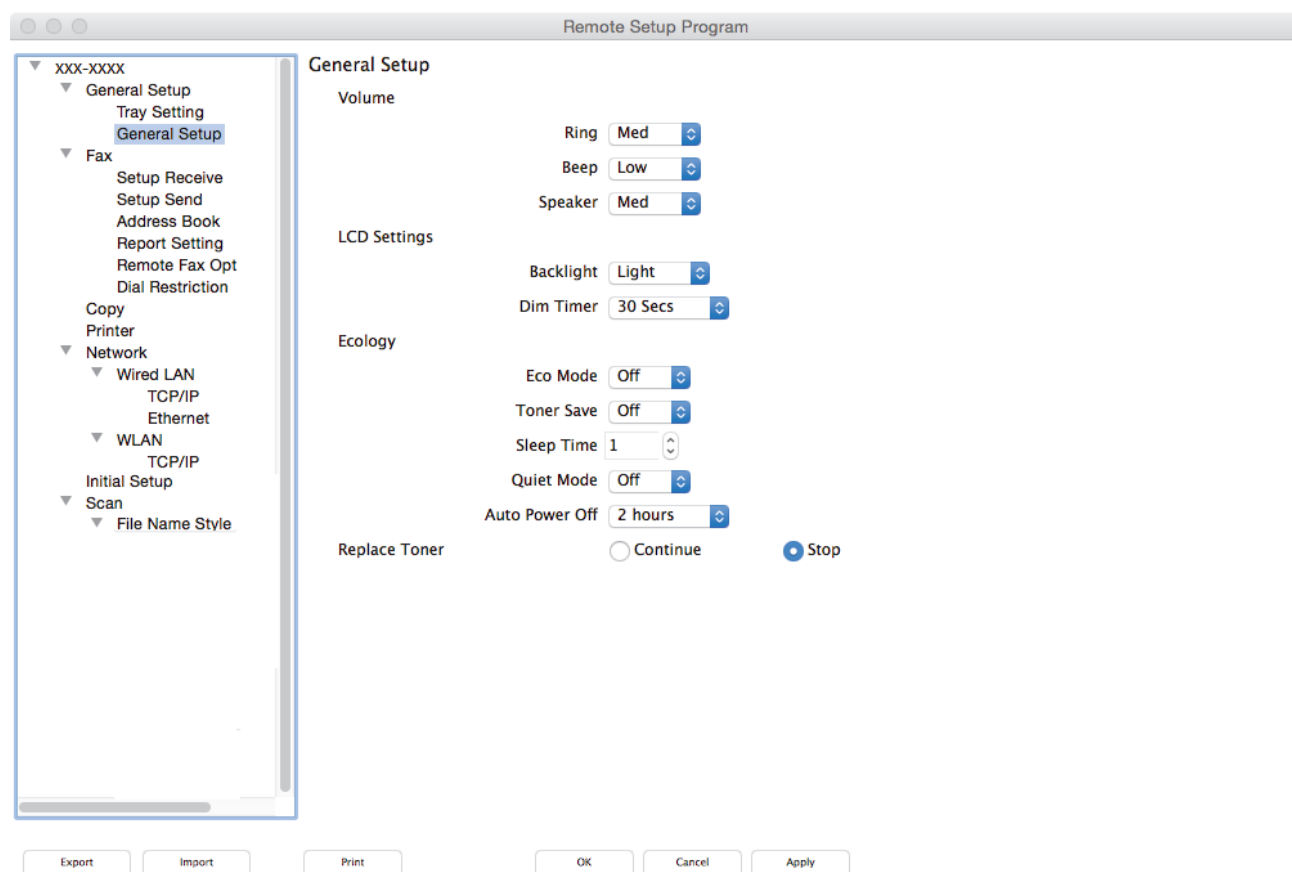
Để sử dụng tiện ích Cài đặt Từ xa, hãy truy cập trang **Downloads** cho model của bạn tại Trung tâm Giải pháp Brother tại [support.brother.com](http://support.brother.com) và tải xuống tiện ích Cài đặt Từ xa từ **Utilities (Các tiện ích)**.



- Cài đặt Từ xa cho Mac chỉ hỗ trợ kết nối USB.

- Trong thanh menu **Finder (Trình tìm kiếm)**, nhấp vào **Go (VÀO)** > **Applications (Ứng dụng)** > **Brother**, rồi nhấp đúp vào biểu tượng Cài đặt Từ xa.

Màn hình Chương trình Cài đặt Từ xa sẽ xuất hiện.



- Cấu hình thiết đặt nếu cần.

### Export (Xuất ra)

Bấm để lưu thiết đặt cấu hình hiện tại vào tập tin.



Bấm **Export (Xuất ra)** để lưu danh bạ của bạn hoặc tất cả thiết đặt cho máy của bạn.

### Import (Nhập vào)

Nhấp để nhập tập tin và đọc các thiết đặt của tập tin.

---

**Print (In)**

Bấm để in mục đã chọn trên máy. Bạn không thể in dữ liệu cho đến khi dữ liệu được tải lên máy. Bấm **Apply (Áp dụng)** để tải dữ liệu mới lên máy, rồi bấm **Print (In)**.

**OK**

Bấm để bắt đầu tải dữ liệu lên máy, rồi thoát Chương trình cài đặt từ xa. Nếu có thông báo lỗi xuất hiện, nhập lại dữ liệu đúng, rồi bấm **OK**.

**Cancel (Hủy)**

Bấm để thoát Chương trình cài đặt từ xa mà không tải dữ liệu lên máy.

**Apply (Áp dụng)**

Bấm để tải dữ liệu lên máy mà không thoát Chương trình cài đặt từ xa.

3. Sau khi hoàn tất, bấm **OK**.

**Thông tin liên quan**

- [Cài đặt từ xa \(Mac\)](#)
-

Trang chủ > Thiết đặt máy > Thay đổi Cài đặt Máy từ Máy tính của bạn > Thay đổi Thiết đặt Máy bằng cách sử dụng Cài đặt Từ xa > Cài đặt từ xa (Mac) > Thiết lập Số địa chỉ của Máy bằng Kết nối Cáp USB (Mac)

## Thiết lập Số địa chỉ của Máy bằng Kết nối Cáp USB (Mac)

Model: MFC-B7715DW

Sử dụng tiện ích Cài đặt Từ xa để thêm hoặc thay đổi các số trong Số địa chỉ trên máy tính của bạn bằng kết nối cáp USB.

Để sử dụng tiện ích Cài đặt Từ xa, hãy truy cập trang **Downloads** cho model của bạn tại Trung tâm Giải pháp Brother tại [support.brother.com](http://support.brother.com) và tải xuống tiện ích Cài đặt Từ xa từ **Utilities (Các tiện ích)**.



- Cài đặt Từ xa cho Mac chỉ hỗ trợ kết nối USB.

- Trong thanh menu **Finder (Trình tìm kiếm)**, nhấp vào **Go (VÀO)** > **Applications (Ứng dụng)** > **Brother**, rồi nhấp đúp vào biểu tượng Cài đặt Từ xa.  
Màn hình Chương trình Cài đặt Từ xa sẽ xuất hiện.
- Trong menu bên trái, nhấp vào **Address Book (Số Địa chỉ)** trong **Fax**.
- Thêm hoặc cập nhật thông tin Danh bạ nếu cần.
- Sau khi hoàn tất, bấm **OK**.



### Thông tin liên quan

- [Cài đặt từ xa \(Mac\)](#)

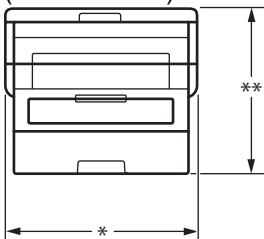
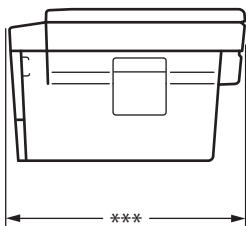
## Phụ lục

- Thông số kỹ thuật
- Cách nhập văn bản trên máy Brother của bạn
- Vật tư
- Số điện thoại Brother

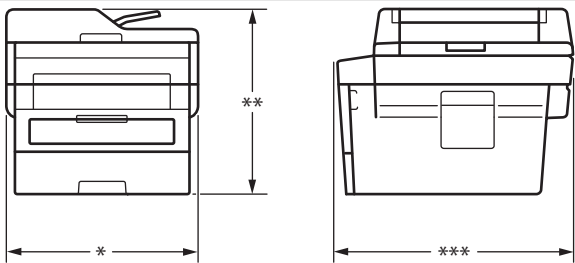
## Thông số kỹ thuật

- >> Thông số kỹ thuật chung
- >> Thông số kỹ thuật về khổ tài liệu
- >> Thông số kỹ thuật của phương tiện in
- >> Các thông số kỹ thuật của Máy Fax
- >> Thông số kỹ thuật sao chép
- >> Các thông số kỹ thuật của Máy quét
- >> Thông số kỹ thuật của máy in
- >> Thông số kỹ thuật giao diện
- >> Giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ
- >> Thông số kỹ thuật yêu cầu cho máy tính

### Thông số kỹ thuật chung

<b>Loại máy in</b>		• Laze
<b>Phương thức in</b>		• Máy in laze quang điện tử
<b>Dung lượng bộ nhớ</b>	<b>Tiêu chuẩn</b>	• 128 MB
<b>LCD (Màn hình tinh thể lỏng)</b>		• 16 ký tự x 2 dòng
<b>Nguồn điện</b>		• 220 đến 240 V AC 50/60 Hz
<b>Tiêu thụ điện năng</b> (Trung bình)	<b>Tối đa</b>	• Khoảng 1104 W
	<b>In<sup>2</sup></b>	• Khoảng 475 W ở 25 °C
	<b>In (Chế độ im lặng)<sup>2</sup></b>	• Khoảng 260 W ở 25 °C
	<b>Sao chép<sup>2</sup></b>	• Khoảng 485 W ở 25 °C
	<b>Sao chép (Chế độ im lặng)<sup>2</sup></b>	• Khoảng 260 W ở 25 °C
	<b>Sẵn sàng<sup>2</sup></b>	• Khoảng 42 W ở 25 °C
	<b>Ngủ<sup>2</sup></b>	• Khoảng 6,2 W
	<b>Ngủ sâu<sup>2</sup></b>	• Khoảng 0,9 W
	<b>Tắt nguồn<sup>2 3 4</sup></b>	• Khoảng 0,03 W
<b>Kích thước</b> (Đường viền điển hình) (DCP-B7500D)		Đơn vị: mm
		• (DCP-B7500D) * : 410 ** : 272 *** : 398,5
(DCP-B7535DW/MFC-B7715DW)		• (DCP-B7535DW/MFC-B7715DW) * : 410 ** : 318,5 *** : 398,5



			
<b>Trọng lượng (có vật tư)</b>		<ul style="list-style-type: none"> <li>(DCP-B7500D) 10,5 kg</li> <li>(DCP-B7535DW) 11,8 kg</li> <li>(MFC-B7715DW) 12,0 kg</li> </ul>	
<b>Độ ồn</b>	<b>Áp suất âm thanh</b>	<b>In</b>	• LpAm = 49 dB (A)
		<b>In (Chế độ im lặng)</b>	• LpAm = 44 dB (A)
		<b>Sẵn sàng</b>	• LpAm = 30 dB (A)
	<b>Công suất âm thanh</b>	<b>In</b>	• LWAd = 6,59 B (A)
		<b>In (Chế độ im lặng)</b>	• LWAd = 6,11 B (A)
		<b>Sẵn sàng</b>	• LWAd = Không thể nghe được
<b>Nhiệt độ</b>	<b>Hoạt động</b>	• 10 đến 32 °C	
	<b>Lưu trữ</b>	• 0 đến 40 °C	
<b>Độ ẩm</b>	<b>Hoạt động</b>	• 20 đến 80% (không có nước ngưng tụ)	
	<b>Lưu trữ</b>	• 35 đến 85% (không có nước ngưng tụ)	
<b>ADF (bộ nạp tài liệu tự động)</b> (DCP-B7535DW/MFC-B7715DW)		<ul style="list-style-type: none"> <li>(DCP-B7535DW/MFC-B7715DW) Lên đến 50 tờ</li> </ul> <p>Để có được kết quả tốt nhất chúng tôi khuyến nghị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhiệt độ: 20 đến 30 °C</li> <li>Độ ẩm: 50 đến 70%</li> <li>Giấy: 80 g/m<sup>2</sup></li> </ul>	

1 Đo theo đường chéo

2 Kết nối USB với máy tính

3 Được đo theo IEC 62301 Phiên bản 2.0.

4 Mức tiêu thụ điện sẽ thay đổi đôi chút tùy theo môi trường sử dụng.

## Thông số kỹ thuật về khổ tài liệu

<b>Khổ tài liệu</b>	<b>Độ rộng ADF</b> <sup>1</sup>	• 105 đến 215,9 mm
	<b>Độ dài ADF</b> <sup>1</sup>	• 147,3 đến 355,6 mm
	<b>Độ rộng kính máy quét</b>	• Tối đa 215,9 mm
	<b>Độ dài kính máy quét</b>	• Tối đa 300 mm

1 Chỉ áp dụng với các dòng máy ADF

## Thông số kỹ thuật của phương tiện in

<b>Đầu vào giấy</b>	<b>Khay giấy</b>	<b>Loại giấy</b>	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế, Giấy dày
---------------------	------------------	------------------	--

<b>Đầu vào giấy (Chuẩn)</b>	<b>Khổ giấy</b>	• (Dành cho Hàn Quốc) A4, Letter, A5, A5 (Cạnh dài), A6, Executive	
		• (Dành cho các quốc gia khác) A4, Letter, A5, A5 (Cạnh dài), A6, Executive, Legal, Folio, Mexico Legal, India Legal	
	<b>Trọng lượng giấy</b>	• 60 đến 163 g/m <sup>2</sup>	
	<b>Sức chứa giấy tối đa</b>	• Lên đến 250 tờ Giấy thường 80 g/m <sup>2</sup>	
	<b>Khe nạp bằng tay</b>	<b>Loại giấy</b>	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy dày, Giấy dày hơn, Giấy tái chế, Giấy bông, Nhân, Phong bì, Phong bì mỏng, Phong bì dày
<b>Khổ giấy</b>		• Chiều rộng: 76,2 đến 215,9 mm • Chiều dài: 127 đến 355,6 mm • Phong bì: COM-10, DL, C5, Monarch	
<b>Trọng lượng giấy</b>		• 60 đến 230 g/m <sup>2</sup>	
<b>Sức chứa giấy tối đa</b>		• Từng tờ một	
<b>Đầu ra giấy<sup>1</sup></b>	<b>Khay đầu ra hướng xuống</b>	• Lên đến 120 tờ (úp xuống để chạy đến khay đầu ra giấy úp xuống) <sup>2</sup>	
	<b>Khay đầu ra hướng lên</b>	• Một tờ (ngửa lên để chạy đến khay đầu ra giấy ngửa lên)	
<b>2 mặt</b>	<b>In 2 mặt tự động</b>	<b>Loại giấy</b>	• Giấy thường, Giấy mỏng, Giấy tái chế
		<b>Khổ giấy</b>	• A4
		<b>Trọng lượng giấy</b>	• 60 đến 105 g/m <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Đối với nhân, chúng tôi khuyến nghị nên lấy tờ nhân đã in ra khỏi khay giấy đầu ra ngay sau khi nhân xuất ra từ máy để tránh bị nhòe mực.

<sup>2</sup> Được tính là 80 g/m<sup>2</sup> trong môi trường ôn hòa, không ẩm ướt.

## Các thông số kỹ thuật của Máy Fax

### LƯU Ý

Tính năng này dành cho các model MFC.

<b>Tương thích</b>	• ITU-T Super Group 3	
<b>Hệ thống mã hóa</b>	• MH / MR / MMR / JBIG	
<b>Tốc độ modem</b>	• 33.600 bps (có Dự phòng tự động)	
<b>Nhận bản in 2 mặt</b>	• (MFC-B7715DW) Có	
<b>Độ rộng quét</b>	• Tối đa 208 mm	
<b>Độ rộng in</b>	• Tối đa 208 mm	
<b>Thang độ xám</b>	• 8 bit / 256 mức	
<b>Độ phân giải</b>	<b>Ngang</b>	• 203 dpi
	<b>Đọc</b>	• Chuẩn: 98 dpi
		• Mịn: 196 dpi • Siêu mịn: 392 dpi

<b>Độ phân giải</b>	• Ảnh: 196 dpi
<b>Danh bạ</b>	• (MFC-B7715DW) 200 vị trí
<b>Quay số một lần chạm</b>	• (MFC-B7715DW) 8 (4 x 2) vị trí
<b>Nhóm</b>	• Lên đến 20
<b>Phát tin</b>	• (MFC-B7715DW) 258 vị trí
<b>Quay số lại tự động</b>	• 3 lần ở các khoảng 5 phút
<b>Truyền bộ nhớ</b>	• (MFC-B7715DW) Lên đến 400 trang <sup>1</sup>
<b>Tiếp nhận khi hết giấy</b>	• (MFC-B7715DW) Lên đến 400 trang <sup>1</sup>

<sup>1</sup> 'Trang' tham chiếu đến 'Biểu đồ kiểm tra ITU-T #1' (thư thương mại thông thường, Độ phân giải chuẩn, mã JBIG).

## Thông số kỹ thuật sao chép

<b>Độ rộng bản sao</b>	• Tối đa 210 mm
<b>Sắp xếp bản sao</b>	• Có
<b>Xếp chồng bản sao</b>	• Lên đến 99 trang
<b>Phóng to/Thu nhỏ</b>	• 25 đến 400% (tăng dần 1%)
<b>Độ phân giải</b>	• Tối đa 600 x 600 dpi
<b>Hết thời gian cho bản sao đầu tiên <sup>1</sup></b>	• Dưới 10 giây ở 23 °C / 230 V

<sup>1</sup> Từ chế độ Sẵn sàng và khay tiêu chuẩn

## Các thông số kỹ thuật của Máy quét

<b>Màu / Đen</b>	• Có / có
<b>Tương thích TWAIN</b>	• Có (Windows 7 SP1 / Windows 8 / Windows 8.1 / Windows 10) (macOS v10.10.5, v10.11.x, v10.12.x)
<b>Tương thích WIA</b>	• Có (Windows 7 SP1 / Windows 8 / Windows 8.1 / Windows 10)
<b>Tương thích ICA</b>	• (DCP-B7500D) Có (macOS v10.10.5, v10.11.x, v10.12.x)
<b>Tính tương thích của AirPrint</b>	• (DCP-B7535DW/MFC-B7715DW) Có (macOS v10.10.5, v10.11.x, v10.12.x)
<b>Độ sâu màu</b>	• Xử lý màu 30 bit (đầu vào) • Xử lý màu 24 bit (đầu ra)
<b>Thang đo màu Xám</b>	• Xử lý màu 10 bit (đầu vào) • Xử lý màu 8 bit (đầu ra)
<b>Độ phân giải <sup>2</sup></b>	• Lên đến 19200 x 19200 dpi (nội suy) • Lên đến 1200 x 1200 dpi (từ Kính máy quét)

	<ul style="list-style-type: none"> <li>Lên đến 600 x 600 dpi (từ ADF) <sup>1</sup></li> </ul>
<b>Độ rộng quét</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tối đa 210 mm</li> </ul>

<sup>1</sup> Chỉ áp dụng với các dòng máy ADF

<sup>2</sup> Quét tối đa 1200 x 1200 dpi với trình điều khiển WIA ở Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10 (có thể chọn độ phân giải lên đến 19200 x 19200 dpi bằng cách sử dụng tiện ích máy quét)

## Thông số kỹ thuật của máy in

<b>In 2 mặt tự động</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Có</li> </ul>
<b>Mô phỏng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>PCL6, BR-Script3, PDF Phiên bản 1.7</li> </ul>
<b>Độ phân giải</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>600 x 600 dpi, chất lượng HQ1200 (2400 x 600 dpi), 1200 x 1200 dpi</li> </ul>
<b>Tốc độ in</b> <sup>1 2</sup>	<b>In 1 mặt</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Lên đến 34 trang/phút (Khổ A4)</li> <li>Lên đến 36 trang/phút (Khổ Letter)</li> </ul>
	<b>In 2 mặt</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>Lên đến 16 trang/phút (lên đến 8 tờ/phút) (khổ A4)</li> <li>Lên đến 17 trang/phút (Lên đến 8,5 tờ/phút) (khổ Letter)</li> </ul>
<b>Thời gian in lần đầu</b> <sup>3</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dưới 8,5 giây ở 23 °C / 230 V</li> </ul>

<sup>1</sup> Tốc độ in có thể thay đổi tùy thuộc vào loại tài liệu mà bạn in.

<sup>2</sup> Tốc độ in có thể chậm hơn khi máy được kết nối bằng mạng LAN không dây.

<sup>3</sup> Từ chế độ Sẵn sàng và khay tiêu chuẩn

## Thông số kỹ thuật giao diện

<b>USB</b> <sup>1 2</sup>	<ul style="list-style-type: none"> <li>USB 2.0 tốc độ cao</li> <li>Sử dụng cáp giao diện USB 2.0 không dài quá 2,0 m.</li> </ul>
<b>LAN</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(DCP-B7535DW/MFC-B7715DW)</li> <li>10Base-T/100Base-TX <sup>3</sup></li> </ul>
<b>LAN không dây</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>(DCP-B7535DW/MFC-B7715DW)</li> <li>IEEE 802.11b/g/n (Chế độ cơ sở hạ tầng)</li> <li>IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct®)</li> </ul>

<sup>1</sup> Máy của bạn có giao diện USB 2.0 tốc độ cao. Máy cũng có thể được kết nối với máy tính có giao diện USB 1.1.

<sup>2</sup> Cổng USB bên thứ ba không được hỗ trợ.

<sup>3</sup> Sử dụng cáp cáp xoắn thẳng suốt Loại 5 (trở lên).

## Giao thức và tính năng bảo mật được hỗ trợ

### Ethernet

10Base-T/100Base-TX

### LAN không dây

IEEE 802.11b/g/n (Chế độ cơ sở hạ tầng), IEEE 802.11g/n (Wi-Fi Direct)

### Giao thức (IPv4)

ARP, RARP, BOOTP, DHCP, APIPA (IP tự động), độ phân giải theo tên WINS/NetBIOS, Bộ giải DNS, mDNS, Bộ trả lời LLMNR, LPR/LPD, Custom Raw Port/Port9100, Máy khách SMTP, IPP/IPPS, Máy khách và Máy chủ FTP, SNMPv1/v2c/v3, Máy chủ HTTP/HTTPS, Máy khách và Máy chủ TFTP, ICMP, các dịch vụ Web (In/Quét)

### Giao thức (IPv6)

NDP, RA, Bộ giải DNS, mDNS, Bộ trả lời LLMNR, LPR/LPD, Custom Raw Port/Port9100, IPP/IPPS, Máy khách SMTP, Máy khách và Máy chủ FTP, Máy khách SNMPv1/v2c/v3, Máy chủ HTTP/HTTPS, Máy khách và Máy chủ TFTP, ICMPv6, Máy khách các dịch vụ Web (In/Quét)

### Bảo mật mạng (có dây)

SMTP-AUTH, SSL/TLS (SMTP, HTTP, IPP), SNMP v3

### Bảo mật mạng (không dây)

SMTP-AUTH, SSL/TLS (SMTP, HTTP, IPP), SNMP v3

### Bảo mật mạng không dây

WEP 64/128 bit, WPA-PSK (TKIP/AES), WPA2-PSK (TKIP/AES)(Wi-Fi Direct chỉ hỗ trợ WPA2-PSK (AES))

### Chứng nhận không dây

Giấy phép Đánh dấu Chứng nhận Wi-Fi (WPA™/WPA2™ - Personal), Giấy phép Đánh dấu Bộ định danh Thiết lập có bảo vệ Wi-Fi (WPS), Wi-Fi CERTIFIED™ Wi-Fi Direct

## Thông số kỹ thuật yêu cầu cho máy tính

Hệ điều hành và chức năng phần mềm được hỗ trợ

Nền tảng & phiên bản hệ điều hành của máy tính		Giao diện máy tính				Bộ xử lý	Đối với trình điều khiển	Dung lượng đĩa cứng để cài đặt
		Đặt song song (IEEE1284)	USB <sup>1</sup>	10Base-T/100Base-TX (Ethernet)	Không dây 802.11b/g/n			
Hệ điều hành Windows	Windows 7 SP1 / 8 / 8.1 <sup>2 3</sup>	Không áp dụng	In PC Fax <sup>4</sup>		Bộ xử lý 32 bit (x86) hoặc 64 bit (x64)	650 MB	1,2 GB	
	Windows 10 Home / 10 Pro / 10 Education / 10 Enterprise <sup>2 3</sup>		Quét					
	Windows Server 2008	Không áp dụng	In	Bộ xử lý 64 bit (x64)	50 MB	Không áp dụng		
	Windows Server 2008 R2							
	Windows Server 2012							
	Windows Server 2012 R2							
	Windows Server 2016							
Hệ điều hành Mac	macOS v10.10.5	In PC-Fax (Gửi) <sup>4</sup> Quét		Bộ xử lý Intel®	80 MB	400 MB		
	macOS v10.11.x							
	macOS v10.12.x							

<sup>1</sup> Cổng USB bên thứ ba không được hỗ trợ.

<sup>2</sup> Đối với WIA, độ phân giải 1200x1200. Brother Scanner Utility có độ phân giải lên tới 19200 x 19200 dpi.

<sup>3</sup> PaperPort™ 14SE hỗ trợ Windows 7, Windows 8, Windows 8.1 và Windows 10.

<sup>4</sup> PC-Fax chỉ hỗ trợ màu đen và trắng.

Để biết các bản cập nhật trình điều khiển mới nhất, hãy truy cập trang **Downloads** của dòng máy của bạn tại Trung tâm Giải pháp Brother tại [support.brother.com](http://support.brother.com).

Tất cả các nhãn hiệu, thương hiệu và tên sản phẩm là tài sản của các công ty tương ứng.



## Thông tin liên quan

- Phụ lục

## Cách nhập văn bản trên máy Brother của bạn

>> [DCP-B7500D/DCP-B7535DW](#)

>> [MFC-B7715DW](#)

### DCP-B7500D/DCP-B7535DW

Khi văn bản được yêu cầu, hãy nhập các ký tự có trên máy. Các ký tự có sẵn có thể thay đổi tùy theo thao tác vận hành mà bạn thực hiện.

- Giữ hoặc bấm liên tục ▲ hoặc ▼ để chọn một ký tự từ danh sách này:  
0123456789abcdefghijklmnopqrstuvwxyzABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ(khoảng trắng)!"#\$%&'()\*  
+,-./:;<=>?@[^\_
- Bấm **OK** khi ký tự hoặc ký hiệu mà bạn muốn được hiển thị, rồi nhập ký tự tiếp theo.
- Bấm **Clear (Xóa)** để xóa ký tự nhập sai.

### MFC-B7715DW

Khi văn bản được yêu cầu, hãy nhập các ký tự có trên máy. Các ký tự có sẵn có thể thay đổi tùy theo thao tác vận hành mà bạn thực hiện.

Các nút 0, # và \* được sử dụng cho ký tự đặc biệt.

(Đối với các chữ cái Kirin) Các nút # và \* được sử dụng cho các ký tự đặc biệt.

- Bấm nút bàn phím quay số thích hợp theo số lần trong bảng tham khảo này để có được ký tự bạn muốn.

Bấm nút	Một lần	Hai lần	Ba lần	Bốn lần	Năm lần	Sáu lần	Bảy lần	Tám lần	Chín lần
1	@	.	/	1	@	.	/	1	@
2	a	b	c	A	B	C	2	a	b
3	d	e	f	D	E	F	3	d	e
4	g	h	i	G	H	I	4	g	h
5	j	k	l	J	K	L	5	j	k
6	m	n	o	M	N	O	6	m	n
7	p	q	r	s	P	Q	R	S	7
8	t	u	v	T	U	V	8	t	u
9	w	x	y	z	W	X	Y	Z	9

Với các tùy chọn không cho phép ký tự chữ thường, sử dụng bảng sau:

Bấm nút	Một lần	Hai lần	Ba lần	Bốn lần	Năm lần
2	A	B	C	2	A
3	D	E	F	3	D
4	G	H	I	4	G
5	J	K	L	5	J
6	M	N	O	6	M
7	P	Q	R	S	7
8	T	U	V	8	T
9	W	X	Y	Z	9

**(Đối với các chữ cái Kirin)**

Bấm nút	Một lần	Hai lần	Ba lần	Bốn lần	Năm lần	Sáu lần	Bảy lần	Tám lần	Chín lần
2	A	B	C	A	Б	В	Г	2	A
3	D	E	F	Д	Е	Ё	Ж	3	D
4	G	H	I	З	И	Й	К	4	G
5	J	K	L	Л	M	Н	О	5	J
6	M	N	O	П	Р	С	Т	6	M
7	P	Q	R	С	У	Ф	Х	Ц	7
8	T	U	V	Ч	Ш	Щ	Ъ	Ы	8
9	W	X	Y	Z	Ь	Э	Ю	Я	9

- Chèn khoảng trắng  
Để chèn khoảng trắng vào số fax, bấm ► một lần giữa các số. Để chèn khoảng trắng vào tên, bấm ► hai lần giữa các ký tự.
- Sửa đổi  
Nếu bạn đã nhập sai ký tự và muốn thay đổi ký tự đó, bấm ◀ hoặc ▶ để di chuyển con trỏ đến ký tự sai, rồi bấm **Clear (Xóa)**.
- Lặp lại chữ  
Để nhập một chữ trên cùng nút của ký tự trước đó, bấm ► để di chuyển con trỏ sang phải trước khi bấm lại nút đó.
- Ký hiệu và ký tự đặc biệt  
Bấm \*, # hoặc 0, rồi bấm ◀ hoặc ▶ để di chuyển con trỏ đến ký hiệu hoặc ký tự bạn muốn. Bấm **OK** để chọn ký hiệu hoặc ký tự đó. Ký hiệu và ký tự có sẵn trên nút bàn phím quay số được cho trong bảng.

Bấm *	(khoảng trắng) ! " # \$ % & ' ( ) * + , - . / €
Bấm #	:: < = > ? @ [ ] ^ _ \ ~ '   { }
Bấm 0 (Không áp dụng đối với các chữ cái Kirin)	À È Ò Û À Ç È É 0

## ✓ Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)

### Chủ đề liên quan:

- [Thiết đặt ID trạm của bạn](#)



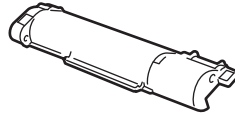
## Vật tư

Khi đến lúc phải thay thế các vật tư như mực in hoặc trống mực, một thông báo lỗi sẽ xuất hiện trên bảng điều khiển của máy hoặc trong Status Monitor. Để biết thêm thông tin về vật tư dành cho máy của bạn, truy cập [www.brother.com/original/index.html](http://www.brother.com/original/index.html) hoặc liên hệ đến các đại lý địa phương của Brother.



- Tên model vật tư sẽ thay đổi tùy thuộc vào quốc gia và khu vực của bạn.

### Hộp mực



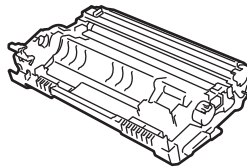
Tên model vật tư	Tuổi thọ ước tính (Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
TN-B022	Khoảng 2.600 trang <sup>1</sup> <sup>2</sup>	DCP-B7500D/DCP-B7535DW/ MFC-B7715DW

<sup>1</sup> Hiệu suất hộp mực ước tính được tuyên bố theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752.

<sup>2</sup> Trang đơn A4/Letter

Tuổi thọ mực trung bình của hộp thư đến được ước tính ở mức Khoảng 2.600 trang dựa trên 1 trang mỗi tác vụ [trang đơn khổ A4 hoặc Letter].

### Bộ trống mực



Tên model vật tư	Tuổi thọ ước tính (Hiệu suất giấy)	Model áp dụng
DR-B022	Khoảng 12.000 trang <sup>1</sup>	DCP-B7500D/DCP-B7535DW/MFC-B7715DW

<sup>1</sup> Khoảng 12.000 trang dựa trên 1 trang mỗi công việc [trang đơn A4/Letter]. Số trang có thể bị ảnh hưởng do nhiều yếu tố bao gồm nhưng không giới hạn loại phương tiện và kích thước phương tiện.



### Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)

#### Chủ đề liên quan:

- [Thay thế vật tư.](#)

## Số điện thoại Brother

### QUAN TRỌNG

Để được trợ giúp kỹ thuật, bạn phải liên hệ với bộ phận dịch vụ khách hàng Brother hoặc đại lý bán hàng Brother tại địa phương.

>> [FAQ \(Câu hỏi thường gặp\)](#)

>> [Dịch vụ khách hàng](#)

### FAQ (Câu hỏi thường gặp)

Brother Solutions Center là kho tài nguyên tổng hợp của chúng tôi cho tất cả nhu cầu về máy của bạn. Tải xuống phần mềm và các tiện ích mới nhất cũng như đọc các Câu hỏi thường gặp (FAQ) và mẹo khắc phục sự cố để tìm hiểu cách tận dụng tối đa sản phẩm Brother của bạn.

Cũng kiểm tra tại đây để nhận cập nhật trình điều khiển Brother.

[support.brother.com](http://support.brother.com)

### Dịch vụ khách hàng

Hãy truy cập [www.brother.com](http://www.brother.com) để biết thông tin liên hệ về văn phòng Brother tại địa phương.

### Vị trí trung tâm dịch vụ

Đối với các trung tâm dịch vụ tại khu vực của bạn, hãy liên hệ với Văn phòng Brother tại địa phương. Có thể tìm thấy thông tin liên hệ cho Văn phòng của Brother tại [www.brother.com](http://www.brother.com) và chọn quốc gia của bạn.

#### Địa chỉ Internet

Trang web toàn cầu của Brother: [www.brother.com](http://www.brother.com)

Đối với Câu hỏi thường gặp (FAQ), Câu hỏi kỹ thuật và hỗ trợ sản phẩm và Bản cập nhật trình điều khiển và Tiện ích:

[support.brother.com](http://support.brother.com)



### Thông tin liên quan

- [Phụ lục](#)

# brother

**Tìm hiểu thêm trên trang website chính hãng của Brother**  
**[www.brother.com](http://www.brother.com)**

Sản phẩm sẽ chỉ được chấp nhận và hỗ trợ bởi Brother và đại lý tại quốc gia trực tiếp bán ra cho khách hàng.



VNM  
Phiên bản B